

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
NGÀNH: TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
MÃ NGÀNH: 7320104

THANH HÓA, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	<i>Truyền thông đa phương tiện</i>
Tên chương trình (Tiếng Anh):	<i>Multimedia communications</i>
Trình độ đào tạo:	<i>Đại học</i>
Mã ngành đào tạo:	<i>7320104</i>
Khoa quản lý chương trình:	<i>Khoa CNTT&TT</i>
Đối tượng tuyển sinh	<i>Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT</i>
Thời gian đào tạo:	<i>4 năm</i>
Hình thức đào tạo:	<i>Chính quy</i>
Số tín chỉ yêu cầu:	<i>128</i>
Điều kiện tốt nghiệp:	<i>Ghi theo quy định đào tạo hiện hành</i>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	<i>Cử nhân Truyền thông đa phương tiện</i>
Vị trí làm việc:	<i>- Lĩnh vực truyền thông của các tổ chức; - Các công ty truyền thông; - Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục có liên quan đến chuyên ngành.</i>
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	<i>Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước</i>
Chương trình tham khảo:	<i>Truyền thông đa phương tiện – Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Truyền thông đa phương tiện – Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Multimedia communications - Yukon University, Yukon – Canada. Multimedia communications - Grand View University, Mỹ.</i>

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng của mình vào thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và góp phần vào sự phát triển của ngành truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thích ứng với thay đổi.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1. Có ý thức chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật chung của nhà nước, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Giải thích và phân tích được nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức lý luận chính trị, an ninh quốc phòng phù hợp với đường lối, chủ trương chính sách của nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành truyền thông đa phương tiện;

PO2. Áp dụng tốt kiến thức khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn vào giải quyết các vấn đề trong suốt quá trình học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng và đồ họa truyền thông; Phát triển tốt kỹ năng ngoại ngữ – tin học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khai thác tư liệu tiếng anh chuyên ngành truyền thông và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, đa lĩnh vực;

PO3. Ứng dụng các kiến thức chuyên sâu về truyền thông, các kỹ năng trong hoạt động truyền thông và báo chí để xây dựng chiến lược truyền thông, biên tập, viết các sản phẩm truyền thông, xây dựng văn hóa truyền thông và xử lý các khủng hoảng truyền thông.

PO4. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để sản xuất được các sản phẩm truyền thông như ấn phẩm báo chí điện tử, sáng tạo nội dung video, làm phong phú nội dung website, tạo ra các sản phẩm đồ họa đa phương tiện tương tác như: kỹ xảo đa phương tiện, phim hoạt hình, website, đồ họa mô phỏng... để đáp ứng tốt những yêu cầu về lĩnh vực truyền thông của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO5. Có khả năng thích ứng làm việc ở các vị trí công việc khác nhau về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, các lĩnh vực liên quan và tiếp tục phát triển các kỹ năng cần thiết để có thể phụ trách các vị trí lãnh đạo với trách nhiệm công việc ngày càng cao hơn. Có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng; có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định, thiết kế sản phẩm truyền thông.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO6. Có năng lực làm việc độc lập, chủ động xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch công việc; chủ động trong việc học tập, nghiên cứu, khai thác các nguồn tài nguyên số và cập nhật công nghệ mới; chủ động khai thác nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế để hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa. Xây dựng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong của một người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc được giao.

2.2. Chuẩn đầu ra

Ngay khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có (khả năng):

2.2.1. Kiến thức

PLO1. Vận dụng được nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức lý luận chính trị, an ninh quốc phòng vào học tập, lao động, sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông đại chúng;

PLO2. Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

PLO3. Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, các kiến thức chuyên sâu về truyền thông để tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông, đánh giá được ưu thế của việc sử dụng các phương tiện truyền thông, xây dựng các phương thức truyền thông hiện đại để nâng cao hiệu quả của các hoạt động truyền thông trong thời đại công nghệ 4.0.

PLO4. Xác định được vai trò của hoạt động công chúng trong hoạt động truyền thông. Nắm rõ vai trò của truyền thông trong quản trị tổ chức, văn hóa và doanh nghiệp. Từ đó, có thể áp dụng hiểu biết về PR truyền thông kết hợp với hiểu biết về các hoạt động quảng cáo, tư duy và sáng tạo trong quảng cáo để xây dựng các chiến lược truyền thông, nhận diện thương hiệu trên nền tảng kỹ thuật số và mạng xã hội phù hợp;

PLO5. Vận dụng được quy trình và phương pháp thiết kế, xây dựng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông. Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

PLO6. Phân tích được đặc điểm của nhiếp ảnh, phim ngắn, các sản phẩm truyền thông mới như megastory, video, 2D, 3D,... trong đó tập trung vào nghiên cứu phân tích đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp sáng tạo. Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như nhiếp ảnh, phim ngắn, megastory, 2D, 3D và thiết kế hoạt hình.

2.2.2. Kỹ năng

PLO7. Hình thành được các kỹ năng về biên tập đa phương tiện; Thiết kế các sản phẩm đồ họa cơ bản phục vụ cho công tác truyền thông; Thiết kế và phát triển các sản phẩm phần mềm đa phương tiện; Hoạch định chiến lược truyền thông, chiến lược marketing, tổ chức sự kiện; Xây dựng và phát triển thương hiệu.

PLO8. Kỹ năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ, làm việc nhóm và lãnh đạo trong các dự án truyền thông đa phương tiện; Có kỹ năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thực tế cuộc sống và công việc.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO9. Thái độ chuyên nghiệp, có trách nhiệm, cẩn thận, tinh thần sáng tạo, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề. Hiểu biết về các quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong ngành truyền thông đa phương tiện.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Kiến thức giáo dục đại cương		42							
I	Lý luận chính trị & Tư tưởng Hồ Chí Minh		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135	1	LL Mác-Lênin	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	2	1	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	3	1,2	LL Mác-Lênin
4	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	3	1,2,3	LSD-TT HCM
5	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18		90	4	1,2,3	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	4		Luật
II	Khoa học Xã hội & Nhân văn		11							
7	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	2		Việt Nam học - Du lịch
8	126007	Phương pháp NCKH chuyên ngành	2	18	18	6	90	7		XHH
9	154888	Khởi nghiệp - Đổi mới - Sáng tạo	3	27	26	10	135	6		QTKD
10	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90	1		Sinh học
11	123240	Xã hội học đại cương	2	18	24	0	90	2		Xã hội học
III	Công nghệ - Mỹ thuật		8							
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135	1		MMT&UD
13	147004	Mỹ thuật đại cương	3	18	39	15	135	2	14	Mỹ thuật
14	147035	Cơ sở tạo hình	2	12	15	12	90	1		Mỹ thuật
IV	Ngoại ngữ		10							
15	133031	Tiếng Anh 1	4	36	48	0	180	1		NN Không chuyên
16	133032	Tiếng Anh 2	3	27	36	0	135	2	15	NN Không chuyên
17	133033	Tiếng Anh 3	3	27	36	0	135	3	16	NN Không chuyên

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
V	Giáo dục thể chất									
a	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10	0	40	90	1		Bóng – Điền kinh
b	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)							2		
	191031	1. Bóng chuyền	2	0	0	60	90		A	Bóng – Điền kinh
	191032	2. Thể dục Aerobic	2	0	0	60	90		A	
	191033	3. Bóng đá	2	0	0	60	90		A	
	191034	4. Bóng rổ	2	0	0	60	90		A	
191035	5. Vovinam (Việt võ đạo)	2	0	0	60	90		A		
VI	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		86							
I	Kiến thức cơ sở		30							
18	126000	Nhập môn truyền thông	2	18	18	6	90	1		Xã hội học
19	126001	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	2	18	18	6	90	2		Xã hội học
20	126002	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	27	36	0	135	5	18	Xã hội học
21	126003	Các loại hình truyền thông hiện đại	2	18	18	6	90	3	18	Xã hội học
22	126004	Quan hệ công chúng	3	27	26	10	135	4	18	Xã hội học
23	172076	Nhập môn đa phương tiện	2	20	0	20	90	2	11	MMT&ƯD
24	174034	Thiết kế Web	2	15	0	30	90	3		HTTT
25	173108	Nguyên lý đồ họa máy tính	2	25	10	0	90	3	11	KHMT
26	173073	Xử lý ảnh	3	25	40	0	135	4	25	KHMT
27	172050	Mạng máy tính	3	25	30	10	135	5	11	MMT&ƯD
28	126005	Chiến lược và kế hoạch truyền thông	3	27	26	10	135	6	22	Xã hội học
29	172061	Sản xuất audio và video	3	20	20	30	135	5	47	MMT&ƯD
II	Kiến thức ngành		39							
30	126006	Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng	2	18	18	6	90	4	18	Xã hội học
31	126038	Báo chí và truyền thông đa phương tiện	3	27	26	10	135	3	18	Xã hội học
32	174048	Ứng dụng Web và Mobile	2	15	0	30	90	7	24	HTTT

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
33	172062	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	25	0	40	135	7	25	MMT&UĐ
34	174049	Thiết kế và xử lý hoạt hình	2	15	0	30	90	4	11	HTTT
35	172063	Mạng vạn vật (IoT)	2	15	10	20	90	6	27	MMT&UĐ
36	173101	Tổ chức và an toàn thông tin	3	25	40	0	135	5	11	KHMT
37	172064	Hệ thống quản trị nội dung	3	20	10	40	135	7	27	MMT&UĐ
38	172065	Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện	2	15	0	30	90	6	25	MMT&UĐ
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	173102	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	25	20	20	135	4	23	KHMT
B	174009	Khai phá dữ liệu đa phương tiện	3	25	40	0	135	4	23	HTTT
40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	126039	Kịch bản truyền thông	2	18	18	6	90	5	19	Xã hội học
B	126040	Ngôn ngữ truyền thông	2	18	18	6	90		19	Xã hội học
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	126041	Biên tập văn bản báo chí	2	18	18	6	90	6	19	Xã hội học
B	126042	Truyền thông marketing	2	18	18	6	90	6	19	Xã hội học
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	126043	Văn hoá truyền thông	2	18	18	6	90	7	22	Xã hội học
B	126044	Truyền thông sáng tạo	2	18	18	6	90	7	22	Xã hội học
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	172074	Hậu kỳ kỹ thuật số	2	15	0	30	90	7	47	MMT&UĐ
B	172078	Sản xuất và biên tập nội dung số	2	15	0	30	90	7	47	MMT&UĐ
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	173103	Công nghệ thực tại ảo	2	20	20	0	90	5	26	KHMT
B	173104	Công nghệ Web 3D	2	18	27	0	90	5	26	KHMT
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	174026	Thiết kế trải nghiệm người dùng	2	15	0	30	90	6	13	HTTT
B	174027	Xây dựng trò chơi đa phương tiện	2	15	0	30	90	6	34	HTTT

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
46	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>									
A	173106	Thị giác máy tính và ứng dụng	2	18	27	0	90	6	26	KHMT
B	173109	Nhận dạng mẫu	2	18	27	0	90	6	26	KHMT
III	Kiến thức bổ trợ		6							
47	172066	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim	2	10	10	30	90	3	11	MMT&ƯD
48	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
A	126045	Viết trong truyền thông đa phương tiện	2	18	18	6	90	7	19	Xã hội học
B	126046	Quản lý dự án truyền thông	2	18	18	6	90	7	19	Xã hội học
C	126047	Tổ chức sự kiện	2	18	18	6	90	7	19	Xã hội học
49	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	173107	Các nền tảng số	2	25	10	0	90	2	11	KHMT
B	172002	Kỹ thuật số và quản lý truyền thông	2	25	10	0	90	2	11	MMT&ƯD
IV	TTCS, TTTN, Khóa luận/học phần thay thế		11							
50	172068	Thực tập tốt nghiệp	5					8		MMT&ƯD
51	172069	Khóa luận tốt nghiệp	6					8		MMT&ƯD
52	<i>Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>									
A	172079	Công nghệ truyền thông	3	30	15	15	135	8	27	MMT&ƯD
B	126048	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	3	27	26	10	135	8	48	Xã hội học
Tổng			128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ (bắt buộc: 16, tự chọn: 0)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	0
2	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	48	0
3	125105	Môi trường và con người	2	x		18	24	0
4	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
5	147035	Cơ sở tạo hình	2	x		12	15	12
6	126000	Nhập môn truyền thông	2	x		18	18	6
HỌC KỲ 2: 18 tín chỉ (bắt buộc: 16, tự chọn: 2 trong 4)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2			21	18	0
2	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			18	18	6
3	133032	Tiếng Anh 2	3			23	44	0
4	147004	Mỹ thuật đại cương	3			18	39	15
5	123240	Xã hội học đại cương	2			18	18	6
6	126001	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	2			18	18	6
7	172076	Nhập môn đa phương tiện	2			20	0	20
8	173107	Các nền tảng số	2		x	25	10	0
9	172002	Kỹ thuật số và quản lý truyền thông	2		x	25	10	0
HỌC KỲ 3: 18 tín chỉ (bắt buộc: 18, tự chọn: 0)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	0
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	0
3	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	36	0
4	172066	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim	2	x		10	10	30
5	126003	Các loại hình truyền thông hiện đại	2	x		18	18	6
6	126038	Báo chí và truyền thông đa phương tiện	3	x		27	26	10
7	173108	Nguyên lý đồ họa máy tính	2	x		25	10	0
8	174034	Thiết kế Web	2	x		15	0	30
HỌC KỲ 4: 17 tín chỉ (bắt buộc: 14, tự chọn: 3 trong 6)								
1	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	x		21	18	0
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
3	126004	Quan hệ công chúng	3	x		27	26	10
4	126006	Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng	2	x		18	18	6
5	173073	Xử lý ảnh	3	x		25	40	0

6	174049	Thiết kế và xử lý hoạt hình (Animation)	2	x		15	0	30
7	173102	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3		x	25	20	20
	174009	Khai phá dữ liệu đa phương tiện	3		x	25	40	0
HỌC KỲ 5: 16 tín chỉ (bắt buộc: 12, tự chọn: 4 trong 8)								
1	126002	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	x		27	36	0
2	126039	Kịch bản truyền thông	2		x	18	18	6
	126040	Ngôn ngữ truyền thông	2		x	18	18	6
3	172061	Sản xuất audio và video	3	x		20	20	30
4	173103	Công nghệ thực tại ảo	2		x	20	20	0
	173104	Công nghệ Web 3D	2		x	18	27	0
5	172050	Mạng máy tính	3	x		25	30	10
6	173101	Tổ chức và an toàn thông tin	3	x		25	40	0
HỌC KỲ 6: 16 tín chỉ (bắt buộc: 10, tự chọn: 6 trong 12)								
1	154888	Khởi nghiệp - Đổi mới - Sáng tạo	3	x		27	26	10
2	126005	Chiến lược và kế hoạch truyền thông	3	x		27	26	10
3	126041	Biên tập văn bản báo chí	2		x	18	18	6
	126042	Truyền thông marketing	2		x	18	18	6
4	174026	Thiết kế trải nghiệm người dùng	2		x	15	0	30
	174027	Xây dựng trò chơi đa phương tiện	2		x	15	0	30
5	172063	Mạng vạn vật (IoT)	2	x		15	10	20
6	173106	Thị giác máy tính và ứng dụng	2		x	18	27	0
	173109	Nhận dạng mẫu	2		x	18	27	0
7	172065	Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện	2	x				
HỌC KỲ 7: 16 tín chỉ (bắt buộc: 10, tự chọn: 6 trong 14)								
1	126007	Phương pháp NCKH chuyên ngành	2	x		18	18	6
2	126045	Viết trong truyền thông đa phương tiện	2		x	18	18	6
	126046	Quản lý dự án truyền thông	2		x	18	18	6
	126047	Tổ chức sự kiện	2		x	18	18	6
3	126043	Văn hóa truyền thông	2		x	18	18	6
	126044	Truyền thông sáng tạo	2		x	18	18	6
4	172062	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	x		25	0	40
5	174048	Ứng dụng Web và Mobile	2	x		15	0	30
6	172074	Hậu kỳ kỹ thuật số	2		x	15	0	30

	172075	Sản xuất và biên tập nội dung số	2		x	15	0	30
7	172064	Hệ thống quản trị nội dung	3	x		20	10	40
HỌC KỲ 8: 11 tín chỉ (bắt buộc: 15, tự chọn: 6 trong 12)								
1	172068	Thực tập tốt nghiệp	5					
2	172069	Khóa luận tốt nghiệp	6					
3	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
4	172070	Công nghệ truyền thông	3			30	15	15
5	126048	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	3			27	26	10

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	2	0	2
3	Tiến sỹ	6	6	12
4	Thạc sỹ	8	13	21
5	Đại học	0	0	0

5.2. Phòng học

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
1	Phòng học tiếng Anh	07	80	- Ti vi - Hệ thống tăng âm - Đài đĩa - Bảng viết	07 07 07 07	- Các học phần tiếng Anh
2	Giảng đường	08	160	- Ti vi - Máy chiếu - Hệ thống tăng âm - Bảng viết	12 80 01	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo
3	Phòng thực hành máy tính	05	Số lượng 30 MT	- Máy tính - Máy chiếu - Các thiết bị đi kèm	150 05	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo
	Phòng thực hành máy tính	02	Số lượng 50 MT	- Máy tính - Máy chiếu - Các thiết bị đi kèm	100 02	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1	Phòng Lab Khoa CNTT&TT	Máy tính, các thiết bị thông minh
2	Phòng Máy chủ của khoa	Máy chủ đồ họa chuyên dụng. Hệ thống 02 máy chủ, bộ lưu trữ dữ liệu, tường lửa, các thiết bị mạng khác.

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Trung tâm CNTT&TT – ĐH Hồng Đức
2	VNPT Thanh Hóa
3	Công ty phần mềm ThinkLab
4	Công ty phần mềm Minh Lộ
5	Công ty phần mềm LigoSoft
6	Các công ty về CNTT và TT trên đại bàn Thanh Hóa

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần 1. Triết học Mác – Lênin/Marxist-Leninist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 Lý thuyết, 26 Thảo luận)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trình bày nguồn gốc, bản chất, chức năng, quá trình hình thành, phát triển của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

Năng lực đạt được: Khái quát được nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin, hình thành tư duy lôgic, tư duy phản biện, phương pháp làm việc khoa học; khả năng nhìn nhận, đánh giá, nắm bắt và giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội một cách đúng đắn, nhạy bén và sâu sắc.

2. Mục tiêu học phần

- *CO1:* Hệ thống hoá được lý luận của triết học Mác – Lênin bao gồm: nguồn gốc, bản chất, chức năng, quá trình hình thành, phát triển của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

- *CO2:* Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội trên lập trường duy vật biện chứng; biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo;

- *CO3:* Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Chuẩn đầu ra học phần

PLO1: Tái lập có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội; hệ thống các khái niệm, phạm trù và các quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

PLO2: Biết vận dụng kiến thức lý luận triết học vào phân tích, đánh giá và giải quyết đúng đắn các hiện tượng nảy sinh trong đời sống xã hội, trong hoạt động thực tiễn, hoạt động nhận thức của bản thân.

PLO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2	20%
Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (đánh giá bài thi trắc nghiệm)	CLO1 CLO2	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Kế hoạch tư vấn

Học viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu tham khảo bắt buộc

Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.

2) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007.

3) Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003.

4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

Học phần 2. Kinh tế chính trị/Political Economy

- Số tín chỉ: 02 (21 Lý thuyết, 18 Thảo luận)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học.

1. Mô tả học phần

- Học phần kinh tế chính trị: Trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Khái quát được các nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin; hình thành tư duy logic, phương pháp làm việc khoa học; khả năng nhìn nhận, đánh giá và giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

- *CO1*: Hệ thống hoá được lý luận kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- *CO2*: Xác lập được phương pháp luận khoa học để phân tích, đánh giá được các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân; hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà

- *CO3*: Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

PLO1: Khái quát và luận giải được các kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

PLO2: Vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích được một số vấn đề kinh tế này sinh trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay; tiếp cận các môn chuyên ngành (đặc biệt các khối ngành kinh tế - QTKD), thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

PLO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. Tin tưởng vào chủ trương đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phân áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
Thi kết thúc học phần				50%

3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Sinh viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)
2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*, NXB CTQG, Hà Nội, năm 2006.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.
2. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Kinh tế Chính trị Mác- Lênin, *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Giáo dục, 1999.
3. *C.Mác – Ph.Ăngghen: Toàn tập, tập 20, tập 23*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific Socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 tiết Lý thuyết, 18 tiết Thảo luận)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Học xong Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trình bày sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Năng lực đạt được: Hiểu và luận giải được những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học; biết vận dụng lý luận đã học vào việc phân tích, đánh giá những vấn đề

chính trị - xã hội của đất nước và thế giới; có bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

- **CO1:** Khái quát và luận giải được những nội dung cơ bản trong lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học và sự vận dụng lý luận này của Đảng ta quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Nhận thức, đánh giá đúng đắn các hiện tượng nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phản biện hiệu quả những luận điệu xuyên tạc về bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO3:** Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới và Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- **PLO1:** Hiểu và khái quát được sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- **PLO2:** Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- **PLO3.** Chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; có được bản lĩnh chính trị vững vàng; xác lập được niềm tin vào sự thành công của công cuộc chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9

Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Người học được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng; máy chiếu, máy tính để trình bày bài học, thảo luận; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Tài liệu bắt buộc

Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), Bộ giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

Học phần 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21, 18, 0)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: LSD-TTHCM
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Làm rõ được cơ sở thực tiễn, lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phân biệt được kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước; vận dụng được các nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.

- CO2: Người học có thể thực hiện được tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người một cách tự giác thông qua những hành động, việc làm cụ thể trong học tập và trong cuộc sống

- CO3: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân và tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp

3. Chuẩn đầu ra học phần

Kiến thức (CLO1)

CLO1.1: Tóm tắt được nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

CLO1.2: Xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng, từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể

CLO1.3: Phân tích được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người

CLO1.4: Có khả năng đưa ra các đánh giá, nhận định của bản thân về một số vấn đề thực tiễn trên cơ sở nội dung kiến thức đã học.

Kỹ năng (CLO2)

CLO2.1: Chứng minh được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay

CLO2.2: Có kỹ năng phân tích, liên hệ với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay

Mức tự chủ và trách nhiệm (CLO3)

CLO3.1: Bác bỏ, phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh

CLO3.2: Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CDR (%)
Kiểm tra thường xuyên (3)	15%	Điểm danh	- Điểm danh	Rubric chuyên cần (R1)		0	
	15%	Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Phát biểu, thảo luận trên lớp	Rubric thảo luận, thuyết trình nhóm (R2,4)	CLO1 CLO2 CLO3	10	
Kiểm tra giữa kỳ (1)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	Trắc nghiệm trên giấy	Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	40%

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CDR (%)
Thi cuối kỳ (1)	50%	Thi kết thúc học phần	- Bài tập lớn/ Trắc nghiệm trên hệ thống	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết (R5)/ Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	60%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

Học phần 5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/History of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 02 (21 tiết Lý thuyết, 18 tiết Thảo luận)
- Mã học phần: 198030
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam; Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930–1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945–1975); Đảng lãnh đạo

cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1. Sinh viên khái quát được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn 1945 -1975; làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

- CO2. Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Kiến thức (CLO1)

CLO1.1: Khái quát được những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay .

CLO1.2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng, nội dung đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

CLO1.3: Phân tích, suy luận, tìm ra được logic của vấn đề, mối liên hệ giữa hoàn cảnh lịch sử với nội dung đường lối của Đảng và quá trình tổ chức thực hiện đường lối, đánh giá được kết quả, ý nghĩa và hạn chế qua từng giai đoạn lãnh đạo của Đảng từ đó rút ra được nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

CLO1.4: Vận dụng được các nội dung của đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào trong các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội của bản thân.

Kỹ năng (CLO2)

CLO2.1: Xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.

CLO2.2: Vận dụng kiến thức lý luận của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết vấn đề của các môn khoa học chuyên ngành; thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Mức tự chủ và trách nhiệm (CLO3)

CLO3.1: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân

CLO3.2: Tham gia đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CDR (%)
Kiểm tra thường xuyên (3)	15%	Điểm danh	- Điểm danh	Rubric R1		0	
	15%	Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Phát biểu, thảo luận trên lớp	Rubric R2,4	CLO1 CLO2 CLO3	10	
Kiểm tra giữa kỳ (1)	20%	Bài kiểm tra 1 tiết	- Tự luận /Trắc nghiệm trên giấy	- Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	40%
Thi cuối kỳ (1)	50%	Thi kết thúc học phần	- Bài tập lớn/ Trắc nghiệm trên hệ thống	Rubric 5/ Theo đáp án	CLO1 CLO2 CLO3	10	60%

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa của CDR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CDR (%)
				và thang chấm			

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1 - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1 - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1,2,3, NXB Chính trị Quốc gia.

2 - *Văn kiện Đảng toàn tập, từ tập I đến tập XIII*, NXB Chính trị Quốc gia.

Học phần 6. Pháp luật đại cương/General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL: 0TH*)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, về kiến thức pháp lý cơ bản một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học khái quát được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, những nội dung cơ bản, tổng quát, những nhận định, so sánh một số ngành

luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng được những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

- CO3: Học phần giúp người học có thể tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày, phân tích, chứng minh được các vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật; xác định được các hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra trên thực tế trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO2: Người học tiếp cận được quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành được áp dụng trong cuộc sống xã hội; Vận dụng được kiến thức của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân, hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Xác lập được phẩm chất đạo đức, ý thức pháp luật, rèn luyện, tôn trọng, sống, học tập, và làm việc theo Hiến pháp và Luật; - Có cái nhìn khách quan về toàn bộ các quy định của pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng đổi mới đất nước hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước	2	1		0		10
Chương 2: Một số vấn đề chung về pháp luật	4	3		4		20
Chương 3: Luật Hiến pháp	2	1		0		10
Chương 4: Luật Hành chính	2	2		0		10
Chương 5: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	1		0		10
Chương 6: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	2		4		10
Chương 7: Luật Hình sự	2	1		2		10
Chương 8: Luật Lao động	2	1		2		10
Tổng	18	12		12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric viết	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm)	Rubric viết Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Học liệu bắt buộc:

- Q1: Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động.

8.2 Học liệu tham khảo:

- Q1: Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.
- Q2: Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.

Học phần 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Basic of Vietnamese culture

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa Việt Nam từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội.
- CO2: Người học rèn được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc.
- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng về văn hóa; vận hành đề án đề tài liên quan đến văn hóa, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người hiểu biết về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng từ đó chủ động hoàn thiện bản thân trong môi trường xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Phân biệt, khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về văn hóa từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Sử dụng ngôn ngữ và ứng xử giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.
- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống dưới góc nhìn đa chiều, linh hoạt và toàn diện.
- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu, và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	0	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	0	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	1	0	0	0	5

Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	1	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Thực hành	0	0	0	6	0	0
Nội dung 8 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 9 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 13 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 14 Tổng kết	1	2	0	0	0	3
Tổng	18	18	0	6	0	136

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1] Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

[2] Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB VHTT HN

Học phần 8. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành/Scientific Research Methodologies

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 18 TL, 6 TH)

- Mã học phần: 126007

- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; Những vấn đề chung về truyền thông, Các hướng nghiên cứu truyền thông hiện nay: Nghiên cứu công chúng truyền thông; Nghiên cứu thông điệp truyền thông; Nghiên cứu tổ chức truyền thông; Nghiên cứu truyền thông trong kỷ nguyên số.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Hệ thống hoá các khái niệm liên quan đến các phương pháp nghiên cứu khoa học, các khái niệm về truyền thông, nghiên cứu truyền thông, nghiên cứu công chúng truyền thông, nghiên cứu thông điệp truyền thông, nghiên cứu tổ chức truyền thông, nghiên cứu truyền thông trong kỷ nguyên số.

CO2: Hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành truyền thông.

CO3: Hình thành thái độ tích cực, chủ động trong học tập, làm việc nhóm; có ý thức rèn luyện và trau dồi trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học chuyên ngành truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học và nghiên cứu khoa học

- CLO2: Trình bày được hệ thống các khái niệm liên quan đến truyền thông, nghiên cứu truyền thông, nghiên cứu công chúng truyền thông, nghiên cứu thông điệp truyền thông, nghiên cứu tổ chức truyền thông, nghiên cứu truyền thông trong kỷ nguyên số.
- CLO3: Có kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành truyền thông: xác định vấn đề cần nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu thực nghiệm, viết báo cáo...
- CLO4: Có ý thức rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng, không ngừng học hỏi sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm trong học tập; tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành truyền thông 1.1. Khái niệm, phân loại nghiên cứu khoa học 1.2. Một số nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông	2	0				10
Chương 2: Truyền thông và nghiên cứu truyền thông 2.1. Khái niệm, phân loại truyền thông 1.2. Một số lí thuyết ứng dụng trong nghiên cứu truyền thông	2	2				15
Chương 3: Nghiên cứu công chúng truyền thông 3.1. Công chúng và nghiên cứu công chúng truyền thông 3.2. Lịch sử nghiên cứu công chúng truyền thông 3.3. Các nội dung nghiên cứu công chúng 3.4. Thu thập dữ liệu nghiên cứu công chúng 3.5. Phân tích dữ liệu và viết báo cáo.	4	4				15
Chương 4: Nghiên cứu thông điệp truyền thông 4.1. Thông điệp và nghiên cứu thông điệp truyền thông. 4.2. Nội dung nghiên cứu thông điệp truyền thông. 4.3. Thu thập, phân tích dữ liệu về thông điệp truyền thông. 4.4. Viết báo cáo về nghiên cứu thông điệp.	4	4		2		15

Chương 5: Nghiên cứu tổ chức truyền thông 5.1. Tổ chức và nghiên cứu tổ chức truyền thông 5.2. Lịch sử nghiên cứu tổ chức truyền thông 5.3. Những nội dung nghiên cứu tổ chức truyền thông. 5.4. Thu thập thông tin về tổ chức truyền thông 5.5. Phân tích và diễn giải	3	4		2		15
Chương 6: Nghiên cứu truyền thông trong kỷ nguyên số 6.1. Các khái niệm liên quan 6.2. Lịch sử phát triển của nghiên cứu truyền thông trong kỷ nguyên số 6.3. Các phương pháp nghiên cứu truyền thông được sử dụng qua internet. 6.4. Nghiên cứu thông qua truyền thông xã hội 6.5. Cách thu thập, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.	3	4		2		20
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận nhóm, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung liên quan đến nội dung nghiên cứu công chúng truyền thông. - Bài tập cá nhân - Mục đích: giúp sinh viên nắm được các kiến thức liên quan. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%
2	Sinh viên thảo luận về một thông điệp truyền thông. Đánh giá hiệu quả của thông điệp truyền thông đó. - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: giúp sinh viên nắm được các kiến thức liên quan.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	

	- Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.			
3	Các câu hỏi về kiến thức chung liên quan đến nghiên cứu tổ chức truyền thông. - Bài tập cá nhân - Mục đích: giúp sinh viên nắm được các kiến thức liên quan. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 3	CLO1, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Sinh viên xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề, kỹ năng xây dựng đề cương. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng đề cương nghiên cứu vấn đề liên quan đến truyền thông. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1) Vũ Tuấn Anh (chủ biên) (2020), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu truyền thông*, NXB Khoa học xã hội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1) Vũ Cao Đàm (1999), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB khoa học và kỹ thuật.

Học phần 9. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/ Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.

- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25

Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	20%
Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV</i>)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

- Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)
- Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phụng (dịch); NXB Thời đại.
- Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

Học phần 10. Môi trường và con người/ Environment and human

- Số tín chỉ: 02 (18, 24, 0)
- Mã số học phần: 125105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Người học vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong lao động sản xuất và trong cuộc sống

CO2: Người học có khả năng phân tích, dự báo, nhận diện được các vấn đề về môi trường cũng như kỹ năng xử lý các vấn đề đó

CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, giải quyết được các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

CLO2: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

CLO3: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;
 CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.
 CLO5: Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.3. Chức năng của môi trường	2	3				15
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái	3	4				15
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.3. Một số loại TNTN	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.5. Các ô nhiễm khác	3	4				15
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.3. Phát triển bền vững	3	4				15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở;	3	3				15

6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.					
Tổng	18	24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GDHN

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14)*.

Học phần 11. Xã hội học đại cương/ Introduction to sociology

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 123240
- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

CO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học
- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu
- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống
- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.
- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học
- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Xã hội học là một khoa học 1.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.2. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học 1.3. Cơ cấu của xã hội học 1.4. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học.	2					8

1.5. Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học						
Chương 2: Sự hình thành và phát triển của xã hội học 2.1. Tính tất yếu khách quan của sự ra đời xã hội học 2.2. Những điều kiện tiền đề thực tiễn cho ra đời của xã hội học 2.3. Các tư tưởng của các nhà xã hội học kinh điển	2	2				8
Chương 3: Hành động xã hội và tương tác xã hội 3.1. Hành động xã hội 3.2. Tương tác xã hội	2	2				10
Chương 4: Tổ chức xã hội và Thiết chế xã hội 4.1. Tổ chức xã hội 4.2. Thiết chế xã hội	2	2				10
Chương 5: Cơ cấu xã hội 5.1. Khái niệm cơ cấu xã hội 5.2. Các thành tố chủ yếu của cơ cấu xã hội 5.3. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội 5.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản 5.5. Bất bình đẳng xã hội 5.6. Phân tầng xã hội 5.7. Giai cấp xã hội 5.8. Di động xã hội	4	4				10
Chương 6: Văn hóa 6.1. Khái niệm văn hóa 6.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa 6.3. Các thành tố của văn hóa 6.4. Các loại hình văn hóa 6.5. Một số khái niệm liên quan		2				10
Chương 7: Xã hội hóa 7.1. Khái niệm xã hội hóa 7.2. Đặc điểm của quá trình xã hội hóa 7.3. Môi trường xã hội hóa 7.4. Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa 7.5. Sự hình thành cái tôi	2	2				10
Chương 8: Biến đổi xã hội 8.1. Khái niệm biến đổi xã hội 8.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội 8.3. Các nhân tố biến đổi xã hội	2	2				10

8.4. Biến đổi xã hội và các khái niệm liên quan					
Chương 9: Thực hành nghiên cứu xã hội học					
9.1. Chọn đề tài nghiên cứu					
9.2. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu					
9.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	2	2		6	14
9.4. Xác định các phương pháp nghiên cứu					
9.5. Một vài cách xử lí số liệu và phân tích số liệu					
Tổng	18	18		6	90

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%
2	Phân tích hành động học tập của sinh viên để hiểu về hành động xã hội (1 phạm trù quan trọng trong nghiên cứu XHH) - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung hành động xã hội, tương tác xã hội. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những biến đổi ở trong xã hội - Bài tập cá nhân - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung biến đổi xã hội - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%

	- Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm			
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc*:

1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (2008), *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo*:

- 1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), *Xã hội học*, NXB Thống kê
- 2) Nguyễn Sinh Huy (1999), *Xã hội học đại cương*, ĐHQG, Hà Nội

Học phần 12. Công nghệ số/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bao gồm:

– Học vấn số hoá phổ thông nhằm giúp sinh viên hoà nhập với xã hội hiện đại, sử dụng được các thiết bị số và phần mềm cơ bản thông dụng một cách có đạo đức, văn hoá và tuân thủ pháp luật.

– Giúp sinh viên củng cố và nâng cao năng lực về công nghệ thông tin đã được hình thành, phát triển ở giai đoạn giáo dục phổ thông, đồng thời cung cấp cho sinh viên tri thức mang tính ứng dụng công nghệ số trong ngành nghề của mình sau khi tốt nghiệp.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính; củng cố và phát triển hơn nữa cho sinh viên tư duy giải quyết vấn đề, khả năng đưa ra ý tưởng và chuyển giao nhiệm vụ cho máy tính thực hiện.

- Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng tin học, tạo ra sản phẩm số phục vụ cộng đồng và nâng cao hiệu quả công việc; có khả năng lựa chọn, sử dụng, kết nối các thiết bị số, dịch vụ mạng và truyền thông, phần mềm và các tài nguyên số khác.

- Giúp sinh viên có khả năng hòa nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; tìm kiếm và trao đổi thông tin theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, ứng xử văn hoá và có trách nhiệm; có hiểu biết thêm một số ngành nghề thuộc lĩnh vực tin học, chủ động và tự tin trong việc ứng dụng công nghệ số vào nghề nghiệp tương lai của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

CO1: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	5	0	0	0		15

3.5. Chuyển đổi số trong xã hội						
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form, ...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, NXB Thông tin và truyền thông.

Học phần 13. Mĩ thuật đại cương

- Số tín chỉ: 03 (18, 39, 15)
- Mã học phần: 147004
- Bộ môn quản lý học phần: Mĩ thuật

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở tạo hình

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận chung về luật xa gần - giải phẫu tạo hình, hình hoạ, hoạ tiết trang trí, trang trí cơ bản, ký hoạ, vẽ tranh, chữ mỹ thuật. Những phương pháp tiến hành để tạo thành sản phẩm mỹ thuật 2D/3D mang giá trị nghệ thuật đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- *Năng lực cần đạt được:* Sinh viên nắm vững những kỹ năng cơ bản về vẽ phối cảnh không gian trên mặt phẳng. Vẽ hình hoạ khối cơ bản, đồ vật và hoa quả đậm nhạt bằng chì. Vẽ trang trí các hình cơ bản. Cách điệu hoạ tiết trang trí. Kí hoạ dáng người và con vật. Chữ mỹ thuật và ứng dụng chữ mỹ thuật trong trang trí đồ hoạ. Vẽ tranh bố cục theo nội dung chủ đề.

2. Mục tiêu học phần

- PO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Luật xa gần – giải phẫu tạo hình, hình hoạ, hoạ tiết trang trí, trang trí cơ bản, ký hoạ, vẽ tranh và chữ mỹ thuật.

- PO2: Người học hiểu được vai trò và những kỹ năng tạo hình qua các yếu tố đường nét, màu sắc, bố cục trong mỹ thuật để ứng dụng trong học tập và sáng tạo ra các sản phẩm 2D/3D.

- PO3: Hình thành và rèn luyện cho người học có đủ kiến thức, thành thạo các kỹ năng riêng biệt, phát triển năng lực thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ, xây dựng sản phẩm tạo hình và biết phân tích tác phẩm tạo hình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

3.1. Kiến thức

- CLO1: Người học hiểu được các kiến thức lý luận cơ bản về luật xa gần - giải phẫu tạo hình, hình hoạ, hoạ tiết trang trí, trang trí cơ bản, ký hoạ, vẽ tranh bố cục và chữ mỹ thuật trong trang trí.

- CLO2: Người học phân tích được những kiến thức của luật xa gần – giải phẫu tạo hình, hình hoạ, ký hoạ, hoạ tiết trang trí, trang trí cơ bản, vẽ tranh để xác định tạo nên sản phẩm mỹ thuật 2D/3D.

3.2. Kỹ năng

- CLO3: Người học vận dụng được các phương pháp tiến hành để tạo thành sản phẩm mỹ thuật tạo hình đẹp về hình thức thể hiện, đa dạng về nội dung chủ đề.

- CLO4: Người học sáng tạo ra nhiều tác phẩm mỹ thuật có nét đặc sắc, mang dấu ấn phong cách nghệ thuật đa dạng và có giá trị sử dụng trong thực tiễn.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Người học có đủ năng lực kiến thức và kỹ năng trong học phần, từ đó học tập nghiên cứu rèn luyện kỹ thuật tạo hình, nâng cao nhận thức thẩm mỹ đáp ứng được quá trình học tập và công tác sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Luật xa gần – Giải phẫu tạo hình 1. Luật xa gần 2. Giải phẫu tạo hình	3			3		13,5
Chương 2: Hình hoạ	3		6	2		21

1. Khái niệm hình hoạ 2. Vai trò của hình hoạ trong học tập và sáng tạo mỹ thuật 3. Những yếu tố nghiên cứu của hình hoạ 4. Quá trình tiến hành vẽ một bài hình hoạ 5. Cách tiến hành một bài vẽ hình hoạ						
Chương 3: Hoạ tiết trang trí 1. Khái niệm hoạ tiết trang trí 2. Vai trò của hoạ tiết trang trí trong nghệ thuật 3. Phương pháp ghi chép hoạ tiết thật 4. Phương pháp đơn giản và cách điệu hoa lá	2		6	2		18
Chương 4: Trang trí cơ bản 1. Khái niệm trang trí 2. Vai trò của trang trí trong đời sống và trong hội hoạ 3. Các loại hình trang trí 4. Các nguyên tắc trang trí cơ bản 5. Phương pháp xây dựng một bài trang trí	3		8	2		24
Chương 5: Ký hoạ 1. Khái niệm 2. Mục đích, yêu cầu của kí hoạ 3. Các thể loại kí hoạ 4. Phương pháp ký hoạ	2		5	3		18
Chương 6: Vẽ tranh 1. Khái niệm vẽ tranh 2. Giới thiệu một số hình thức bố cục 3. Một số yêu cầu bố cục tranh 4. Một số thể loại bố cục tranh thông thường 5. Phương pháp xây dựng bố cục	3		8			21
Chương 7: Chữ mỹ thuật 1. Nguồn gốc của chữ 2. Ý nghĩa của chữ 3. Chữ cơ bản và cấu trúc của chữ 4. Ứng dụng chữ	2		6	3		19,5
TỔNG	18		39	15		

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trực quan

- Phương pháp thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập thực hành	Rubric 3	CLO 1,2	30%
2	Bài tập thực hành	Rubric 3	CLO 2,3	
3	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO 3,4	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO 3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO 2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Thực hành	Rubric...	CLO 1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn/ Tiểu luận (thay thế bài thi cuối kì)	Rubric...	CLO 1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì (hoặc bài tiểu luận).
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/ làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

[1] Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mĩ thuật cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

[1] Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, NXB Đại học Sư phạm.

[2] Đàm Luyện (2007), *Giáo trình bố cục*, NXB Đại học Sư phạm.

Học phần 14. Cơ sở tạo hình/Shaped base

- Số tín chỉ: 2 (LT: 12, TL,BT:15, TH: 12)

- Mã học phần: 147035

- Bộ môn quản lý học phần: Mỹ thuật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần:

- Môn học này tập trung vào các nội dung chính: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình; Những quy luật cơ bản của nhận thức thị giác; các yếu tố tạo hình trong mỹ thuật; một số nguyên tắc của tạo hình trong mỹ thuật.

- Môn học hệ thống các kiến thức về thị giác và thực hành về màu sắc, bố cục tạo hình trên mặt phẳng. Sinh viên nhận thức được tổng hợp về các giá trị trật tự của nguyên lý tạo hình trên mặt phẳng.

Năng lực đạt được:

- Sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần, hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ.

- Người học thành thạo các kỹ năng tạo hình cơ bản như: kỹ năng vẽ nét, vẽ hình, biết pha màu, tạo hòa sắc, tạo chất, tạo không gian, sắp xếp bố cục cân đối,... trên mặt phẳng...

2. Mục tiêu học phần

- PO1: Người học nắm vững kiến thức lý luận về các nội dung học phần: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình; Những quy luật cơ bản của nhận thức thị giác; Các yếu tố tạo hình trong mỹ thuật; Một số nguyên tắc của tạo hình trong mỹ thuật.

- PO2: Người học hiểu được quy luật, vai trò và hiệu quả của các yếu tố tạo hình: nét, hình khối, ánh sáng, bố cục, phong nền và chất cảm trong tạo hình. Các nguyên lý tạo hình trong mỹ thuật là cơ sở ứng dụng trong học tập và sáng tạo để làm ra các sản phẩm tạo hình phục vụ trong học tập và đời sống xã hội. Hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ.

PO3: Hình thành và rèn luyện cho người học thành thạo các kỹ năng tạo hình cơ bản như: kỹ năng vẽ nét, vẽ hình, biết pha màu, tạo hòa sắc, tạo chất, tạo không gian, sắp xếp bố cục,... trên mặt phẳng trong việc xây dựng sản phẩm tạo hình và biết phân tích tác phẩm tạo hình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có kiến thức lý luận về các nguyên lý tạo hình trong mỹ thuật, hiểu về quy luật, vai trò và hiệu quả của các yếu tố tạo hình: nét, hình khối, ánh sáng, bố cục, phong nền và chất cảm trong tạo hình; Có được thị hiếu và nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.

CLO2- Người học thành thạo các kỹ năng tạo hình cơ bản như: kỹ năng vẽ nét, vẽ hình đảm bảo tỉ lệ, biết pha màu, tạo hòa sắc, tạo chất, tạo không gian, sắp xếp bố cục cân đối, hợp lý.

- CLO3: Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật đã học tập để sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình đẹp, đa dạng phục vụ cuộc sống xã hội. Biết phân tích, cảm thụ vẻ đẹp của tác phẩm tạo hình.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		

Chương 1: Một số vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình 1. Khái niệm nghệ thuật tạo hình 2. Các loại hình nghệ thuật 3. Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình 4. Mối quan hệ của nghệ thuật tạo hình với các ngành nghệ thuật khác. 5. Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong sự phát triển xã hội và giáo dục con người.	2 tiết	1 tiết				7,5
Chương 2: Những quy luật cơ bản của nhận thức thị giác 1. Tổng quan về nhận thức thị giác 2. Lực thị giác 3. Trường thị giác 4. Cân bằng thị giác 5. Hình dạng thị giác 6. Chuyển động thị giác	3 tiết		8 Tiết	3 tiết		25,5
Chương 3: Các yếu tố tạo hình trong mỹ thuật 1. Điểm, nét, diện trong tạo hình 2. Phong (nền) và hình 3. Hình khối 4. Ánh sáng 5. Màu sắc 6. Không gian 7. Chất liệu 8. Bố cục	5	2	9	6		40,5
Chương 4: Một số nguyên tắc trong tạo hình của mỹ thuật 1. Tỷ lệ 2. Nhịp điệu 3. Tương phản và tương tự	2		4	3		16,5
TỔNG	12	3	12	12		90

5. Phương pháp dạy - học

Các hình thức dạy học sử dụng trong học phần gồm: *thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.*

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo: *chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm.*

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1,2	30%
2	Bài tập thực hành nhóm	Rubric 3	CLO1,2,3	

3	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO12,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài tập thực hành cá nhân	Rubric 4	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Rubric 6	CLO1,2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kì và được đánh giá kết quả học phần:

- Tài liệu: Sinh viên phải có tài liệu [1].
- Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, có chất lượng và phù hợp với nội dung của bài học khi lên lớp.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số giờ học lý thuyết, thảo luận, thực hành trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kì.
- Điểm thi kết thúc học phần: Bắt buộc sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên có thể làm bài tiểu luận/làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần.

+ Điều kiện thực hiện tiểu luận/làm bài tập lớn thay cho bài thi kết thúc học phần: Đến thời điểm lập danh sách, sinh viên có 1 điểm kiểm tra thường xuyên từ 8,0 và điểm kiểm tra giữa kỳ đạt 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc (01)

[1] Lê Huy Văn và Trần Từ Thành (2006), *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo (không quá 02)

[1] Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.

[2] Nguyễn Hồng Hưng (2013), *Nguyên lý design thị giác*, NXB Đại học quốc gia TP HCM.

Học phần 15. TIẾNG ANH 1 (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (LT: 36, TL: 24, BT: 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ tiền A2.

- *Năng lực đạt được*: Nghe hiểu những bài Nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc ở mức độ tiền A2; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe; có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực

hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài Đọc tiếng Anh trình độ tiền A2 theo khung NLNNVN. Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, tổng hợp kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình; áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm; vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc; có kỹ năng quản lý thời gian, hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.

- CLO2: Sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ tiền A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ tiền A2; có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction 1.2. Orientation 1.3. Diagnostic test 1.4. IPA: phonemic chart + vowels + consonants + monothongs + diphthongs	2	1,5	1,5		1	8
Nội dung 2: Unit 1A – My name’s Hannah, not Anna 2.1. Grammar: verb <i>to be</i> , subject pronoun, possessive adjectives 2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space 2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings	3	1,5	1,5		0	8

2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings 2.5. Writing: describing a stage of life						
Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C 3.1. Grammar: verb <i>be</i> ? and -, comparatives 3.2. Listening: grammar focus on verb <i>be</i> and comparatives, possessive adjectives 3.3. Reading: grammar focus on verb <i>be</i> and comparatives, possessive adjectives 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description 3.5. Writing: describing people	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 4: Unit 2A 4.1. Grammar: a/an, plurals; this/that, these/those 4.2. Listening: grammar focus on plurals 4.3. Reading: grammar focus on plurals 4.4. Speaking: things 4.5. Writing: describing things	2	1,5	1,5		1	8
Nội dung 5: Unit 2B; Unit 2C 5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let's 5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings 5.3. Reading: colors, adjectives, modifiers, feelings 5.4. Speaking: describing your unforgettable experience	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 6: Unit 3A 6.1. Grammar: present simple 6.2. Listening: third person -s 6.3. Reading: present simple 6.4. Speaking: describing favorite things, people 6.5. Writing: describing favorite things, people	3	1,5	1,5		0	8
Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C 7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress 7.2. Listening: word order in questions, sentence stress, jobs 7.3. Reading: job, love online 7.4. Speaking: describing job, love online 7.5. Writing: describing job, Love online	2	1,5	1,5		1	8
Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C	3	1,5	1,5		0	8

<p>8.1. Grammar: Whose...?, possessives, prepositions,</p> <p>8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities</p> <p>8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities</p> <p>8.4. Speaking: sayings about everyday activities</p> <p>8.5. Writing: everyday activities</p>						
<p>Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C</p> <p>9.1. Grammar: can, can't, present continuous</p> <p>9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons</p> <p>9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons</p> <p>9.4. Speaking: weather and seasons</p> <p>9.5. Writing: weather and seasons</p>	3	1,5	1,5		0	8
<p>Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C</p> <p>10.1. Grammar: object pronouns,</p> <p>10.2. Listening: phone language, the dates, numbers</p> <p>10.3. Reading: phone language, the dates, numbers</p> <p>10.4. Speaking: discussing views on: phone language, the dates, numbers</p> <p>10.5. Writing: describing places</p>	3	1,0	1,0		1	8
<p>Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C</p> <p>11.1. Grammar: past simple</p> <p>11.2. Listening: sentence stress, time expressions</p> <p>11.3. Reading: a memorable night</p> <p>11.4. Speaking: discussing a memorable night</p> <p>11.5. Writing: a memorable night</p>	3	1,5	1,5		0	8
<p>Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C</p> <p>12.1. Grammar: nouns, comparatives</p> <p>12.2. Listening & Reading: nouns, comparatives</p> <p>12.3. Speaking: comparing landscapes,</p> <p>12.4. Writing: describing a meal</p>	2	2	2		0	8
<p>Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C</p> <p>13.1. Grammar: superlative adjectives</p> <p>13.2. Listening & Reading: holiday, places</p> <p>13.3. Speaking: holiday, places</p>	2	2	2		0	8

Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C 14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses 14.2. Listening & Reading: films, personal information, episode 14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview 14.4. Instruction for final test	2	1,0	1,0	2	8
TỔNG	36	24	24		180

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Thi trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File–Elementary 3rd edition*, Oxford University Press.

2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, NXB Thanh Hoá.

Bộ tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại

2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press

Học phần 16. TIẾNG ANH 2 (ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (LT: 27, TL: 18, BT: 18)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ cuối A2.

- *Năng lực đạt được:* nghe hiểu những bài Nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc ở mức độ cuối A2; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ cuối A2; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi nghe; có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, áp dụng các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích kỹ thuật Đọc hiểu để làm bài Đọc tiếng Anh trình độ cuối A2 theo khung NLNNVN. Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ cuối A2 để thực hành.

- CO2: Vận dụng, lựa chọn, tổng hợp lại kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO2: có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ cuối A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.

- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.

- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ cuối A2; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Grammar 1.1. Present perfect vs. past simple tense 1.2. Present perfect continuous 1.3. Present perfect continuous or present perfect simple 1.4. Past perfect 1.5. Past perfect continuous 1.6. Future perfect and future perfect continuous	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 2: Grammar 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to 2.2. Conditional sentences type 1 and 2 2.3. Conditional sentences type 3 2.4. Subjunctive 2.5. Passive	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 3: Grammar 3.1. Reported speech 3.2. -ing and the infinitive 3.3. Be/get used to something (I'm used to...) 3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something 3.5. Defining relative clauses 3.6. Non-defining relative clauses	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B, Progress test 1 4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions, 4.2. Listening: Spelling and numbers 4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend	2,0	1,0	1,0		1	7,0

4.4. Reading: “Who know you better- your mother or your best friend?” 4.5. Writing: Describe a person						
Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B 5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous 5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays 5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday 5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo 5.5. Writing: Describe a favourite photo	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 6: Unit 2C, 3A, Midterm test 6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions) 6.2. Listening: Listen to three travellers’ plans and dreams 6.3. Speaking: using picture to retell a story 6.4. Reading: Read the story of <i>Hannah and Jamie</i> and read about <i>Top airports in the world</i>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C 7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause 7.2. Listening: the dates, guessing words 7.3. Reading: the dates, the ways to create new words 7.4. Speaking: make arrangement, defining words 7.5. Writing: write an informal email	2,0	1,0	1,0		1	7.0
Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B 8.1. Grammar: present perfect or past simple 8.2. Listening: teenage carers, shopping 8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview 8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping 8.5. Writing: teenagers’ habits	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 9: Unit 4C; Revise \$ check, Progress test 2	2,0	1,5	1,5		0	7,0

9.1. Grammar: something, anything, nothing 9.2. Listening: Sven's weekend 9.3. Reading: spending weekend in the UK 9.4. Speaking: making weekend more interesting 9.5. Writing: your weekend						
Nội dung 10: Unit 5A, 5B 10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect) 10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly 10.3. Speaking: Talk about changes in life 10.4. Reading: Read the article <i>We're living faster, but are we living better?</i> and <i>All capital cities are unfriendly – or are they?</i> 10.5. Writing: Write a description of the place	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 11: Unit 5C, 6A 11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions) 11.2. Listening: Listen to a radio programme 11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle 11.4. Reading: Read the article <i>Everything bad is good for you</i> and <i>A pessimist plays a pessimist</i>	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 12: Unit 6B, 6C 12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future 12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams. 12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams 12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations	3,0	1,0	1,0		0	7,0
Nội dung 13: Revise & Check 5& 13.1. Revise & Check 13.2. Progress test 3	0	1	1		1	7,0
TỔNG	27	18	18			135

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric kiểm tra nói	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kì			
	Trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File-Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 2)*. NXB Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

Bộ giáo trình tham khảo

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

Học phần 17. TIẾNG ANH 3 (ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (LT: 27, TL: 18, BT: 18)
- Mã học phần: 133033

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ B1.
- *Năng lực đạt được:* lựa chọn, sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực về Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1, sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sắp xếp, phân loại kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, phân biệt nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, lựa chọn cách thức giao tiếp trong khi Nói, lựa chọn các kỹ thuật Viết phù hợp, suy luận, tổng hợp và phân tích bài Đọc tiếng Anh trình độ B1 (Bậc 3 theo khung NLNNVN). Người học áp dụng định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 để thực hành.

- CO2: Lựa chọn, sắp xếp, phân loại và vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học áp dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học lập kế hoạch quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.
- CLO2: có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.
- CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.
- CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2 1.1. Course Introduction 1.2. Course Orientation 1.3. Unit 7 & Unit 1.2; 1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”	2,0	1,5	1,5		0	7,0

1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend's parents 1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship 1.3.4. Speaking: describing people 1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.						
Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1 2.1. Grammar: use of gerund 2.2. Listening: an interview on a singing course 2.3. Reading: Happiness is... 2.4. Speaking: giving opinion 2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1 3.1. Grammar: have to, must 3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language. 3.3. Vocabulary: modifiers 3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English 3.5. Writing: A formal email	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 4: Bài 8A & Bài 5.1 4.1. Grammar: Should 4.2. Listening: Listen to a radio program 4.3. Reading: Too macho to talk 4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice 4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 5: Bài 8B & Bài 9.2 5.1. Topics: Environment 5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional) 5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday. 5.4. Reading: It always happen 5.5. Speaking: confusing verbs	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 6: Bài 9A & Bài 10.1 6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional) 6.2. Listening: Understand a conversation	2,0	1,5	1,5		0	7,0

6.3. Reading: Would you know what to do 6.4. Speaking: About situation with “would do” 6.5. Pronunciation: word stress						
Nội dung 7: Bài 9C & Bài 7.2 7.1. Topics: Leisure 7.2. Grammar: present perfect or past simple 7.3. Listening: famous singers 7.4. Vocabulary: biographies 7.5. Speaking: Talk about a member of you family 7.6. Writing: A biography	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 8: Bài 10B & Bài 3.1 8.1. Grammar: used to 8.2. Listening: reports of famous people 8.3. Reading: Could do better 8.4. Speaking: You at primary school 8.5. Writing: writing a haiku	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 9: Bài 10C & Bài 10.2 9.1. Topics: Music and festival 9.2. Grammar: might 9.3. Listening: music and festival 9.4. Reading: Is too much choice making us happy? 9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire 9.6. Writing: a paragraph about festival	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 10: Bài 11A & Bài 7.1 10.1. Grammar: expressing movement 10.2. Listening: sport commentaries 10.3. Reading: Bad losers 10.4. Speaking: Your role as a sport player 10.5. Writing: An opinion essay	2,0	1,0	1,0		1	7,0
Nội dung 11: Bài 11B & Bài 4.1 11.1. Topics: Morning person 11.2. Grammar: word order or phrasal verbs 11.3. Reading: Early bird! 11.4. Speaking: Your wake-up 11.5. Writing: write a letter	2,0	1,5	1,5		0	7,0
Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1	3,0	1,0	1,0		0	7,0

12.1. Grammar: past perfect 12.2. Listening: news story 12.3. Reading: News around the world 12.4. Speaking: Practice telling news 12.5. Writing: a story						
Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2 12.1. Grammar: reported speech 12.2. Listening: conversation 12.3. Reading: Here's a secret 12.4. Speaking: Practice telling a gossip 12.5. Writing: a gossip of a famous person	2,0	0	0		1	7,0
TỔNG	27	18	18			135

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Bộ giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File–Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

Học liệu tham khảo

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

Học phần 18. Nhập môn truyền thông/Introduction to communication

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm: Khái niệm, mô hình, lịch sử phát triển của truyền thông; cơ chế tác động của truyền thông với các nhóm công chúng; vấn đề pháp luật và đạo đức trong truyền thông; vấn đề sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông; vấn đề phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hệ thống được kiến thức về khái niệm, phân loại, mô hình, lịch sử phát triển, cơ chế tác động của truyền thông với các nhóm công chúng.
- CO2: Người học hiểu biết về các vấn đề về pháp luật, đạo đức trong qua trình sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất và phát triển các sản phẩm truyền thông.
- CO3: Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính sáng tạo, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm với sản phẩm truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có những kiến thức khái quát về truyền thông như: hiểu rõ về khái niệm khái niệm, phân loại, mô hình, lịch sử phát triển, cơ chế tác động của truyền thông với các nhóm công chúng

- CLO2: Vận dụng kiến thức của môn học trong việc sáng tạo nội dung, tổ chức sản xuất và phát triển các sản phẩm truyền thông, cũng như dự báo về xu hướng phát triển của truyền thông trong xã hội hiện đại.

- CLO3: Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính sáng tạo, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm với sản phẩm truyền thông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái quát về truyền thông 1.1. Khái niệm truyền thông 1.2. Các yếu tố tác động đến truyền thông 1.3. Phân loại truyền thông 1.4. Mô hình truyền thông	4	2				14

Chương 2: Phẩm chất, năng lực của nhà truyền thông 2.1. Ý thức trách nhiệm 2.2. Ý thức công dân 2.3. Khát vọng chân – thiện – mỹ 2.4. Chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn 2.5. Tự vấn lương tâm	2	2				10
Chương 3: Những vấn đề, xu hướng phát triển của truyền thông 3.1. Vấn đề về người truyền tin 3.2. Vấn đề hiệu ứng truyền thông 3.3. Vấn đề nội dung truyền thông	2	4				14
Chương 4: Vấn đề pháp luật và đạo đức trong truyền thông 4.1. Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông 4.2. Địa vị pháp lí của nhà truyền thông 4.3. Các quy ước quy định đạo đức nghề nghiệp 4.4. Vấn đề tư tưởng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo – nhà truyền thông	2	2				10
Chương 5: Vấn đề tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông 5.1. Nhận diện công chúng truyền thông 5.2. Đối tượng tác động của truyền thông 5.3. Cơ chế tác động của truyền thông 5.4. Vai trò của truyền thông đối với việc phát huy sức mạnh dư luận xã hội	4	4				16
Chương 6: Xu hướng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông 6.1. Quá trình toàn cầu hoá các sản phẩm truyền thông 6.2. Sự hình thành các xu hướng truyền thông chính trong quá trình toàn cầu hoá 6.3. Vấn đề bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá truyền thông	2	4				
Chương 7: Thực hành về các loại hình truyền thông	2	0		6		26
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung về truyền thông, bản chất của truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 1	CLO 1, CLO3	30%
2	<p>Các câu hỏi về kiến thức về các vấn đề và xu hướng truyền thông hiện nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự chọn một vấn đề và xu hướng truyền thông, giải thích được tính dân tộc và toàn cầu hoá trong vấn đề và xu hướng ấy - Mục đích: Sinh viên nhận diện và phân tích được vấn đề và xu hướng truyền thông trong bối cảnh thời kì 4.0. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 2	CLO2 CLO3	
3	<p>Lựa chọn một vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và ứng dụng sản phẩm truyền thông trong thời đại 4.0</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích xu hướng phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông - Mục đích: giúp sinh viên nhận định, đánh giá xu hướng phát triển của truyền thông và ứng dụng nó trong xã hội hiện nay - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 3	CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề liên quan đến học phần nhập môn truyền thông - Mục đích: Lựa chọn vấn đề truyền thông, phân tích bản chất của vấn đề, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông và dự báo xu hướng phát triển - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân 	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III Thi cuối kỳ				

<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Đánh giá về một vấn đề truyền thông - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	50%
---	----------	------------------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:*

1) Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1) Claudia Mast (2001), *Truyền thông đại chúng - Những kiến thức cơ bản*, NXB Thông tấn.

2) Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng (2012), *Truyền thông, lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Chính trị Quốc gia.

Học phần 19. Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông/Theories of journalism and communication

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 126001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Khái quát về truyền thông, truyền thông đại chúng; Báo chí - một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng; Báo chí - loại hình thông tin chính trị - xã hội; Chức năng, nguyên tắc hoạt động của báo chí; Nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí; các vấn đề quan đến tính hiệu quả của báo chí và xu hướng phát triển báo chí.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần hệ thống được những khái niệm và kiến thức lý luận cơ bản về báo chí và truyền thông; về các quy trình, phương tiện, hình thức hoạt động và chức năng của truyền thông đại chúng.

- CO2: Các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả của báo chí và xu hướng phát triển báo chí.

- CO3: Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính sáng tạo, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm với sản phẩm báo chí và truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống được những khái niệm và kiến thức lý luận cơ bản về báo chí và truyền thông; về các quy trình, phương tiện, hình thức hoạt động và chức năng của truyền thông đại chúng.

- CLO2: Sinh viên vận dụng được các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo; các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả của báo chí và xu hướng phát triển báo chí trong quá trình hoạt động, sáng tạo của nhà báo.

- CO3: Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tính sáng tạo, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm với sản phẩm báo chí và truyền thông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái quát về truyền thông, truyền thông đại chúng 1.1. Những khái niệm cơ bản về truyền thông, truyền thông đại chúng 1.2. Các phương tiện truyền thông đại chúng 1.3. Các hình thức hoạt động truyền thông đại chúng 1.4. Bản chất xã hội của truyền thông đại chúng	4	2				14
Chương 2: Báo chí - một hình thức hoạt động truyền thông đại chúng 2.1. Sự ra đời và phát triển của báo chí 2.2. Vị trí, vai trò báo chí trong xã hội 2.3. Những điều kiện và yếu tố để hình thành và phát triển báo chí	2	2				10
Chương 3: Báo chí - loại hình thông tin chính trị - xã hội 3.1. Tính chất tổng hợp của hoạt động báo chí 3.2. Thông tin trong báo chí 3.3. Các nhân tố và điều kiện để đảm bảo chất lượng thông tin	4	4				16
Chương 4: Chức năng, nguyên tắc hoạt động của báo chí 4.1. Tính đa chức năng của báo chí 4.2. Các chức năng cơ bản của báo chí 4.3. Những vấn đề chung về nguyên tắc hoạt động báo chí 4.4. Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí	4	4				16

Chương 5: Nhà báo – chủ thể hoạt động báo chí 5.1. Tư chất, kỹ năng của nhà báo 5.2. Đặc trưng lao động của nhà báo 5.3. Quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí 5.4. Nhà báo chuyên nghiệp và việc đào tạo nhà báo	4	4				16
Chương 6: Thực hành về lý luận báo chí và truyền thông	0	2		6		18
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần cơ sở lý luận báo chí và truyền thông - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2,	30%
2	Các câu hỏi về kiến ở nội dung về báo chí, quá trình sáng tạo của nhà báo - Sinh viên tự chọn một vấn đề về báo chí, truyền thông - Mục đích: Sinh viên nhận diện và phân tích được loại hình báo chí, truyền thông. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Lựa chọn một vấn đề trong lĩnh vực truyền thông hoặc báo chí - Phân tích xu hướng phát triển - Mục đích: giúp sinh viên nhận định, đánh giá vị trí, vai trò của truyền thông (báo chí) trong xã hội hiện nay. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Chủ đề liên quan đến học phần cơ sở lý luận báo chí và truyền thông - Mục đích: Cách lựa chọn vấn đề xã hội tiêu biểu để viết báo chí và truyền thông - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân	Rubric 4	CLO2, CLO3, CLO4	20%

III	Thi cuối kỳ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: Đánh giá về các loại hình báo chí, truyền thông cụ thể - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc:

1. Dương Xuân Sơn (2015), *Giáo trình lý luận báo chí truyền thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1. Trần Bá Dung (2022), *Báo Chí Truyền Thông - Những góc tiếp cận*, NXB Thông tin và Truyền thông.

Học phần 20. Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội/Mass media and public opinion

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 126002
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần bao gồm: Sự ra đời và phát triển của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Vị trí, vai trò, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Những lý thuyết làm nền tảng, phương pháp tiếp cận các vấn đề/hiện tượng xã hội dưới chiều cạnh truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Quá trình hình thành của dư luận xã hội; Các nội dung cơ bản của truyền thông đại chúng, mối quan hệ giữa truyền thông và dư luận xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được đối tượng, chức năng, các quan điểm khoa học, các lý thuyết tiếp cận khi nghiên cứu về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội qua các thời kì lịch sử, các nội dung cơ bản trong nghiên cứu truyền thông đại chúng và dư luận xã hội, mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.

- CO2: Có kỹ năng nhận diện và phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Có kỹ năng vận dụng những lý thuyết chuyên biệt của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội vào nghiên cứu những vấn đề và sản phẩm của truyền thông.

- CO3: Có ý thức phân tích và nhìn nhận các vấn đề xã hội dưới góc nhìn truyền thông đại chúng và dư luận xã hội; Có ý thức tra cứu các lí thuyết và phương pháp chuyên biệt của chuyên ngành này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của truyền thông đại chúng và giải thích được sự mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.

- CLO2: Sinh viên phân tích và vận dụng được các lí thuyết nghiên cứu truyền thông đại chúng, nhận diện được vai trò của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội trong quá trình phân tích các vấn đề truyền thông và xây dựng các sản phẩm truyền thông

- CLO3: Sinh viên hệ thống được các nội dung cơ bản của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội

- CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Đối tượng, chức năng của truyền thông và dư luận xã hội 1.1. Sự ra đời và phát triển của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 1.2. Đối tượng của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 1.3. Chức năng của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	5	6				20
Chương 2: Bản chất của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 2.1. Khái niệm truyền thông đại chúng 2.2. Những đặc trưng của truyền thông đại chúng 2.3. Khái niệm dư luận xã hội 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành dư luận xã hội 2.5. Quá trình hình thành dư luận xã hội	5	5				20
Chương 3: Một số quan điểm lý thuyết về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 3.1. Một số lí thuyết nghiên cứu về truyền thông 3.2. Một số lí thuyết nghiên cứu về dư luận xã hội	4	7				25

33. Phương pháp tiếp cận vấn đề xã hội từ góc nhìn của truyền thông					
Chương 4: Các nội dung cơ bản của truyền thông đại chúng 4.1. Hướng nghiên cứu về nhà truyền thông 4.2. Hướng nghiên cứu về nội dung thông điệp 4.3. Hướng nghiên cứu về công chúng 4.4. Hướng nghiên cứu về kênh dẫn truyền 4.5. Hướng nghiên cứu về hiệu quả truyền thông	8	11			45
Chương 5: Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội 5.1. Tác động của truyền thông đại chúng đến dư luận xã hội 5.2. Dư luận xã hội là nguồn sự kiện của truyền thông đại chúng 5.3. Dư luận xã hội là tác nhân thay đổi truyền thông đại chúng	5	7			25
Tổng	27	36			135

5. Phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (3)			
1	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến khái quát về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được các kiến thức chung về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội - Yêu cầu: SV làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4	30%
2	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến bản chất của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức nằm trong nội dung của học phần - Yêu cầu: SV làm việc độc lập	Rubric 2	CL01, CL02, CLO4	
3	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến nội dung cơ bản của truyền thông đại chúng	Rubric 3	CLO3, CLO4	

	- Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức nằm trong nội dung của học phần - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
4	Câu hỏi liên quan đến ứng dụng lí thuyết trong nghiên cứu truyền thông đại chúng và dư luận xã hội - Mục đích: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần vào trong thực tế. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bài trình chiếu và 1 báo cáo.	Rubric 4	CLO2, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Sinh viên thực hiện một chương trình truyền thông - Mục đích: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần vào trong thực tế, rèn luyện kỹ năng sáng tạo sản phẩm truyền thông - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Vận dụng những lí thuyết chuyên biệt của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội vào nghiên cứu những vấn đề và sản phẩm của truyền thông. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1) Dương Thị Thu Hương (2020), *Nghiên cứu dư luận xã hội*, NXB Thông tin truyền thông.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Nguyễn Quý Thanh (2011), *Xã hội học về dư luận xã hội*, NXB Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

2) Nguyễn Hữu Quang (2006), *Xã hội học báo chí*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

Học phần 21. Các loại hình truyền thông hiện đại/Modern types of communications

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126003
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn truyền thông

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về truyền thông, truyền thông đại chúng và các phương tiện truyền thông hiện đại; đặc trưng, đặc điểm của các loại hình truyền thông hiện đại; tổ chức và quy trình của các loại hình truyền thông; các loại hình báo chí truyền thông; đánh giá và đo lường hiệu quả của các loại hình truyền thông hiện đại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng thành thạo kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về các loại hình truyền thông hiện đại, hiểu rõ được những đặc trưng để nhận diện các loại hình truyền thông, nắm vững quy luật hình thành và phát triển. Từ đó lí giải được xu hướng ứng dụng các loại hình truyền thông hiện đại.

- CO2: Giúp sinh viên phát triển tư duy nghề nghiệp, linh hoạt vận dụng kiến thức lý luận và thực hành trong từng loại hình truyền thông hiện đại.

- CO3: Có kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, thuyết trình; có phẩm chất trung thực, tư cách đạo đức và trách nhiệm của người làm nghề truyền thông như: năng động, tích cực.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản, các đặc trưng, đặc điểm về các loại hình truyền thông đại chúng.

- CLO2: Nắm vững các kỹ năng chuyên môn và năng lực hành nghề về cách tổ chức và quy trình của các loại hình truyền thông hiện đại.

- CLO3: Sinh viên xây dựng kỹ năng phân tích, phân loại và quy trình xuất bản các loại hình báo chí truyền thông.

- CLO4: Hiểu rõ và vận dụng được kiến thức về các loại hình truyền thông hiện đại vào thực tế, có ý thức và trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuẩn mực, chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về truyền thông, truyền thông đại chúng và các phương tiện truyền thông hiện đại 1.1. Các khái niệm về truyền thông, truyền thông đại chúng và các phương tiện truyền thông 1.2. Mô hình, quá trình, môi trường, phân loại truyền thông. 1.3. Đặc điểm, tính chất của truyền thông đại chúng	2					10

1.4. Quá trình hình thành và phát triển các loại hình phương tiện truyền thông hiện đại trên thế giới và ở Việt Nam.					
Chương 2: Đặc trưng, đặc điểm của các loại hình truyền thông hiện đại 2.1. Đặc trưng của các loại hình truyền thông hiện đại 2.2. Đặc điểm cơ bản của các loại hình truyền thông hiện đại	4	4			20
Chương 3: Các loại hình truyền thông hiện đại 3.1. Truyền thông đại chúng (Broadcast) 3.2. Phim ảnh/ điện ảnh 3.3. Video game 3.4. Thu âm và sao chép 3.5. Điện thoại di động 3.6. Khác	4	4		2	20
Chương 4: Các loại hình báo chí truyền thông 4.1. Báo in 4.2. Báo nói 4.3. Truyền hình 4.4. Báo điện tử 4.5. Các loại hình báo chí truyền thông khác	4	6		2	20
Chương 5: Đánh giá và đo lường hiệu quả của các loại hình truyền thông hiện đại 5.1. Mục đích của hệ thống đánh giá các loại hình truyền thông 5.2. Các đặc trưng của một hệ thống đánh giá 5.3. Quy trình đánh giá 5.4. Hành động sau khi đánh giá	4	4		2	20
Tổng	18	18		6	90

5. Phương pháp dạy – học

- Diễn giảng kết hợp các hình thức trình chiếu hình ảnh và video;
- Thuyết trình, đối thoại, làm bài tập trên lớp.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần các loại hình truyền thông hiện đại - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện)	Rubric 1	CLO 1, CLO2, CLO3 CLO4	30%

	- Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Các câu hỏi về các nội dung của các loại hình truyền thông hiện đại - Sinh viên tự chọn một chủ đề các loại hình truyền thông (trực tiếp hoặc online), xây dựng chương trình truyền thông cho chủ đề đã chọn - Mục đích: Sinh viên biết xây dựng một chương trình, chiến lược truyền thông sáng tạo, hiệu quả - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO2, CLO3 CLO4	
3	Lựa chọn một vấn đề thực tế - Xây dựng một chương trình truyền thông về chủ đề đã chọn - Mục đích: Sinh viên biết xây dựng trọng điểm và chiến lược của một chương trình truyền thông sáng tạo - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO2, CLO3 CLO4	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Chọn một chủ đề liên quan đến các loại hình truyền thông - Mục đích: biết cách xây dựng và thiết lập một chương trình truyền thông - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO2, CLO3, CLO4,	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng một loại hình truyền thông hiện đại - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

- 1) Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, NXB Thông tin và truyền thông.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- 1) Phạm Thái Việt (2016), *Giáo trình đại cương truyền thông quốc tế*, NXB chính trị Quốc Gia.
- 2) Vũ Quỳnh (2008), *Quảng cáo và các hình thức quảng cáo hiệu quả*, NXB Khoa học Xã hội.

Học phần 22. Quan hệ công chúng/ Public relations

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 26 TL, 10 TH)
- Mã học phần: 126004
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn truyền thông

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Quan hệ công chúng bao gồm: Tổng quan về quan hệ công chúng; Các hoạt động PR nội bộ; Quan hệ với cộng đồng; Mối quan hệ với truyền thông; cách tổ chức họp báo, cách tổ chức sự kiện; Quản trị khủng hoảng, Hoạch định chiến lược PR cho tổ chức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên nắm vững được tổng quan về quan hệ công chúng, yếu tố nền tảng về quan hệ công chúng, ứng dụng được các kỹ thuật chủ yếu của hoạt động PR, xây dựng được kế hoạch chiến lược PR cho một tổ chức, biết cách vận dụng các kỹ thuật PR vào thực tế công việc.

- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức về PR vào các bài tình huống tại lớp, xây dựng được kế hoạch chiến lược PR cũng như triển khai được các hoạt động PR chính thức tại cơ quan công tác sau này.

- CO3: Phân tích và đánh giá được tầm quan trọng của PR trong việc thiết lập, duy trì mối quan hệ và tạo ảnh hưởng tích cực của tổ chức đến công chúng. Ý thức được việc lựa chọn và sử dụng các kỹ thuật và chiến lược PR phù hợp trong nội bộ và PR ngoài tổ chức.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống hóa được những vấn đề lý luận và thực tiễn về quan hệ công chúng.

- CLO2: Phân tích và đánh giá các đặc điểm, vai trò, các kỹ thuật của PR nội bộ như: truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa giao tiếp nội bộ, xây dựng văn hóa tổ chức.

- CLO3: Phát triển được kỹ năng làm việc trong các hoạt động quan hệ cộng đồng: khách hàng, giới công quyền, các quan hệ cộng đồng khác.

- CLO4: Phân tích, đánh giá được các đặc điểm, vai trò của quan hệ với truyền thông. Phát triển các kỹ thuật chủ yếu để xây dựng mối quan hệ với truyền thông

- CLO5: Phát triển được kỹ năng tổ chức sự kiện; giải pháp đối phó và xử lý khủng hoảng trong các hoạt động quan hệ công chúng.

- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn cách hoạch định chiến lược PR của tổ chức để phát triển quan hệ công chúng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		

<p>Chương 1: Tổng quan về quan hệ công chúng</p> <p>1. Định nghĩa, lịch sử ra đời và vai trò của quan hệ công chúng</p> <p>2. Phân biệt sự khác nhau giữa PR & Marketing</p> <p>3. Đạo đức nghề nghiệp PR</p> <p>4. Các hoạt động PR chính: nội bộ, cộng đồng, truyền thông, tổ chức sự kiện, quản trị khủng hoảng</p> <p>5. Chuyên viên PR</p> <p>6. Xây dựng và phát triển thương hiệu</p>	3	3				10
<p>Chương 2: PR nội bộ</p> <p>1. Đặc điểm của PR nội bộ</p> <p>2. Vai trò PR nội bộ</p> <p>3. Các kỹ thuật PR nội bộ: truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa giao tiếp nội bộ, xây dựng văn hóa tổ chức</p> <p>4. Bài tập 1</p>	3	3	2			20
<p>Chương 3: Quan hệ cộng đồng</p> <p>1. Đặc điểm và vai trò của quan hệ cộng đồng.</p> <p>2. Các hoạt động quan hệ cộng đồng chủ yếu: khách hàng, giới công quyền và các quan hệ cộng đồng khác: giới nghề nghiệp, dân cư...</p>	3	3				20
<p>Chương 4: Quan hệ với truyền thông</p> <p>1. Đặc điểm và vai trò của quan hệ truyền thông</p> <p>2. Các kỹ thuật chủ yếu để xây dựng mối quan hệ với truyền thông: thông cáo báo chí, tổ chức họp báo, trả lời phỏng vấn, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp với giới truyền thông, xây dựng mối quan hệ trên các mạng xã hội...</p> <p>3. Bài tập 2</p>	4	4	2			20
<p>Chương 5: Tổ chức sự kiện</p> <p>1. Đặc điểm và vai trò của tổ chức sự kiện</p> <p>2. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức sự kiện</p> <p>3. Các loại hình sự kiện: lễ khai trương, khánh thành, động thổ, giới thiệu sản phẩm mới, kỷ niệm ngày thành lập, tổ chức hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm</p>	4	4	2			20
<p>Chương 6: Quản trị khủng hoảng</p>	4	4				20

1. Đặc điểm và vai trò của quản trị khủng hoảng 2. Giải pháp đối phó và xử lý khủng hoảng: nhận diện, phòng tránh và lập kế hoạch xử lý					
Chương 7: Hoạch định chiến lược PR của tổ chức 1. Vai trò của hoạch định chiến lược PR của tổ chức 2. Nội dung các bước hoạch định chiến lược. 3. Bài tập 3	6	5	4		25
Tổng	27	26		10	135

5. Phương pháp dạy – học

- Diễn giảng kết hợp các hình thức trình chiếu hình ảnh và video
- Thuyết trình, đối thoại, làm bài tập trên lớp

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần quan hệ công chúng - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2, CLO3	30%
2	Các câu hỏi về kiến thức chung về các nội dung của quan hệ công chúng - Sinh viên tự chọn một chủ đề truyền thông, xây dựng chương trình truyền thông cho chủ đề đã chọn - Mục đích: Sinh biết xây dựng một chương trình truyền thông trực tiếp, hoặc online - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Lựa chọn một chủ đề trong quan hệ công chúng - Xây dựng, hoạch định một chương trình truyền thông về chủ đề đã chọn - Mục đích: giúp sinh viên xây dựng quan hệ, tổ chức, quản trị và hoạch định chiến lược truyền thông. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO4, CLO5, CLO6	

4	Xây dựng giải pháp đối phó và xử lý khủng hoảng: nhận diện, phòng tránh và lập kế hoạch xử lý - Mục đích: giúp sinh viên xây dựng các giải pháp đối phó và xử lý khủng hoảng - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO5, CLO6	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Chọn một chủ đề liên quan đến quan hệ công chúng - Mục đích: biết cách xây dựng và thiết lập một chương trình truyền thông - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng một chương trình về quan hệ công chúng - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Ngô Minh Cách, Đào Thị Minh Thanh (2015), *Giáo trình Quan hệ công chúng*, NXB Tài chính.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Lưu Văn Nghiêm (2009), *Quản trị quan hệ công chúng*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2) Đinh Thị Thúy Hằng, Mạch Lê Thu, Nguyễn Thị Minh Hiền (2007), *PR kiến thức cơ bản và đạo đức nghề nghiệp*, NXB Lao động.

Học phần 23. Nhập môn đa phương tiện/Introduction to multimedia

- Số tín chỉ: 2 (20, 0, 20)
- Mã học phần: 172076
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất trong lĩnh vực lý thuyết về các loại dữ liệu đa phương tiện, biết xây dựng cách thức lưu trữ, vận hành các loại dữ liệu phục vụ cho mục đích truyền thông đa phương tiện.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trang bị cho người học một số hiểu biết cơ bản về công nghệ đa phương tiện (Multimedia) và ứng dụng trong xử lý âm thanh, xử lý hình ảnh, xử lý video, animation.

CO2: Người học có thể ứng dụng lý thuyết đã học cho một số bài toán đã và đang đặt ra trong lĩnh vực multimedia.

CO3: Rèn luyện tính chủ động trong học tập và nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến công nghệ đa phương tiện.

CLO2: Thực hiện được bài toán xử lý đa phương tiện.

CLO3: Thực hiện được việc nén của các loại dữ liệu trong truyền thông đa phương tiện.

CLO4: Phân tích và xây dựng các ứng dụng đa phương tiện.

CLO5: Chỉ ra được các đặc tính của dữ liệu và mô hình triển khai hệ thống truyền thông đa phương tiện.

CLO6: Chủ động và có trách nhiệm trong học tập để đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của xã hội.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về công nghệ đa phương tiện 1.1. Định nghĩa về đa phương tiện 1.2. Các chuẩn multimedia thông dụng 1.3. Dữ liệu đa phương tiện 1.4. Xử lý dữ liệu đa phương tiện 1.5. Truyền thông đa phương tiện	5	0	0	0		15
Chương 2: Xử lý đa phương tiện 2.1. Xử lý văn bản 2.2. Xử lý âm thanh 2.3. Xử lý hình ảnh 2.4. Xử lý tín hiệu video	7	0	0	15		44
Chương 3: Nén dữ liệu đa phương tiện 3.1. Nén không mất dữ liệu 3.2. Nén mất dữ liệu	5	0	0	5		22

3.3. Dữ liệu đa phương tiện và một số phương pháp nén dữ liệu đa phương tiện (nén ảnh, nén audio, nén video)						
Chương 4: Ứng dụng đa phương tiện	3	0	0	0		9
4.1. Ứng dụng của đa phương tiện trong đời sống						
4.2. Xây dựng ứng dụng đa phương tiện						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, diễn giảng, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	- Nội dung chương 1 - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	- Nội dung chương 2 - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung chương 2	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung chương 3 - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Bài thực hành của chương 2 - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
 - + Thảo luận nhóm và báo cáo thuyết trình tại lớp.
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1]. Ze-Nian Li, Mark S.Drew, JiangChuan Liu (2014), *Fundamentals of Multimedia Second Edition*, Springer International.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Thị Ngọc Diễm, Lê Đức Thắng (2015), *Giáo trình hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện*, Đại học Cần Thơ.

Học phần 24. Thiết kế web/Web Design

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 174034
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế đồ họa web; thiết kế giao diện web; nguyên tắc thiết kế tương tác thân thiện người dùng; tối ưu hóa các engine tìm kiếm toàn văn (full text search); các kỹ thuật marketing và xếp hạng web theo Google search; các ngôn ngữ và công cụ định dạng web (HTML, CSS, JQuery). Kết thúc học phần, người học có năng lực sáng tạo để thiết kế được giao diện các ứng dụng web; có thể marketing, quản trị và duy trì thứ hạng các ứng dụng web; lập trình và phát triển được các ứng dụng web bằng HTML, CSS và JavaScript.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về Web, các thành phần cơ bản của một trang web.
- CO2: Nắm vững các thành phần của công cụ ngôn ngữ lập trình để cài đặt chương trình.
- CO3: Thành thạo ngôn ngữ HTML, CSS và Javascript để thiết kế trang web.
- CO4: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát hóa được kiến thức cơ bản về Web, ứng dụng Web và Internet: kiến trúc ứng dụng Web, ứng dụng Web, dịch vụ WWW, giao thức HTTP; hiểu được cách thức hoạt động của dịch vụ WWW và giao thức HTTP.
- CLO2: Nắm vững các giai đoạn xây dựng Website và các vấn đề cần lưu ý trong việc xây dựng website.
- CLO3: Thành thạo cách thức xuất bản, cấu hình, quản trị một website lên Internet như đăng ký tên miền, đăng ký web hosting, biết các cách để quảng bá, marketing ứng dụng web.
- CLO4: Thành thạo ngôn ngữ HTML/HTML5, CSS/CSS3, JavaScript/Jquery để tạo một trang web.
- CLO5: Phân tích thiết kế Website tĩnh, sử dụng những công cụ có sẵn hỗ trợ cho việc thiết kế Website, biết cách quản lý và xuất bản Website lên Internet.
- CLO6: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về phân tích vấn đề và ngôn ngữ lập trình; vận dụng cài đặt được các bài toán ứng dụng trong thực tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	Tự học
----------	-----------------------------	--------

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về thiết kế và lập trình Web 1.1. Internet, các dịch vụ và giao thức 1.2. Website và công cụ thiết kế Website 1.3. Kiến trúc ứng dụng Web 1.4. Web và công nghệ phát triển Web 1.5. Định vị tài nguyên trên Internet 1.6. Cách tổ chức và xây dựng một Website 1.7. Các bước và nguyên tắc thiết kế website	2					2
Chương 2. HTML và HTML5 Giới thiệu về HTML (HyperText Markup Language) và HTML5 2.2. Các thành phần của một trang HTML 2.3. Thao tác khi thiết kế trang web với HTML 2.4. Các thẻ HTML 2.5. Định dạng bảng biểu trong HTML 2.6. Form và các thành phần của Form 2.7. Frame	3			5		8
CHƯƠNG 3. Tạo trang web với Dreamweaver/Microsoft Fontpage 3.1. Tạo trang web đơn giản 3.2. Tạo bảng trong trang WEB 3.3. Siêu liên kết - Hyperlink 3.4. Đồ hoạ trong trang web 3.5. Tạo Frame trong trang web Bài thực hành số 1. Tạo trang web bằng HTML	2					2
Chương 4. CSS và CSS 3 4.1. Giới thiệu về CSS (Cascade Style Sheet) và CSS3 4.2. Tạo và thêm style vào trang HTML 4.3. Các bộ chọn (Selector) 4.4. Kết hợp, liên kết và chèn một StyleSheet vào tài liệu HTML 4.5. Thiết lập thuộc tính trong StyleSheet	3			10		10

4.6. Bài thực hành số 2. Sử dụng CSS để dựng bố cục cho Website					
Chương 5. JavaScript và jQuery 5.1. Giới thiệu về Java Script và jQuery 5.2. Cách sử dụng Java Script và jQuery 5.3. Một số đối tượng trong Java Script và jQuery 5.4. Xử lý sự kiện trong Java Script và jQuery 5.5. Bài thực hành số 3. Sử dụng JavaScript/jQuery 5.6. Bài thực hành số 4. Sử dụng JavaScript/jQuery	3		10		15
Chương 6. Triển khai ứng dụng Web 6.1. Những lưu ý khi triển khai một ứng dụng Web 6.1.1. Core File của Website 6.1.2. Static Content File của Website 6.1.3. Những thành phần không cần triển khai 6.1.4. Cơ sở dữ liệu và các thành phần phụ thuộc bên ngoài. 6.2. Triển khai ứng dụng Web trên Internet Information Server (IIS) 6.2.1. Những điều kiện tiên quyết khi triển khai trên IIS. 6.2.2. Tạo và cấu hình một IIS. 6.3. Đăng ký host, Domain 6.4. Quản lý website 6.5. Bài thực hành số 5: Xây dựng website hoàn chỉnh	2		5	2	15
Tổng số tiết	15		30		130

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Nội dung: Kiến thức cơ bản về Website,	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO6	30%
2	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	

4	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	20%
III Thi cuối kỳ				
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

[1] *HTML5 và CSS3 Thiết kế trang web thích ứng giàu tính năng*, NXB Đại học Bách Khoa Hà nội, 2015

[2] Lê Đình Thanh, Nguyễn Việt Anh, *Giáo trình phát triển ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2018

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

[3] Jon Duckett, *HTML&CSS Design and build websites*, John Wiley and Sons, Inc, 2011

Học phần 25. Nguyên lý đồ họa máy tính/ Principles of computer graphics

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0)
- Mã học phần: 173108
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng căn bản về đồ họa máy tính giúp sinh viên nhận thức được vai trò của đồ họa máy tính trong phát triển các sản phẩm phần mềm; Hiểu về một hệ đồ họa; hệ tọa độ thế giới thực và hệ tọa độ thiết bị; hệ màu; cách thức hiển thị các đối tượng hình học; Vận dụng được các thuật toán cơ bản như: các thuật toán vẽ đối tượng cơ sở, các thuật toán tô màu miền kín, các thuật toán cắt xén hình; các phép biến đổi hình học trong không gian 2 chiều và 3 chiều trong tạo và hiển thị các đối tượng đồ họa.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nhận thức được vai trò của đồ họa máy tính trong các lĩnh vực.
- CO2: Nắm được các thành phần cơ bản của một hệ đồ họa và nguyên lý cơ bản của các hệ màu.
- CO3: Hiểu, xây dựng và vận dụng được các thuật toán vẽ đối tượng đồ họa cơ sở và các thuật toán biến đổi, cắt xén, hiển thị các đối tượng đồ họa.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận thức được vai trò của đồ họa máy tính trong các sản phẩm phần mềm CNTT.

- CLO2: Nắm được các thành phần cơ bản của một hệ đồ họa.
- CLO3: Vận dụng được các thuật toán cơ bản của đồ họa liên quan đến tô màu, vẽ đối tượng đồ họa cơ bản, cắt xén, hiển thị các đối tượng hình học.
- CLO4: Hiểu và vận dụng được các kiến thức toán học trong việc biến đổi các đối tượng đồ họa.
- CLO5: Hiểu nguyên lý cơ bản của các hệ màu.
- CLO6: Có khả năng xây dựng các hàm vẽ đối tượng cơ sở; Tính được tọa độ các điểm của đối tượng cơ sở trên thiết bị hiển thị qua các thuật toán vẽ và các phép biến đổi hình học.
- CLO7: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu. Tổng hợp cập nhật được những thay đổi về đồ họa, và xu hướng phát triển trong tương lai.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỒ HỌA MÁY TÍNH 1.1. Giới thiệu về đồ họa máy tính 1.2. Một số ứng dụng của đồ họa máy tính 1.3. Tổng quan về một hệ đồ họa	4					12
CHƯƠNG 2: ĐỒ HỌA 2 CHIỀU 2.1. Các đối tượng đồ họa cơ sở 2.2. Các thuật toán vẽ đường thẳng, đường tròn 2.3. Các thuật toán biến đổi cơ sở của đối tượng 2 chiều 2.4. Kết hợp các phép biến đổi 2.5. Một số tính chất của phép biến đổi affine 2.6. Một số phép biến đổi khác 2.7. Các thuật toán cắt xén hình 2.8. Các thuật toán tô màu	10	6				39
CHƯƠNG 3: ĐỒ HỌA 3 CHIỀU 3.1. Tổng quan về đồ họa 3 chiều 3.2. Biểu diễn các đối tượng 3 chiều 3.3. Các phép biến đổi hình học 3 chiều 3.4. Các phép chiếu	8	4				30
CHƯƠNG 4: CÁC HỆ MÀU 4.1. Hệ màu RGB 4.2. Hệ màu CMY và CMYK 4.3. Một số hệ màu khác	3					9
Tổng số tiết	25	10				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6, CLO7	30%
2	Viết	Rubric 2	CLO4, CLO6, CLO7	
3	Viết	Rubric 3	CLO5, CLO6, CLO7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO3, CLO7, CLO8	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% tổng số tiết của học phần.
- Có tài liệu, đọc, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập đầy đủ.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và dự thi cuối kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Kiếm, Dương Anh Đức, Lê Đình Duy, Vũ Hải Quân (2011), *Cơ Sở Đồ Họa Máy Tính*, NXB Giáo dục Việt Nam.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Bùi Thế Duy (2009), *Đồ họa máy tính*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

Học phần 26. Xử lý ảnh/Image Processing

- Số tín chỉ: 3 (25, 40, 0)
- Mã học phần: **173073**
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Các phương pháp thu nhận và biểu diễn ảnh số; các kỹ thuật tăng cường, cải thiện chất lượng ảnh; các kỹ thuật lọc nhiễu (tuyến tính và phi tuyến); các phương pháp dò biên ảnh (Sobel, Canny,...); các phương pháp phân vùng ảnh; các kỹ thuật xử lý ảnh nhị phân (phép toán hình thái, dò biên, gán nhãn đối tượng); một số kỹ thuật trích chọn đặc trưng và nhận dạng ảnh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày, giải thích được các thành phần cơ bản một hệ thống thị xử lý ảnh số
- CO2: Trình bày, giải thích được các phương pháp, thuật toán lọc ảnh, dò biên, phân vùng ảnh.
- CO3: Sử dụng được các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình lời cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.

- CO4: Đam mê thực hành, cần cù, sáng tạo, chăm chỉ cài đặt các thuật toán thị về xử lý ảnh và vận dụng xây dựng các sản phẩm thực tiễn. Tích cực tra đổi, chia sẻ kiến thức của môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về một hệ thống xử lý ảnh số
- CLO2: Hiểu, giải thích được các phương pháp thu nhận và biểu diễn ảnh
- CLO3: Giải thích, vận dụng được các kỹ thuật tăng cường, cải thiện chất lượng ảnh; các kỹ thuật lọc nhiễu (tuyến tính và phi tuyến)
- CLO4: Vận dụng, lý giải được các phương pháp dò biên ảnh; Các phương pháp phân vùng ảnh
- CLO5: Vận dụng, lý giải được một số kỹ thuật trích chọn đặc trưng và nhận dạng ảnh
- CLO6: Triển khai cài đặt thành thạo các kỹ thuật xử lý và cải thiện chất lượng ảnh để xây dựng một ứng dụng xử lý ảnh với các chức năng cơ bản
- CLO7: Triển khai cài đặt thành thạo các kỹ thuật trích chọn đặc trưng ảnh để xây dựng một ứng dụng thị giác máy cụ thể
- CLO8: Triển khai sử dụng thành thạo các công cụ và môi trường phát triển ứng dụng xử lý ảnh (Matlab)
- CLO9: Triển khai sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình lời cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.
- CLO10: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về các nội dung của học phần xử lý ảnh, các vấn đề cài đặt, lập trình thuật toán liên quan..

4. Nội dung học phần (LT: lý thuyết, BT: bài tập)

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ XỬ LÝ ẢNH VÀ ỨNG DỤNG - Tổng quan về hệ thống xử lý ảnh - Thu nhận và biểu diễn ảnh - Giới thiệu một số loại ảnh - Giới thiệu các hệ biểu diễn màu phổ biến	3		3			16.5
CHƯƠNG 2. BIẾN ĐỔI ẢNH - Khái niệm biến đổi ảnh - Các phép toán điểm ảnh (Point operations) - Các phép toán mặt nạ (Mask operations) - Các phép toán toàn cục (Global operations)	6		14			31.5

CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP TRÍCH CHỌN ĐẶC TRƯNG ẢNH - Khái niệm đặc trưng ảnh - Các kỹ thuật trích chọn biên ảnh - Các kỹ thuật dò tìm điểm khóa (Keypoint detectors) - Các bộ mô tả đặc trưng ảnh - Các phương pháp phân vùng ảnh	6	15			43.5
CHƯƠNG 4. ĐỐI SÁNH VÀ NHẬN DẠNG ẢNH - Tổng quan về đối sánh và nhận dạng ảnh - Các kỹ thuật đối sánh - Các bộ phân lớp phổ biến - Giới thiệu về môi trường lập trình xử lý ảnh - Một số ứng dụng xử lý ảnh điển hình	5	8			43.5
Tổng số	25	40			135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO10	30%
2	Kiểm tra viết	Rubric 2	CLO2, CLO3, CLO6, CLO7, CLO9, CLO10	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO4, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	
4	Thuyết trình (Bài tập lớn)	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học (quy định tại mục 5) để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

[1] Phạm Thế Anh (chủ biên), Nguyễn Mạnh An, Đỗ Năng Toàn. *Giáo trình Xử lý ảnh*. NXB Giáo dục, 2017.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

[2] Hoàng Văn Dũng, *Giáo trình Nhận dạng và Xử lý ảnh*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2018

Học phần 27. Mạng máy tính/Computer Networks

- Số tín chỉ: 03 (25, 30, 10)
- Mã học phần: 172050
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ số

1. Mô tả học phần

Các khái niệm cơ bản về mạng máy tính, các mô hình mạng, kiến trúc mạng, đường truyền vật lý của mạng máy tính; trình bày kiến trúc phân tầng và mô hình OSI; kỹ thuật mạng cục bộ bao gồm cấu trúc mạng, các kỹ thuật truy cập đường truyền, công nghệ Ethernet cho mạng cục bộ, các thiết bị mạng kết nối mạng, mạng Internet và họ giao thức TCP/IP, vấn đề địa chỉ IPv6 và các ứng dụng trên Internet; các phương pháp kiểm soát lỗi, an toàn thông tin trên mạng và quản trị địa chỉ IP.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức tổng quan về mạng, kiến trúc mạng, kiến trúc phân tầng, phân loại mạng; có kiến thức về đường truyền vật lý, các thiết bị kết nối mạng, các phương thức kết nối mạng; có kiến thức về địa chỉ IP, phân chia mạng con trong các mạng cục bộ, các chuẩn về mạng và lý thuyết về thiết kế và quản trị mạng

- CO2: Có kỹ năng phân loại các mạng máy tính, các đường truyền vật lý và các thiết bị mạng; có kỹ năng kết nối các thiết bị mạng máy tính; có kỹ năng thiết kế và quản trị cơ bản mạng máy tính

- CO3: Có thái độ học tập tích cực, chịu khó tìm hiểu về mạng máy tính và các lĩnh vực liên quan; có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến trúc mạng, nguyên lý phân tầng trong mô hình phân tầng, các dạng đường truyền vật lý và các thiết bị kết nối mạng, các giao thức kết nối mạng, địa chỉ IP

- CLO2: Phân loại được các mạng máy tính; trình bày được các chuẩn trong kết nối mạng máy tính, mạng cục bộ

- CLO3: Kết nối được máy tính và các thiết bị mạng để xây dựng các mạng mạng tính đơn giản; chia được các mạng con.

- CLO4: Trình bày được các vấn đề về an toàn mạng máy tính; sử dụng được các phương pháp kiểm soát lỗi trong truyền thông mạng.

- CLO5: Vận dụng được các kiến thức về mạng máy tính để giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến lĩnh vực mạng máy tính

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MẠNG MÁY TÍNH	4	5				19,5
1.1. Lịch sử phát triển của mạng máy tính 1.2. Mục tiêu, các dịch vụ của mạng máy tính 1.3. Kiến trúc mạng máy tính 1.4. Đường truyền vật lý 1.5. Phân loại mạng máy tính 1.6. Các mô hình xử lý						
CHƯƠNG 2: KIẾN TRÚC PHÂN TẦNG VÀ MÔ HÌNH OSI	3	4				15
2.1. Các tổ chức chuẩn hóa mạng máy tính 2.2. Kiến trúc phân tầng 2.3. Mô hình OSI						
CHƯƠNG 3: MẠNG CỤC BỘ	6	6				27
3.1. Các đặc trưng của mạng cục bộ 3.2. Cấu trúc mạng cục bộ 3.3. Một số thiết bị nối mạng LAN 3.4. Các phương pháp truy nhập đường truyền vật lý 3.5. Chuẩn Ethernet cho mạng LAN						
CHƯƠNG 4: MẠNG INTERNET VÀ MÔ HÌNH TCP/IP	3	5				13,5
4.1. Giới thiệu chung về Internet 4.2. Mô hình kiến trúc TCP/IP 4.3. Họ giao thức TCP/IP 4.4. Địa chỉ IPv6						
CHƯƠNG 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA MẠNG MÁY TÍNH	7	8				33
5.1. Kiểm soát lỗi 5.2. Bảo mật trên mạng 5.3. Quản trị địa chỉ IPv4						
CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ MẠNG CƠ BẢN	2	2		10		24
6.1. Thiết lập một mạng ngang hàng - Bám dây theo chuẩn (A,B) - Đấu dây, đặt địa chỉ IP và tên máy 6.2. Khai thác và quản trị mạng ngang hàng - Quản trị tài khoản và nhóm cục bộ - Chia sẻ tài nguyên trong mạng Workgroup						

TỔNG	25	30	10	135
-------------	-----------	-----------	-----------	------------

5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên sử dụng hình thức dạy học thuyết trình và chia nhóm thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung bài giảng. Sinh viên nghiên cứu và trao đổi các nội dung do giảng viên đưa ra.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Viết	Rubric 1	CLO1	30%
2	Viết	Rubric 2	CLO2	
3	Viết	Rubric 3	CLO4	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO3, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Trắc nghiệm	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu đạt điều kiện và đã đăng kí), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thành phần, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Phạm Thế Quế (2010), *Công nghệ Mạng máy tính*, NXB TT&TT

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

1. Nguyễn Thúc Hải (1999), *Mạng máy tính và các hệ thống mở*, NXB Giáo dục.

2. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ Trí Đức (2003), *Giáo trình mạng căn bản*, NXB Thống kê.

Học phần 28. Chiến lược và kế hoạch truyền thông/ Communication strategy and plan

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 26 TL, 10 TH)
- Mã học phần: 126005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Chiến lược và kế hoạch truyền thông gồm: khái quát về chiến lược và kế hoạch truyền thông (các khái niệm, ba cấp độ chiến lược của truyền thông, cấu trúc lập kế hoạch truyền thông, nội dung chính của một bản kế hoạch truyền thông); cách thức mà một quá trình truyền thông diễn ra và các yếu tố chính tạo ra quá trình truyền thông (nguồn phát, thông điệp, kênh truyền thông); cách thức phân tích tổng quan tình hình, thị trường và khách hàng; cách thức hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông; cách thức tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả chương trình truyền thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hoá được kiến thức liên quan đến việc thực hiện một chiến lược và kế hoạch truyền thông: các khái niệm, ba cấp độ chiến lược của truyền thông, cấu trúc lập kế hoạch truyền thông, nội dung chính của một bản kế hoạch truyền thông; cách thức mà một quá trình truyền thông diễn ra và các yếu tố chính tạo ra quá trình truyền thông (nguồn phát, thông điệp, kênh truyền thông); cách thức phân tích tổng quan tình hình, thị trường và khách hàng; cách thức hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông; cách thức tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả chương trình truyền thông;

- CO2: Hình thành được kỹ năng phân tích tình hình thực tế, thị trường và khách hàng trong thực tế cuộc sống, đề xuất được chiến lược và kế hoạch truyền thông hiệu quả phù hợp với tình hình đó, tổ chức thực hiện và đánh giá được hiệu quả của chương trình truyền thông đã đề xuất.

- CO3: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc xác định chiến lược, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả khi thực hiện các chương trình truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến chiến lược và kế hoạch truyền thông; nắm được cách thức mà một quá trình truyền thông diễn ra;

- CLO2: Có kỹ năng phân tích tổng quan tình hình, thị trường và khách hàng; hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông; tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả chương trình truyền thông;

- CLO3: Nhận thức được vai trò đúng đắn của các chương trình truyền thông; có thái độ học tập và làm việc tích cực, chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về chiến lược và kế hoạch truyền thông 1.1. Khái quát về kế hoạch truyền thông 1.2. Ba cấp độ chiến lược trong một doanh nghiệp 1.3. Cấu trúc lập kế hoạch truyền thông Nội dung chính của một bản kế hoạch truyền thông	3	4				25
Chương 2: Phân tích quá trình truyền thông 2.1. Quá trình truyền thông là gì? 2.2. Các yếu tố chính của một quá trình truyền thông 2.2.1. Nguồn phát 2.2.2. Thông điệp 2.2.3. Kênh truyền thông	6	4		2		25
Chương 3: Phân tích tổng quan tình hình, thị trường và khách hàng 3.1. Phân tích tình hình 3.2. Phân tích thị trường và khách hàng	6	6		2		25

Chương 4: Hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông 4.1. Hoạch định chiến lược 4.2. Hoạch định kế hoạch truyền thông	6	6	2		30
Chương 5: Tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả truyền thông 5.1. Tổ chức thực hiện 5.2. Đánh giá hiệu quả truyền thông	6	6	4		30
Tổng	27	26	10		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (3)			
1	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến phần tổng quan về chiến lược và kế hoạch truyền thông, phân tích quá trình truyền thông - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được các kiến thức chung, tổng quan của học phần. - Yêu cầu: SV làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%
2	Sinh viên trình bày về một chiến lược truyền thông hiệu quả hoặc không hiệu quả trong thực tế. Rút ra các bài học kinh nghiệm. - Bài tập nhóm - Mục đích: Giúp sinh viên học hỏi thêm những kinh nghiệm về những chiến lược truyền thông trong thực tế. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Sinh viên hoạch định chiến lược và xây dựng một kế hoạch truyền thông cho một sản phẩm cụ thể. - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích thị trường, hoạch định chiến lược, kế hoạch truyền thông. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

	<p>Sinh viên xây dựng một kế hoạch truyền thông cho một sản phẩm trên nền tảng công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng công nghệ phát triển kế hoạch truyền thông - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu. 	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	<p>Sinh viên tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả truyền thông đối với một sản phẩm cụ thể. Rút ra bài học kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tế. - Yêu cầu: SV làm việc nhóm 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i>: Thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: Sinh viên xây dựng kế hoạch truyền thông cho một sản phẩm cụ thể. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: SV làm việc độc lập 	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Trương Đình Chiến (2012), *Quản trị Marketing*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Ngô Kim Thanh (2014), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Học phần 29. Sản xuất Audio và Video/Audio and video production

- Số tín chỉ: 3 (20, 20, 30)
- Mã học phần: 172061
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Thiết kế và xử lý hoạt hình (Animation)

1. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên các khái niệm, các kiến thức cơ bản về Audio và Video, các bước cơ bản trong sản xuất hậu kỳ, cách hiệu chỉnh Audio,

chỉnh sửa Video và biên tập thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Với các kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hiện biên tập âm thanh và hình ảnh, sử dụng các hiệu ứng cần thiết để chỉnh sửa các đoạn clip cá nhân, đoạn phim tư liệu, tài liệu... theo nội dung kịch bản.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về sản xuất Audio và Video.

CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về Audio và Video để hoàn thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

Kiến thức:

CLO1: Nắm được khái niệm audio và video, âm thanh tự nhiên và thính giác con người, ảnh tự nhiên và thị giác con người, quét ảnh, hệ thống audio số, hệ thống video số, các khái niệm cơ bản về biên tập, tổng quan các bước dựng phim, kết nối âm thanh và hình ảnh.

CLO2: Hiểu được các bước sản xuất hậu kỳ, khái niệm mã thời gian, dựng phim và đồ họa, sản xuất hậu kỳ audio và kỹ xảo video.

CLO3: Vận dụng được các bước hiệu chỉnh audio, thu âm, giảm tạp âm, các yêu cầu và thiết bị hiển thị video, máy thu truyền hình, các bước hiệu chỉnh video

Kỹ năng:

CLO4: Sinh viên thực hiện được kỹ năng thu âm, các bước giảm tạp âm và hiệu chỉnh audio, hiển thị và hiệu chỉnh video theo kịch bản có sẵn.

CLO5: Làm chủ được kỹ năng biên tập âm thanh và hình ảnh, hoàn thành các bước dựng phim để hoàn chỉnh sản phẩm.

Mức tự chủ và trách nhiệm:

CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, chủ động xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch công việc; chủ động trong việc học tập, nghiên cứu, khai thác các nguồn tài nguyên số và cập nhật công nghệ mới; chủ động khai thác nhu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế để hình thành năng lực thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa. Xây dựng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tác phong của một người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc được giao

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Giới thiệu về Audio và Video 1.1 . Khái niệm Audio và Video 1.2 . Âm thanh tự nhiên và thính giác con người 1.3 . Ảnh tự nhiên và thị giác con người 1.4 . Quét ảnh	3	3	0	5		15

1.5. Hệ thống Audio số						
Chương 2: Hệ thống sản xuất hậu kỳ 2.1. Các bước sản xuất hậu kỳ 2.2. Mã thời gian 2.3. Dựng 2.4. Đồ họa 2.5. Sản xuất hậu kỳ audio 2.6. Kỹ xảo video	4	4	0	5		30
Chương 3: Hiệu chỉnh Audio 3.1. Thu âm 3.2. Giảm tạp âm 3.3. Các bước hiệu chỉnh audio	5	5	0	5		35
Chương 4. Hiệu chỉnh Video 4.1. Các yêu cầu hiển thị video 4.2. Các thiết bị hiển thị video 4.3. Các hệ thống hiển thị video trong máy tính 4.4. Máy thu truyền hình 4.5. Các bước hiệu chỉnh video	5	5	0	10		35
Chương 5: Biên tập 5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Tổng quan các bước dựng 5.3. Kết nối audio và video	3	3	0	5		20
Tổng số tiết	20	20	0	30		135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần sản xuất Audio và video - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Nội dung: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học	Rubric 1	CLO1, CLO6	30%
2	Hệ thống sản xuất hậu kỳ - Báo cáo sản phẩm - Nội dung: Đánh giá kết quả học tập về Dựng, đồ họa, sản xuất hậu kỳ audio, kỹ xảo video	Rubric 2	CLO2 CLO4 CLO6	
3	Hiệu chỉnh Video - Thực hành trên máy tính - Nội dung: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ.	Rubric 3	CLO3 CLO4 CLO6	

4	Biên tập - Thực hành trên máy tính - Nội dung: Đánh giá kết quả học tập về biên tập.	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Hiệu chỉnh Audio - Thực hành trên máy tính - Nội dung: Đánh giá kết quả học tập nội dung bài học	Rubric 5	CLO3 CLO4 CLO6	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Thi thực hành trên máy tính - Nội dung: Sử dụng các kiến thức đã học để chỉnh sửa âm thanh, hình ảnh và biên tập thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Thời gian làm bài 45 phút	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Bài tập, thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Đỗ Hoàng Tiến (2002), *Audio và video số*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Trà- Thái Vĩnh Hiên (2002), *Kỹ thuật Audio và video*, NXB Giáo dục, Hà Nội

Học phần 30. Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng/Global mass media

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 06 TH)
- Mã học phần: 126006
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn xã hội học
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về toàn cầu hóa, Văn hóa truyền thông đại chúng ở một số quốc gia, Văn hóa truyền thông Việt Nam từ kênh truyền thông đại chúng, Văn hóa truyền thông đại chúng từ góc độ công chúng tiếp nhận, Văn hóa truyền thông đại chúng nhìn về tương lai, Thực hành đánh giá sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến truyền thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về toàn cầu hóa, văn hóa truyền thông trên thế giới, văn hóa truyền thông từ các kênh truyền thông.

- CO2: Phân tích văn hóa truyền thông đại chúng từ góc độ công chúng tiếp nhận và văn hóa truyền thông đại chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- CO3: Sinh viên hiểu tầm quan trọng của truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa, hình thành được ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập và sáng tạo truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa, văn hóa truyền thông trên thế giới, văn hóa truyền thông từ các kênh truyền thông đại chúng.

- CLO2: Sinh viên vận dụng các kiến thức của môn học để đánh giá, phân tích sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến văn hóa truyền thông đại chúng từ góc độ công chúng tiếp nhận và văn hóa truyền thông đại chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- CLO3: Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa, hình thành được ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập và sáng tạo truyền thông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Những vấn đề chung về toàn cầu hóa 1. Khái niệm 2. Văn hóa truyền thông đại chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa 3. Hệ thống truyền thông đại chúng Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường	2	2				10
Chương 2: Văn hóa truyền thông đại chúng ở một số quốc gia 1. Văn hóa truyền thông đại chúng Trung Quốc 2. Văn hóa truyền thông đại chúng Hàn Quốc 3. Văn hóa truyền thông đại chúng Mỹ	2	2				10
Chương 3: Văn hóa truyền thông Việt Nam từ kênh truyền thông đại chúng 1. Điều kiện hưởng thụ văn hóa truyền thông đại chúng của người dân và những vấn đề bất cập của khoảng cách công nghệ số. 2. Văn hóa đọc và nghe nhìn trong bối cảnh truyền thông kỹ thuật số 3. Hội nhập văn hóa truyền thông quốc tế và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống	4	4				16
Chương 4: Văn hóa truyền thông đại chúng từ góc độ công chúng tiếp nhận	4	6				18

1. Sự hình thành nhóm công chúng mới trong thời kỳ công nghệ số 2. Sự thay đổi về lối sống, thói quen, giao tiếp, truyền bá thông tin, tri thức... 3. Sự thay đổi trong tiêu dùng văn hóa và văn hóa tiêu dùng dưới sự ảnh hưởng của văn hóa truyền thông. 4. Ngôn ngữ thời công nghệ số						
Chương 5: Văn hóa truyền thông đại chúng nhìn về tương lai 1. Xu hướng văn hóa truyền thông đại chúng trên thế giới 2. Một số vấn đề đặt ra đối với văn hóa truyền thông đại chúng Việt Nam 3. Giải pháp phát triển báo chí truyền thông và văn hóa truyền thông đại chúng ở Việt Nam	4	4				10
Chương 6: Chương 6: Thực hành truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa	2	0		6		26
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2,	30%
2	Các câu hỏi về kiến ở nội dung văn hóa truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa - Sinh viên tự chọn một nội dung về văn hóa truyền thông (văn hóa truyền thông trên thế giới, văn hóa truyền thông ở Việt Nam...) - Mục đích: Sinh viên đánh giá được sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến mối quan hệ giữa truyền thông với công chúng. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	

3	<p>Lựa chọn một vấn đề về văn hóa truyền thông đại chúng trong tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích xu hướng phát triển của nó - Mục đích: giúp sinh viên, đánh giá được xu hướng phát triển của văn hóa truyền thông đại chúng trong tương lai trước sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề liên quan đến học phần Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng. - Mục đích: Sinh viên vận dụng được kiến thức về truyền thông đại chúng và toàn cầu hóa để phân tích, dự báo xu hướng biến đổi của văn hóa truyền thông đại chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đồng thời lượng giá được sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến công chúng tiếp nhận các loại hình truyền thông đại chúng. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân 	Rubric 4	CLO2, CLO3,	20%
III	Thi cuối kỳ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: Đánh giá về các loại hình truyền thông đại chúng và văn hóa truyền thông đại chúng trong quá trình toàn cầu hóa. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Đặng Thị Thu Hương (2016), *Văn hoá truyền thông đại chúng ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hoá*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Lê Thanh Bình (2021), *Truyền thông phát triển xã hội, văn hóa, ngoại giao văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng 4.0*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Học phần 31. Báo chí và truyền thông đa phương tiện/Journalism and multimedia

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 26 TL, 10 TH)
- Mã học phần: 126038
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: kiến thức tổng quan về báo chí và truyền thông đa phương tiện như các khái niệm, phân loại, đặc trưng, chức năng...; xu hướng phát triển của báo chí thế giới trong kỷ nguyên kỹ thuật số; ảnh hưởng xã hội của truyền thông đa phương tiện.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hoá được các khái niệm, phân loại, đặc trưng, chức năng liên quan đến báo chí, truyền thông đa phương tiện; nắm được xu hướng phát triển của báo chí thế giới trong kỷ nguyên kỹ thuật số như đặc điểm của truyền thông hội tụ, đặc điểm của nhà báo đa phương tiện, tác phẩm báo chí đa phương tiện, công chúng báo chí đa phương tiện; nắm được ảnh hưởng của truyền thông đa phương tiện đến xã hội.

- CO2: Hình thành được kỹ năng của một nhà báo đa phương tiện, thực hành làm tác phẩm/sản phẩm đa phương tiện;

- CO3: Hình thành được thái độ tích cực trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng của một nhà báo đa phương tiện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được hệ thống các kiến thức liên quan đến khái niệm, phân loại, cấu trúc, chức năng... của báo chí, truyền thông đa phương tiện và ảnh hưởng xã hội của truyền thông đa phương tiện

- CLO2: Trình bày được các đặc điểm của hội tụ truyền thông hay mô hình toà soạn hội tụ, nhà báo đa phương tiện, tác phẩm đa phương tiện, công chúng đa phương tiện

- CLO3: Có kỹ năng thực hiện tác phẩm/sản phẩm của báo chí truyền thông đa phương tiện.

- CLO4: Có ý thức rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng, không ngừng học hỏi sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm trong học tập; tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về báo chí và truyền thông đa phương tiện 1.1. Khái niệm, phân loại báo chí 1.2. Khái niệm, chức năng truyền thông đa phương tiện Khái niệm, đặc trưng báo chí đa phương tiện	5	4				35

Chương 2: Xu hướng phát triển của báo chí thế giới trong kỷ nguyên kỹ thuật số 2.1. Đặc điểm của hội tụ truyền thông hay mô hình tòa soạn hội tụ; 2.2. Các đặc điểm của nhà báo đa phương tiện 2.3. Tác phẩm báo chí đa phương tiện 2.4. Công chúng báo chí đa phương tiện	12	12	5	50
Chương 3: Truyền thông đa phương tiện và ảnh hưởng xã hội của chúng 3.1. Ảnh hưởng của xu hướng báo chí và truyền thông đa phương tiện đối với các tờ báo, các tòa soạn báo Việt Nam; 3.2. Ảnh hưởng của truyền thông xã hội đối với sự phát triển của báo chí và truyền thông hiện đại	10	10	5	50
Tổng	27	26	10	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm, trình bày trực quan, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (3)			
1	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến tổng quan về báo chí và truyền thông đa phương tiện - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được các kiến thức chung, tổng quan của học phần. - Yêu cầu: SV làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4	30%
2	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến các đặc điểm của hội tụ truyền thông hay mô hình tòa soạn hội tụ, nhà báo đa phương tiện, tác phẩm đa phương tiện, công chúng đa phương tiện - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức nằm trong nội dung của học phần - Yêu cầu: SV làm việc độc lập	Rubric 2	CL02, CLO4	
3	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến nội dung Truyền thông đa phương tiện và ảnh hưởng xã hội của chúng	Rubric 3	CLO1, CLO4	

	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức nằm trong nội dung của học phần - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 			
4	<p>Sinh viên phân tích các sản phẩm/tác phẩm báo chí truyền thông đa phương tiện cùng chủ đề trên những kênh thông tin khác nhau. Rút ra bài học kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần vào trong thực tế. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bài trình chiếu và 1 báo cáo. 	Rubric 4	CLO3, CLO4	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<p>Sinh viên thực hiện tác phẩm/sản phẩm của báo chí truyền thông đa phương tiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức của học phần vào trong thực tế, rèn luyện kỹ năng sáng tạo sản phẩm/tác phẩm của báo chí đa phương tiện. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm. 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
III Thi cuối kỳ				
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i>: Thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: Sinh viên xây dựng sản phẩm/tác phẩm báo chí đa phương tiện cùng một chủ đề với những phiên bản khác nhau cho những phương tiện truyền thông khác nhau. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

- 1) Nguyễn Thị Trường Giang (2017), *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Trần Bá Dung (2022), *Báo chí, truyền thông - Những góc tiếp cận*, NXB Thông tin và truyền thông.

Học phần 32. Ứng dụng web và mobile

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 174048
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết: Học phần thiết kế web

1. Mô tả học phần

Học phần "Ứng dụng web và mobile" cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về WordPress để xây dựng ứng dụng web sử dụng tốt trên nền tảng desktop và mobile phục vụ cho ngành truyền thông đa phương tiện. Nắm vững các thành phần của một trang web WordPress, cách thiết kế giao diện và tạo nội dung trên trang web, cũng như các kỹ thuật tối ưu hóa trang web cho mobile. Thiết kế giao diện thân thiện với mobile và sử dụng các plugin tối ưu hóa trang web cho mobile.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Lập kế hoạch để triển khai ứng dụng web bằng WordPress
- CO2: Vận dụng được WordPress để xây dựng ứng dụng web sử dụng tốt trên nền tảng desktop và mobile.
- CO3: Xây dựng phương pháp lập luận, kỹ năng giải quyết vấn đề, tìm kiếm và đọc hiểu tài liệu trong lĩnh vực ứng dụng web và mobile. Có thái độ nghiêm túc, chủ động và tính trách nhiệm trong các hoạt động nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Giải thích được các khái niệm, thành phần, công cụ WordPress.
- CLO2: Phân biệt được các loại chủ đề, cấu trúc trang và phân loại được bài viết, trang trong WordPress.
- CLO3: Áp dụng được các plugin để tối ưu hoá trang web cho mobile.
- CLO4: Sử dụng được các công cụ hỗ trợ xây dựng trang web WordPress.
- CLO5: Sử dụng WordPress để xây dựng được ứng dụng web phục vụ cho ngành truyền thông đa phương tiện.
- CLO6: Sử dụng được các Plugin của WordPress để tối ưu hoá ứng dụng web cho Mobile.
- CLO7: Tham gia làm việc theo nhóm, lập kế hoạch và viết báo cáo kỹ thuật.
- CLO8: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về các nội dung của học phần.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU WORDPRESS VÀ CÁC CÔNG CỤ CẦN THIẾT (5, 0, 5, 15) 1.1. Các khái niệm và định nghĩa	4	0	0	5	0	15

1.2. Các thành phần của một trang web WordPress 1.3. Cài đặt WordPress trên máy tính 1.4. Các công cụ hỗ trợ xây dựng trang web WordPress						
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ GIAO DIỆN TRANG WEB WORDPRESS (5, 0, 10, 30) 2.1. Lựa chọn chủ đề (theme) cho trang web 2.2. Cấu trúc và thiết kế trang chủ và các trang con 2.3. Tạo và quản lý menu trang web 2.4. Sử dụng các plugin để tăng tính năng và tối ưu trang web	4	0	0	10	0	30
CHƯƠNG 3. TẠO NỘI DUNG CHO TRANG WEB WORDPRESS (5, 0, 5, 15) 3.1. Các loại bài viết và trang trong WordPress 3.2. Cách tạo và quản lý bài viết và trang 3.3. Sử dụng hình ảnh, video và âm thanh trên trang web 3.4. Các công cụ hỗ trợ SEO để tối ưu hóa nội dung trang web	3	0	0	5	0	15
CHƯƠNG 4. TỐI ƯU HÓA TRANG WEB WORDPRESS CHO MOBILE (5, 0, 10, 30) 4.1. Thiết kế giao diện thân thiện với điện thoại di động 4.2. Sử dụng plugin tối ưu hóa trang web cho mobile 4.3. Triển khai ứng dụng WordPress	4	0	0	10	0	30
TỔNG	15			30		90

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, Thực hành, Hoạt động nhóm, Tự học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	30%
2	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 2	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8	

3	Hoạt động nhóm	Rubric 3	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
4	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 4	CLO2, CLO5, CLO7, CLO8	20%
III Thi cuối kì				
5	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 5	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Có đầy đủ các tài liệu học tập được quy định.
- Làm bài tập, thảo luận có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Brian Messenlehner, 2019, *Building Web Apps with WordPress: WordPress as an Application Framework*, 2nd Edition.

Tài liệu tham khảo

[2] Sabin-Wilson, L. (2019). *WordPress for Dummies*. Hoboken, NJ: Wiley.

Học phần 32. Ứng dụng đồ họa đa phương tiện/Graphical multimedia applications

- Số tín chỉ: 3 (25, 0, 40)
- Mã học phần: 172062
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần "**Ứng dụng đồ họa đa phương tiện**" là một môn học trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện. Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu về các kỹ thuật đồ họa đa phương tiện và các kỹ năng sử dụng các công cụ để tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như video, âm thanh, hình ảnh và đồ họa 3D. Môn học này cung cấp kiến thức về các công nghệ và kỹ thuật cần thiết để tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện chất lượng cao và hiệu quả.

Trong học phần này, sinh viên sẽ học các kỹ thuật thiết kế đồ họa đa phương tiện, bao gồm cách sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên nghiệp như Adobe Photoshop, Illustrator, Premiere, After Effects, Blender, 3DS Max, Maya, và ZBrush. Sinh viên sẽ cũng được học cách sử dụng các công cụ quản lý dự án, cách kết hợp các thành phần đa phương tiện để tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp với mục tiêu và đối tượng khách hàng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về đồ họa đa phương tiện, các định dạng tệp đa phương tiện, quy trình sản xuất đồ họa đa phương tiện

- CO2: Có khả năng phân tích được các bài toán thực tế, từ đó mô hình hóa bài toán và vận dụng kỹ thuật phù hợp để thiết kế.

- CO3: Có khả năng sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên nghiệp như Adobe Photoshop, Illustrator, Premiere, 3DS Max, tạo các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

- CO4: Hiểu được các ứng dụng thực tế của đồ họa đa phương tiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau, biết các phân tích các sản phẩm truyền thông đa phương tiện sẵn có để cải tiến.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát hóa được kiến thức cơ bản về cơ bản về đồ họa đa phương tiện, các định dạng tệp đa phương tiện, quy trình sản xuất đồ họa đa phương tiện.

- CLO2: Nắm vững các bước cơ bản của quy trình sản xuất đồ họa đa phương tiện bao gồm: Lên ý tưởng, thiết kế, sản xuất, chỉnh sửa, và xuất bản.

- CLO3: Nắm vững các kỹ thuật xử lý hình ảnh trong đồ họa đa phương tiện như: cắt, chèn, thay đổi kích thước, hiệu chỉnh màu sắc và độ sáng, tạo hiệu ứng đặc biệt và thậm chí cả việc tạo hình ảnh 3D.... bằng các phần mềm thông dụng như: Adobe Photoshop, CorelDRAW

- CLO4: Nắm vững các kỹ thuật xử lý video trong đồ họa đa phương tiện như: như cắt, ghép nối, chỉnh sửa, thêm âm thanh và hiệu ứng đặc biệt vào video.. bằng các công cụ phần mềm chuyên dụng như: Adobe Premiere, Avid Media Composer

- CLO5: Có kiến thức cơ bản về âm thanh và âm nhạc, nắm vững các kỹ thuật xử lý xử lý âm thanh và âm nhạc trong đồ họa đa phương tiện như: Thu âm nhạc, Chỉnh sửa âm thanh, Tạo âm thanh, Chỉnh sửa nhạc, Tạo nhạc

- CLO6: Nắm vững các kỹ thuật xử thiết kế đồ họa vector, tạo hiệu ứng đồ họa vector, kỹ thuật tạo hoạt hình, chuyển động đồ họa trong đồ họa đa phương tiện để tạo ra các hiệu ứng đặc biệt và hấp dẫn cho sản phẩm.

CLO7: Vận dụng triển khai các sản phẩm đồ họa đa phương tiện trong lĩnh vực thiết kế đồ họa, trò chơi, giải trí, đa phương tiện trên web, quảng cáo, v.v. trong thực tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐỒ HỌA ĐA PHƯƠNG TIỆN 1.1 Các khái niệm cơ bản về đồ họa đa phương tiện. 1.2 Các định dạng tệp đa phương tiện phổ biến. 1.3 Quy trình sản xuất đồ họa đa phương tiện.	2			0	5	
CHƯƠNG 2. XỬ LÝ HÌNH ẢNH ĐA PHƯƠNG TIỆN. 2.1 Giới thiệu về phần mềm Adobe Photoshop	5			15	40	

2.2 Các kỹ thuật xử lý hình ảnh, chỉnh sửa hình ảnh, tạo hiệu ứng hình ảnh, kỹ thuật ghép ảnh bằng Adobe Photoshop.					
CHƯƠNG 3. XỬ LÝ VIDEO ĐA PHƯƠNG TIỆN. 3.1 Giới thiệu phần mềm xử lý video trong đồ họa đa phương tiện Adobe Premiere. 3.2 Các kỹ thuật xử lý video trong đồ họa đa phương tiện bằng Adobe Premiere	5		10		30
CHƯƠNG 4. ÂM THANH VÀ ÂM NHẠC ĐA PHƯƠNG TIỆN 4.1 Kiến thức cơ bản về âm thanh và âm nhạc, 4.2 Các kỹ thuật xử lý âm thanh phổ biến. 4.3 Các kỹ thuật xử lý âm nhạc phổ biến.	5		5		25
CHƯƠNG 5. ĐỒ HỌA VECTOR VÀ ANIMATION 5.1 Giới thiệu về đồ họa vector và Animation 5.2 Các kỹ thuật thiết kế đồ họa vector và các kỹ thuật tạo hiệu ứng đồ họa vector 5.3 Các kỹ thuật tạo hoạt hình và chuyển động đồ họa	5		10		30
CHƯƠNG 6. ỨNG DỤNG ĐỒ HỌA ĐA PHƯƠNG TIỆN 6.1 Đồ họa đa phương tiện trong game. 6.2 Đồ họa đa phương tiện trên web. 6.3 Đồ họa đa phương tiện trong quảng cáo.	3		0		5
Tổng số tiết	25		40		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO7	30%
2	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO4, CLO7	
4	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7.	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Việt Hùng (2012), *Đồ họa đa phương tiện*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1] "**Multimedia: Making It Work, Ninth Edition**" của Tay Vaughan - 2014 (*Sách cung cấp một cái nhìn tổng quan về đồ họa đa phương tiện và cung cấp cho người đọc các kiến thức về việc tạo và sản xuất các sản phẩm đồ họa đa phương tiện.*)

[2] "**Adobe Illustrator CC Classroom in a Book**" của Brian Wood (2019) (*Sách hướng dẫn sử dụng Adobe Illustrator, một trong những phần mềm thiết kế đồ họa vector phổ biến nhất*)

[3] "**Multimedia Computing: Communications and Applications**" của N. J. Rao và B. Venkateswara Rao (2018) (*Sách tập trung vào các ứng dụng của đồ họa đa phương tiện, bao gồm các chủ đề như hình ảnh, âm thanh, video, mã hóa và giải mã.*)

[4]. "**Introduction to Multimedia Communications: Applications, Middleware, Networking**" của Ralf Steinmetz và Klara Nahrstedt (2010) (*Sách cung cấp một lý thuyết về đồ họa đa phương tiện, bao gồm cơ sở lý thuyết và các ứng dụng thực tiễn.*)

[5] "**Multimedia Interface Design in Education**" của Mark J. W. Lee và Catherine McLoughlin (2010) (*Sách tập trung vào việc thiết kế giao diện đồ họa đa phương tiện trong giáo dục, bao gồm các chủ đề như thiết kế giao diện, lập kế hoạch và phân tích nhu cầu người dùng*)

Học phần 34. Thiết kế và xử lý hoạt hình/Animation design and processing

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 174049
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Thiết kế và xử lý hoạt hình là môn học giúp người học có thể tự tạo cho mình một phim hoạt hình theo ý tưởng. Giúp sinh viên phát huy ý tưởng sáng tạo và sau khi ra trường có thể làm việc trong các lĩnh vực quảng cáo truyền thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về các thành phần trong phim hoạt hình
- CO2: Có khả năng phối màu chuẩn
- CO3: Có khả năng vẽ được nhân vật hoạt hình 2D trong Maya
- CO4: Có khả năng vẽ được nhân vật hoạt hình 3D trong Maya

- CO5: Có khả năng xuất phim trong Maya và cắt ghép phim trong Adobe Primire
- CO6: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khái quát hóa được kiến thức về thiết kế và xây dựng phim hoạt hình
- CLO2: Thành thạo sử dụng phần mềm thiết kế và xử lý các tình huống khi xây dựng phim hoạt hình
- CLO3: Thành thạo trong cách phối màu chuẩn
- CLO4: Thành thạo vẽ hình nhân vật 2D trong Maya
- CLO5: Thành thạo vẽ hình nhân vật 3D trong Maya
- CLO6: Xuất bản được phim trong Maya
- CLO7: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về phân tích vấn đề (thiết kế) và kỹ năng sử dụng phần mềm; vận dụng vào sản xuất ra các thước phim hoạt hình có chất lượng cao.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các khái niệm cơ bản trong phim hoạt hình <ul style="list-style-type: none"> - Phim hoạt hình 2D - Phim hoạt hình 3D - Quá trình làm phim hoạt hình - Cách trình bày và soạn thảo kịch bản phim - Các nguyên tắc phối màu cơ bản - Các bước vẽ khối cơ bản - Các bước vẽ 1 nhân vật hoạt hình 	3					10
Chương 2. Dựng phim hoạt hình <ul style="list-style-type: none"> - Các phần mềm dùng trong thiết kế hoạt hình - Giao diện của Maya 	2			5		20
Chương 3. Làm phim hoạt hình 2d với maya <ul style="list-style-type: none"> - Tạo hình nhân vật Photoshop đưa và Maya - Cách gắn xương nhân vật và làm biểu cảm - Diễn hoạt trong Maya - Ánh sáng và xuất ra phim - Cách cắt ghép và chỉnh sửa video trogn Adobe Premier 	5			10		30

Chương 4. Làm phim hoạt hình 3d với maya - Dựng hình nhân vật với Maya - Hướng dẫn Photoshop cơ bản và UV nhân vật hoạt hình - Cách gắn xương trong Maya - Diễn hoạt trong Maya - Ánh sáng và xuất ra phim - Cách cắt ghép và chỉnh sửa video trogn Adobe Premier	5		15	30
Tổng số tiết	15		30	90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1, CL02, CLO3, CLO7	30%
2	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO2, CL03, CLO4, CLO7	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 4	CLO2, CL03, CLO5, CLO7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Minh Trung – Lưu Vĩnh (2010), *Học cách làm phim hoạt hình trên máy tính*, NXB ĐH Bách khoa Hà nội.

Tài liệu tham khảo

[1] Dariush Derakhshani (2015), *Introducing Autodesk Maya 2016: Autodesk Official Press, & Sons Inc.*

[2] Jerry Beck, Ryan Ball, *Animation Art: From Pencil to Pixel. The World of Cartoon, Amime and CGI*, London: Flame Tree,

[3] Nhật Minh, Hà Thành (2015), *Tự học Adobe Photoshop CS5*, NXB Hồng Đức

Học phần 35. Mạng vạn vật/Internet of Things

- Số tín chỉ: 2 (15, 10, 20)
- Mã học phần: 172063
- Bộ môn quản lý học phần: MMT&ƯD
- Điều kiện tiên quyết: Mạng máy tính

1. Mô tả học phần

Học phần mạng vạn vật và ứng dụng cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về mạng vạn vật và các ứng dụng của mạng vạn vật bao gồm:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức các thành phần, các đặc trưng của mạng vạn vật.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức về vấn đề liên quan đến công nghệ RFID.
- Trang bị cho sinh viên các phương pháp, kỹ thuật thiết kế và xây dựng các mạng vạn vật dựa trên các nền tảng công nghệ.
- Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nền công nghiệp mạng vạn vật và các ứng dụng phục vụ phát triển thành phố thông minh.
- Trang bị kỹ năng thiết kế, xây dựng, triển khai các ứng dụng mạng vạn vật dựa trên các công nghệ hiện đại

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về mạng vạn vật.

CO2: Có khả năng vận dụng thiết kế, xây dựng, phát triển các ứng dụng mạng vạn vật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Trình bày được kiến trúc và các thành phần, đặc trưng của mạng vạn vật;

CLO2: Trình bày được các kiến thức liên quan đến công nghệ RFID và công nghệ nhận dạng;

CLO3: Trình bày và giải thích được các phương pháp, kỹ thuật thiết kế và xây dựng các mạng vạn vật và ứng dụng trong phát triển thành phố thông minh.

CLO4: Có kỹ năng thiết kế, xây dựng và phát triển các mạng vạn vật ở phạm vi vừa và nhỏ để giải quyết các vấn đề trong thực tế.

CLO5: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về mạng vạn vật 1.1. Giới thiệu 1.2. Các khái niệm 1.3. Nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông 1.4. Những đặc trưng quan trọng của Công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại 1.5. Tiềm năng phát triển sản phẩm, quy trình và mô hình kinh doanh 1.6. Cơ hội và thách thức 1.7. Tổng quan về kiến trúc mạng vạn vật 1.8. Các công nghệ liên quan 1.9. Nền tảng mạng vạn vật và các hệ điều hành	4	3	0	0		15
Chương 2: Công nghệ RFID 1.1. Giới thiệu 1.2. RFID và mạng vạn vật 1.3. Một số vấn đề cần quan tâm	2	2	0	0		15
Chương 3: Thiết kế và xây dựng mạng vạn vật 3.1. Các đặc điểm chính của nền tảng phát triển phần cứng mạng vạn vật 3.2. Thiết kế và xây dựng nguyên mẫu ứng dụng mạng vạn vật 3.3. Các dự án mẫu	4	0	3	10		30
Chương 4: Nền công nghiệp mạng vạn vật và ứng dụng cho thành phố thông minh 4.1. Giới thiệu 4.2. Tổng quan về thị trường 4.3. Tính tương thích và các công nghệ 4.4. Các ứng dụng mạng vạn vật cho các thành phố thông minh 4.5. Các ứng dụng cụ thể 4.6. Công nghệ nền tảng cho các ứng dụng mạng vạn vật trong thành phố thông minh 4.7. Các thách thức và hướng nghiên cứu trong tương lai	5		2	10		30

Tổng số tiết	15	10	0	20	90
---------------------	-----------	-----------	----------	-----------	-----------

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	- Nội dung: Hiểu biết về mạng vận vật - Hình thức: Viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	- Nội dung: Thiết kế, xây dựng, cài đặt mạng vận vật. - Hình thức: Thực hành	Rubric 2	CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Nội dung: Hiểu biết về mạng vận vật - Hình thức: Viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Vấn đáp - Thời gian làm bài 45 phút	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Bài tập, thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Vương Đạo Vy (2015), *Mạng cảm biến không dây*, NXB ĐHQG Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Qusay F. Hassan (2018), *Internet of things A to Z: Technologies and applications*, Wiley

Học phần 36. Tổ chức và an toàn thông tin/Information Systems Security

- Số tín chỉ: 3 (25, 40, 0)
- Mã học phần: 173101
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần trình bày các vấn đề về tổ chức và an toàn bảo mật thông tin cho các hệ thống, bao gồm các phương pháp chính hiện nay để giải quyết các vấn đề đó. Cụ thể học phần giới thiệu về vấn đề toàn vẹn dữ liệu với kỹ thuật chữ ký điện tử, phương pháp tổ chức và đảm bảo an toàn dữ liệu hiện nay với kỹ thuật mã hóa và công nghệ Blockchain.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về an toàn bảo mật thông tin cho một hệ thống thông tin.

- CO2: Hiểu, giải thích được kỹ thuật chữ ký điện tử và ứng dụng; hiểu, giải thích được kỹ thuật mã hóa và ứng dụng; hiểu giải thích được công nghệ Blockchain và ứng dụng.

- CO3: Vận dụng các kiến thức đã học ở trên để phục vụ thiết kế một hệ thống thông tin cụ thể đảm bảo an toàn trong thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về vấn đề an toàn và bảo mật thông tin của một hệ thống.

- CLO2: Hiểu, giải thích được phương pháp đảm bảo toàn vẹn dữ liệu dùng kỹ thuật chữ ký điện tử.

- CLO3: Hiểu, giải thích được hệ chữ ký điện tử RSA và DSS.

- CLO4: Hiểu, giải thích được phương pháp tổ chức và đảm bảo an toàn dữ liệu dùng kỹ thuật mã hóa.

- CLO5: Hiểu, giải thích được hệ mã hóa khóa bí mật A5/1 và hệ mã hóa khóa công khai RSA.

- CLO6: Hiểu, giải thích được phương pháp tổ chức và đảm bảo an toàn dữ liệu dùng công nghệ Blockchain.

- CLO7: Hiểu, giải thích được công nghệ Blockchain và một số ứng dụng hiện nay dựa trên công nghệ này.

- CLO8: Vận dụng được các kiến thức về chữ ký điện tử, mã hóa, công nghệ Blockchain để thiết kế một hệ thống thông tin cụ thể đảm bảo an toàn trong thực tế.

- CLO9: Triển khai sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình lôi cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.

- CLO10: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về các nội dung của học phần Tổ chức và an toàn thông tin.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu về tổ chức và an toàn thông tin - Giới thiệu chung - Các bài toán về an toàn và bảo mật thông tin - Các phương pháp hiện nay để giải quyết các bài toán về an toàn bảo mật thông tin	3	4				15
Chương 2: Chữ ký điện tử và vấn đề toàn vẹn dữ liệu - Giới thiệu chung về chữ ký điện tử và ứng dụng - Hệ chữ ký điện tử RSA - Hệ chữ ký điện tử DSS	7	12				40

Chương 2: Tổ chức và đảm bảo an toàn dữ liệu với kỹ thuật mã hóa - Các phương pháp tổ chức, đảm bảo an toàn dữ liệu - Giới thiệu chung về mã hóa và ứng dụng - Hệ mật mã khóa đối xứng - Hệ mật mã khóa công khai	7	12				40
Chương 4: Tổ chức và đảm bảo an toàn dữ liệu với công nghệ Blockchain - Các phương pháp tổ chức, đảm bảo an toàn dữ liệu - Giới thiệu chung về công nghệ Blockchain - Giao thức đồng thuận dựa trên bằng chứng công việc - Giao thức đồng thuận dựa trên bằng chứng cổ phần - Một số ứng dụng phổ biến dựa trên công nghệ Blockchain	8	12				40
Tổng số tiết	25	40				135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO9, CLO10	30%
2	Kiểm tra viết	Rubric 2	CLO1, CLO4, CLO5, CLO9, CLO10	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO6, CLO7, CLO9, CLO10	
4	Thuyết trình (Bài tập lớn)	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO9, CLO10	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.

- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Phan Đình Diệu (2002). *Lý thuyết mật mã và An toàn thông tin*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. *Blockchain: Bản Chất Của Blockchain, Bitcoin, Tiền Điện Tử, Hợp Đồng Thông Minh Và Tương Lai Của Tiền Tệ*. NXB Lao Động, Dịch Giả Thành Dương, 2017

[3]. William Stallings (2005). *Cryptography and Network Security Principles and Practices*, Fourth Edition. Prentice Hall.

[4]. Imran Bashir (2018). *Mastering Blockchain*. Second Edition, Packt.

Học phần 37. Hệ thống quản trị nội dung/Content management system

- Số tín chỉ: 3 (20, 10, 40)
- Mã học phần: 172064
- Bộ môn quản lý học phần: MMT&UD
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần Hệ thống quản trị nội dung cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý website, bao gồm:

- Các khái niệm, định nghĩa trang web, cách xây dựng bảo trì và duy trì một trang web như thế nào. Giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về việc quản lý một trang báo mạng cần phải làm những gì.

- Giúp sinh viên củng cố và nâng cao năng lực về công nghệ thông tin đã được hình thành, phát triển ở giai đoạn giáo dục phổ thông, đồng thời cung cấp cho sinh viên tri thức mang tính ứng dụng quản trị nội dung.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản Website, cách thực xây dựng, quản lý, bảo trì và xây dựng nội dung cho trang thông tin điện tử; củng cố và phát triển hơn nữa cho sinh viên tư duy giải quyết vấn đề.

- Giúp sinh viên có khả năng hòa nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng trang web để tự xây dựng một trang thông tin các nhân riêng cho mình.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Hệ thống quản trị nội dung.

CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về hệ thống quản trị nội dung.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Trình bày khái niệm liên quan về hệ thống CMS, cách tạo ra hệ thống CMS.

CLO2: Hệ thống quản trị nội dung: cập nhật tin bài, quản lý phản hồi, thiết kế giao diện, ảnh, video, quản trị người dùng, bảo mật website, và các chính sách để quản lý một trang web hiệu quả;

CLO3: Thiết lập quản lý và bảo trì, và phát triển trang Web;

CLO4: Hệ thống quản trị nội dung cũng như các kiến thức ngành liên quan để quản lý duy trì, xây dựng nội dung cho hệ thống CMS;

CLO5: Tự động thiết lập quản trị hệ thống nội dung, đồng thời biết cách quản lý mọi người cùng quản trị cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về Website 1.1. Khái niệm về Website 1.2. Hoạt động của website 1.3. Phân loại website 1.4. Cấu trúc của một trang web	4	3	0	0		25
Chương 2: Tổng quan về hệ thống CMS 2.1. Tổng quan về các trang CMS 2.2. Trang quản trị CMS 2.3. Trang giao diện CMS	3	0	4	0		30
Chương 3: Xây dựng và bảo trì Website 3.1. Các điều kiện xây dựng website 3.2 Xây dựng website 3.3 Bảo trì bảo dưỡng và duy trì hệ thống.	5	0	4	15		30
Chương 4: Hệ thống quản trị nội dung 4.1 Quản trị giao diện 4.2 Quản trị người dùng 4.3 Quản trị tin bài 4.4 Quản trị Content Area 4.5 Quản trị khác trong hệ thống CMS	8	0	0	25		50
Tổng số tiết	20	10	0	40		135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về các khái niệm, cách thiết lập website học phần quản trị CMS - Thi viết trên giấy - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học	Rubric 1	CLO1, CLO3, CLO5	30%

	- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Quản trị CMS - Thi viết trên giấy - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
3	Thực hành thiết lập website - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập tạo ra website - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO3, CLO5	
4	Thực hành quản trị CMS - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Kiểm tra viết các kiến thức về website và quản trị CMS. - Mục đích: Đánh giá hiểu biết của sinh viên về quản trị CMS - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thực hành - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Bài tập, thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Joomla™ Programming 2012, Mark Dexter Louis Landry

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Professional DotNetNuke®5 OpenSource Web Application Framework for ASP.NET 2008 Shaun Walker Brian Scarbeau Darrell Hardy Stan Schultes Ryan Morgan

2. Trịnh Anh Toàn (2001), *Thiết kế trang Web ấn tượng và hiệu quả*, NXB Trẻ

Học phần 38. Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện /Graphic Design for Communication and event

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 172065
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để thiết kế các nội dung đồ họa cho các phương tiện truyền thông đa phương tiện, bao gồm trang web, ứng dụng di động, phim và video, quảng cáo, báo chí, tạp chí, sách và nhiều hơn nữa.

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của thiết kế đồ họa như bố cục, màu sắc, phong chữ, hình ảnh và biểu đồ. Sinh viên cũng sẽ được đào tạo về cách sử dụng các công cụ thiết kế đồ họa như Adobe Photoshop, Illustrator và InDesign để tạo ra các thiết kế chuyên nghiệp.

Trong học phần này sinh viên sẽ được học cách tích hợp thiết kế đồ họa vào các phương tiện truyền thông đa phương tiện, bao gồm cách tối ưu hóa thiết kế cho các trang web và ứng dụng di động, cách tạo phim và video chất lượng cao và cách tích hợp đồ họa vào các nội dung truyền thông khác.

Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và tư duy sáng tạo, đồng thời họ cũng sẽ được khuyến khích thực hiện các dự án thiết kế đồ họa truyền thông thực tế để áp dụng các kiến thức và kỹ năng của mình vào thực tế.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Khái quát hóa và phân loại các yếu tố cơ bản trong thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện (bao gồm bố cục, màu sắc, phong chữ và hình ảnh...), có kỹ năng sử dụng các công cụ thiết kế đồ họa (như Adobe Photoshop, Illustrator và InDesign...) để tạo ra các thiết kế chuyên nghiệp.

CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về thiết kế đồ họa, tích hợp thiết kế đồ họa vào các phương tiện truyền thông đa phương tiện, (bao gồm trang web, ứng dụng di động, phim và video, quảng cáo, báo chí, tạp chí và sách...), phân tích và đánh giá sản phẩm đồ họa trong thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện để tạo ra trải nghiệm truyền thông tốt nhất cho người dùng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Hiểu được các yếu tố cơ bản của thiết kế đồ họa như bố cục, màu sắc, phong chữ, hình ảnh và biểu đồ.

CLO2: Áp dụng kiến thức và kỹ năng thiết kế đồ họa để tạo ra các tài liệu truyền thông cho sự kiện, bao gồm hộp thư mời, bảng hiệu, banner, poster, giấy mời, v.v.

CLO3: Sử dụng các công cụ thiết kế đồ họa như Adobe Photoshop, Illustrator, CorelDRAW để tạo ra các thiết kế chuyên nghiệp cho sự kiện.

CLO4: Tối ưu hóa thiết kế đồ họa cho sự kiện bằng cách áp dụng các kỹ thuật truyền thông hiệu quả như quảng cáo, marketing, branding và khuyến mãi.

CLO5: Phát triển kỹ năng giao tiếp và tư duy sáng tạo để áp dụng kiến thức và kỹ năng thiết kế đồ họa vào các dự án thực tế.

CLO6: Đánh giá và cải thiện các thiết kế đồ họa theo phản hồi của khách hàng hoặc người sử dụng.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN. - Giới thiệu về thiết kế đồ họa và các yếu tố cơ bản như bố cục, màu sắc, phong chữ, hình ảnh, biểu đồ. - Các nguyên tắc thiết kế đồ họa truyền thông - Các phương pháp, kỹ thuật thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện.	5			0	10	
CHƯƠNG 2. PHẦN MỀM VÀ CÔNG CỤ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN. - Giới thiệu về phần mềm CorelDRAW - Các kỹ thuật cơ bản của CorelDRAW.	5			15	40	
CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO CÁC NỀN TẢNG TRUYỀN THÔNG. - Đồ họa cho trang web, đồ họa cho mạng xã hội. - Đồ họa cho video. - Đồ họa cho báo chí. - Đồ họa cho sản phẩm in.	2			15	34	
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐỒ HỌA. - Các phương pháp Phân tích mục tiêu của sản phẩm đồ họa. - Các tiêu chí đánh giá sản phẩm đồ họa (<i>Chất lượng hình ảnh, Tính sáng tạo, Tính đồng nhất, Tính tương tác, Tính thẩm mỹ</i>)	3			0	6	
Tổng số tiết	15			30	90	

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			

1	Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO6	30%
2	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	20%
III Thi cuối kỳ				
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Việt Hùng (2011), "*Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện*" - NXB Thông tin và Truyền thông

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Lê Thanh Hải (2017) "*Thiết kế đồ họa truyền thông đa phương tiện*" NXB Giáo dục Việt Nam

[3]. CorelDRAW X7 (*The Official Guide (PDF): Sách hướng dẫn sử dụng CorelDRAW X7, cung cấp hướng dẫn từ cơ bản đến nâng cao*)

[4] "Thinking with Type" của Ellen Lupton: Sách tập trung vào học cách sử dụng font chữ trong thiết kế đồ họa.

[5] "The Principles of Beautiful Web Design" của Jason Beard: Sách hướng dẫn về thiết kế đồ họa trên nền tảng web.

[6] "The Elements of Graphic Design" của Alex W. White: Sách tập trung vào các nguyên tắc cơ bản của thiết kế đồ họa.

[7] "Designing for Interaction" của Dan Saffer: Sách giúp hiểu được cách thiết kế đồ họa để tương tác với người dùng.

Học phần 39.A. Cơ sở dữ liệu đa phương tiện/ Multimedia database

- Số tín chỉ: 3 (25, 20, 20)
- Mã học phần: 173102
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Môn học này trang bị cho người học các khái niệm tổng quan về đa phương tiện. Có thể vận dụng các quy trình để thiết kế, cài đặt một cơ sở dữ liệu đa phương tiện. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong các dự án về xây dựng ứng dụng đa phương tiện, cũng như có ý thức và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ CSDL đa phương tiện.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu các khái niệm tổng quan về đa phương tiện.

- CO2: Có khả năng phân tích được các bài toán thực tế, từ đó mô hình hóa bài toán và vận dụng các quy trình để thiết kế, cài đặt một cơ sở dữ liệu đa phương tiện.
- CO3: Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong các dự án về xây dựng ứng dụng đa phương tiện.
- CO4: Có ý thức và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ CSDL đa phương tiện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Ứng dụng được cấu trúc dữ liệu đa chiều để thiết kế CSDL
- CLO2: Thành thạo trong phân tích cơ sở dữ liệu đa phương tiện, cài đặt và truy vấn.
- CLO3: Có kỹ năng cài đặt cấu trúc dữ liệu đa chiều, kỹ năng thiết kế cài đặt một cơ sở dữ liệu đa phương tiện.
- CLO4: Thành thạo kỹ năng viết câu lệnh SQL, SQL mở rộng.
- CLO5: Có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình và bảo vệ sản phẩm trước tập thể về một ứng dụng dữ liệu đa phương tiện.
- CLO6: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết về cơ sở dữ liệu đa phương tiện, áp dụng vào những tình huống cần thiết.
- CLO7: Có ý thức và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ CSDL đa phương tiện.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Mở đầu 1.1. Tổng quan về đa phương tiện 1.2. Cơ sở dữ liệu đa phương tiện 1.3. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu đa phương tiện 1.4. Các vấn đề về đa phương tiện	3	2				10
Chương 2. Cấu trúc dữ liệu đa chiều 2.1. Cấu trúc dữ liệu đa chiều 2.2. Cây k chiều 2.3. Cây tứ phân Point 2.4. Cây tứ phân MX 2.5. Cây R	5	4		5		25
Chương 3. Cơ sở dữ liệu ảnh 3.1. Ảnh 3.2. Cơ sở dữ liệu ảnh 3.3. Sự phân đoạn 3.4. Tìm ảnh theo sự giống nhau 3.5. Biểu diễn cơ sở dữ liệu ảnh bằng quan hệ	4	3		4		24

3.6. Biểu diễn cơ sở dữ liệu ảnh bằng cây R					
Chương 4. Cơ sở dữ liệu văn bản 4.1. Cơ sở dữ liệu văn bản 4.2. Lập chỉ mục theo ngữ nghĩa 4.3. Phân tích giá trị suy biến 4.4. Tầm quan trọng của một từ	4	3	4		23
Chương 5. Cơ sở dữ liệu video 5.1. Mở đầu 5.2. Nội dung video 5.3. Truy vấn dữ liệu video 5.4. Lập chỉ mục nội dung video 5.5. Cây RS 5.6. Phân đoạn video 5.7. Các chuẩn video	4	3	4		23
Chương 6. Cơ sở dữ liệu audio 6.1. Mở đầu 6.2. Nội dung audio dựa trên tín hiệu 6.3. Phân đoạn 6.4. Trích lọc đặc trưng 6.5. Thu nội dung audio bằng phép biến đổi rời rạc 6.6. Lập chỉ mục dữ liệu audio	3	3	3		20
Chương 7. Kiến trúc cơ sở dữ liệu đa phương tiện 7.1. Kiến trúc cơ sở dữ liệu đa phương tiện 7.2. Tổ chức dữ liệu đa phương tiện theo nguyên tắc thống nhất 7.3. Truy vấn dữ liệu đa phương tiện có cấu trúc theo nguyên tắc thống nhất	2	2			10
Tổng số tiết	25	20	20		135

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1- CLO4	30%
2	Kiểm tra viết	Rubric 2	CLO1- CLO4	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO1- CLO4	
4	Thuyết trình (Bài tập lớn)	Rubric 4	CLO1- CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 5	CLO1- CLO6	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			

	Kiểm tra viết	Rubric 6	CLO1- CLO7	50%
--	---------------	----------	------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Thị Ngọc Diễm (2015). *Giáo trình hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện*. NXB Đại học Cần Thơ

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Trung Tuấn (2016). *Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện*. NXB Học viện Bưu chính viễn thông

Học phần 39.B . Khai phá dữ liệu đa phương tiện/ Multimedia data mining

- Số tín chỉ: 3 (25, 40, 0)
- Mã học phần: 174009
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng trong phân loại, đánh giá các hệ thống khai phá dữ liệu. Học phần trang bị các kỹ thuật tính toán mới và thông dụng nhất để phân loại, trích lọc, đánh giá các thông tin trong quá trình hỗ trợ ra quyết định cho các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế... Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học các xu hướng ứng dụng của khai phá dữ liệu.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của khai phá dữ liệu.

CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về khai phá dữ liệu vào các bài toán thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu, các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng. Nắm được các các giai đoạn chính của quá trình khai phá dữ liệu.

CLO2: Nắm được các bài toán chính trong khai phá dữ liệu như phân lớp, phân cụm, hồi quy, chuỗi thời gian, luật kết hợp... cũng như hiểu được ý nghĩa và ứng dụng của các bài toán trong khai thác dữ liệu đối với các vấn đề thực tế.

CLO3: Thực hiện thành thạo các thuật toán trong khai phá dữ liệu, như các thuật toán tìm luật kết hợp, các thuật toán phân lớp, gom cụm ...

CLO4: Vận dụng được một số vấn đề và các cách tiếp cận trong khai thác dữ liệu.

CLO5: Từng bước hoàn thiện kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm. Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về khai phá dữ liệu 1.1. Tại sao cần khai phá dữ liệu 1.2. Khai phá dữ liệu là gì? 1.3. Quy trình khám phá tri thức 1.4. Các nhiệm vụ chính của khai phá dữ liệu 1.5. Các kỹ thuật khai phá dữ liệu 1.6. Các lĩnh vực ứng dụng của khai phá dữ liệu	2	3	0	0		15
Chương 2: Tiền xử lý dữ liệu 2.1. Tại sao phải tiền xử lý dữ liệu 2.2. Làm sạch dữ liệu 2.3. Tích hợp dữ liệu 2.4. Biến đổi dữ liệu 2.5. Giảm bớt / rút gọn dữ liệu	3	1	2	0		15
Chương 3: Khai phá luật kết hợp 3.1. Các định nghĩa cơ bản 3.2. Giới thiệu bài toán khai thác tập phổ biến và luật kết hợp 3.3. Khai thác tập phổ biến và luật kết hợp 3.4. Độ đo tính lý thú của luật kết hợp 3.5. Các trường hợp ứng dụng	6	4	6	0		30
Chương 4: Phân lớp dữ liệu 4.1. Giới thiệu 4.2. Phân lớp dựa trên cây quyết định 4.3. Phân lớp Bayes 4.4. Phân lớp nhờ mạng nơron 4.5. Tiếp cận thuật giải di truyền cho bài toán phân lớp	6	4	6	0		30
Chương 5: Phân cụm dữ liệu 5.1. Khái niệm và mục tiêu của phân cụm dữ liệu 5.2. Những kỹ thuật phân cụm dữ liệu 5.3. Một số thuật toán phân cụm dữ liệu	6	4	6	0		30
Chương 6: Một số ứng dụng của khai phá dữ liệu	2	4	0	0		15

6.1. Giới thiệu					
6.2. Một số ứng dụng cơ bản					
6.3. Semina về các ứng dụng cơ bản					
Tổng số tiết	25	20	20	0	135

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	- Nội dung: Tổng quan về khai phá dữ liệu và tiền xử lý dữ liệu - Hình thức: Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1	30%
2	- Nội dung: Phân lớp - Hình thức: Viết	Rubric 2	CLO2, CLO3, CLO5	
3	- Nội dung: Góm cụm - Hình thức: Viết	Rubric 3	CLO2, CLO3, CLO5	
4	- Nội dung: Một số ứng dụng của khai phá dữ liệu - Hình thức: Thuyết trình	Rubric 4	CLO2, CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Nội dung: Luật kết hợp - Hình thức: Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Viết	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Bài tập có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Hà Nam, Nguyễn Trí Thành, Hà Quang Thụy (2013), *Giáo trình khai phá dữ liệu*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Đức Thuận (2013), *Nhập môn phát hiện tri thức và khai phá dữ liệu*, NXB Thông tin và Truyền thông.

Học phần 40.a. Kịch bản truyền thông/Media script

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126039
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Kịch bản truyền thông gồm: tổng quan về kịch bản, truyền thông, kịch bản truyền thông; khái niệm, các lý thuyết tiếp cận, tâm lý của công chúng truyền thông; khái niệm, quá trình phát triển, cách xây dựng một số loại kịch bản truyền thông tiêu biểu như kịch bản phim điện ảnh, truyền hình, kịch bản phim hoạt hình, kịch bản chương trình trò chơi (game)...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hoá được các khái niệm, chức năng, phân loại của kịch bản, truyền thông và kịch bản truyền thông; khái niệm, các lý thuyết tiếp cận, tâm lý của công chúng truyền thông; những kiến thức liên quan đến khái niệm, quá trình phát triển, cách xây dựng một số loại kịch bản truyền thông tiêu biểu như kịch bản phim điện ảnh, truyền hình, kịch bản phim hoạt hình, kịch bản chương trình trò chơi (game)..;

- CO2: Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá, thưởng thức các kịch bản tốt; kỹ năng, kỹ thuật viết kịch bản phim điện ảnh, truyền hình, kịch bản phim hoạt hình, kịch bản chương trình trò chơi (game)...; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thu thập thông tin và làm việc nhóm;

- CO3: Hình thành được thái độ tích cực, chủ động trong học tập, làm việc nhóm; có ý thức rèn luyện và trau dồi, không ngừng sáng tạo trong lĩnh vực viết kịch bản truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được hệ thống các kiến thức liên quan đến kịch bản, truyền thông, kịch bản truyền thông, công chúng truyền thông như khái niệm, phân loại, chức năng, cách tiếp cận...; nhận biết, mô tả được các mẫu kịch bản truyền thông cơ bản.

- CLO2: Có kỹ năng viết kịch bản cho từng loại tác phẩm truyền thông; có khả năng phân tích, đánh giá, thưởng thức một kịch bản tốt.

- CLO3: Có ý thức rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng, không ngừng học hỏi sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm trong học tập; tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về kịch bản, truyền thông, kịch bản truyền thông 1.1. Khái niệm và chức năng của kịch bản 1.2. Khái niệm và phân loại truyền thông 1.3. Kịch bản truyền thông	3	0				10
Chương 2: Công chúng truyền thông	2	0				10

2.1. Khái quát về công chúng truyền thông 2.2. Các thuyết tiếp cận công chúng 2.3. Tâm lý công chúng truyền thông					
Chương 3: Kịch bản phim điện ảnh, truyền hình 3.1. Khái quát về phim điện ảnh, truyền hình 3.2. Xây dựng kịch bản phim điện ảnh, truyền hình 3.2.1. Quy trình viết kịch bản phim 3.2.2. Các yếu tố tự sự 3.2.3. Xây dựng nhân vật 3.2.4. Phát triển cấu trúc 3.2.5. Tạo cảnh 3.2.6. Bố cục kịch bản, ngôn ngữ, hình ảnh 3.2.7. Các mô hình kịch bản 3.2.8. Các thể loại phim truyền hình	7	6	2		30
Chương 4: Kịch bản phim hoạt hình 4.1. Khái quát về phim hoạt hình 4.2. Xây dựng kịch bản phim hoạt hình	3	6	2		20
Chương 5: Kịch bản chương trình trò chơi (game) 5.1. Các thể loại trò chơi thường gặp 5.2. Xây dựng kịch bản trò chơi	3	6	2		20
Tổng	18	18	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm, trình bày trực quan, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (3)			
1	Các câu hỏi kiến thức liên quan đến phần tổng quan về kịch bản, truyền thông, kịch bản truyền thông; công chúng truyền thông - Bài tập cá nhân - Mục đích: Giúp sinh viên nắm được các kiến thức chung, tổng quan của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%
2	Phân tích kịch bản của một bộ phim điện ảnh, truyền hình.	Rubric 2	CLO1,	

	- Bài tập nhóm - Mục đích: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, xây dựng kịch bản phim điện ảnh, truyền hình. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.		CL02, CLO3	
3	Phân tích kịch bản của một bộ phim hoạt hình. - Bài tập nhóm - Mục đích: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, xây dựng kịch bản phim hoạt hình. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 3	CLO1, CL02, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Phân tích kịch bản của một bộ chương trình trò chơi. - Mục đích: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, xây dựng kịch bản chương trình trò chơi. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : Sinh viên xây dựng kịch bản cho một vở kịch, phim hoạt hình, trò chơi ngắn. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng (2018), *Truyền thông: Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, NXB Thông tin và Truyền thông.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Lê Chí Linh (2021), *Hành trình kịch bản triệu view- Kiến tạo thương hiệu bạc tỷ*, NXB Dân trí.

2) Nguyễn Quang Lập (2022), *Đề trở thành nhà biên kịch phim truyện*, NXB Thế giới.

Học phần 40.B. Ngôn ngữ truyền thông/Media languages

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 06 TH)
- Mã học phần: 126040
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần gồm: Cơ sở ngôn ngữ của truyền thông; đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông; một số cơ sở lý thuyết ngôn ngữ áp dụng đối với sản phẩm truyền thông (sáng tạo, phân tích, đánh giá); ngôn ngữ với thương hiệu; ngôn ngữ với truyền thông xã hội; ngôn ngữ quảng cáo; thực hành ngôn ngữ trong truyền thông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hoá được những khía cạnh về khái niệm truyền thông và bản chất, mối quan hệ của ngôn ngữ truyền thông, đặc điểm ngôn ngữ truyền thông; vai trò của ngôn ngữ trong việc sáng tạo và phát triển các sản phẩm truyền thông.

- CO2: Hình thành kỹ năng phân tích, xây dựng, đánh giá thông điệp truyền thông trong từng vấn đề cụ thể, vận dụng kiến thức ngôn ngữ trong việc lựa chọn thông điệp truyền thông.

- CO3: Xác lập được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của ngôn ngữ truyền thông đối với từng đối tượng, phương tiện truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được khái niệm, bản chất mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông; đặc điểm ngôn ngữ truyền thông, vai trò của ngôn ngữ trong việc sáng tạo và phát triển sản phẩm truyền thông.

- CLO2: Biết nhận diện các phạm trù mang tính lý luận trong phạm trù ngôn ngữ truyền thông, vận dụng các kiến thức lý luận về ngôn ngữ truyền thông để phân tích, đánh giá thông điệp truyền thông cụ thể trong đời sống xã hội.

- CLO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của ngôn ngữ với truyền thông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Cơ sở ngôn ngữ của truyền thông 1.1. Khái niệm ngôn ngữ, truyền thông, ngôn ngữ truyền thông 1.2. Tín hiệu của ngôn ngữ truyền thông 1.3. Các cơ sở của ngôn ngữ truyền thông	4	2				10
Chương 2: Đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông	2	4				10

2.1. Tính chính xác						
2.2. Tính cụ thể						
2.3. Tính đại chúng						
2.4. Tính ngắn gọn						
2.5. Tính định lượng						
2.6. Tính bình giá						
2.7. Tính biểu cảm						
2.8. Tính khuôn mẫu						
Chương 3: Một số cơ sở lí thuyết ngôn ngữ áp dụng đối với sản phẩm truyền thông (sáng tạo, phân tích, đánh giá)						
3.1. Áp dụng trong quá trình sáng tạo ngôn ngữ truyền thông	4	4				14
3.2. Áp dụng trong quá trình phân tích, đánh giá.						
Chương 4: Ngôn ngữ với thương hiệu						
4.1. Ngôn ngữ thương hiệu là gì?						
4.2. Vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo dựng thương hiệu	2	2				10
4.3. Một số ví dụ điển hình						
Chương 5: Ngôn ngữ với truyền thông xã hội						
5.1. Khái niệm truyền thông xã hội						
5.2. Vai trò của ngôn ngữ đối với truyền thông xã hội	3	3				10
5.3. Một số ví dụ điển hình						
Chương 6: Ngôn ngữ quảng cáo						
6.1. Ngôn ngữ quảng cáo là gì?						
6.2. Vai trò của ngôn ngữ trong quảng cáo	3	3				10
6.3. Một số ví dụ điển hình						
Chương 7: Thực hành ngôn ngữ trong truyền thông	0	0		6		26
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi về nội dung chương 1, 2: Cơ sở ngôn ngữ của truyền thông; Đặc điểm của ngôn ngữ truyền thông. - Bài tập cá nhân.	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%

	- Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Các câu hỏi về nội dung chương 3: Một số cơ sở lý thuyết ngôn ngữ áp dụng đối với sản phẩm truyền thông (sáng tạo, phân tích, đánh giá) - Xây dựng một chương trình truyền thông về chủ đề đã chọn - Bài tập cá nhân. - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	Các câu hỏi về nội dung chương 4: Ngôn ngữ với thương hiệu. - Bài tập cá nhân. - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Các câu hỏi về nội dung chương 5, 6: Ngôn ngữ với truyền thông xã hội; Ngôn ngữ với quảng cáo. - Bài tập cá nhân. - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi trắc nghiệm. + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng các thông điệp truyền thông. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Nguyễn Trọng Báu (2018), *Biên tập ngôn ngữ sách và báo chí*, NXB thông tin và truyền thông.

Giáo trình/Tài liệu tham khảo:

1) Đinh Kiều Châu (2016), *Ngôn ngữ truyền thông và tiếp thị*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2) Claudia Mast (2001), *Truyền thông đại chúng - Những kiến thức cơ bản*, NXB Thông tấn.

Học phần 41.A. Biên tập văn bản báo chí/ Press release editor

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 126041
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn truyền thông đa phương tiện; Cơ sở lý luận truyền thông báo chí

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những kiến thức lý luận chung về biên tập văn bản báo chí; phương pháp biên tập và các thao tác biên tập các văn bản báo chí; Phân tích mối liên hệ giữa biên tập viên với các bộ phận khác nhau trong tòa soạn. Người học có thể phân tích, phát triển, sửa chữa các bản thảo, nắm được tầm quan trọng, khả năng tác động của công tác biên tập đối với sự phát triển của báo chí; hình thành kỹ năng đọc và phân tích các tác phẩm báo chí một cách có ý thức với tư cách của một biên tập viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có năng lực nhận diện, phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn chung của biên tập văn bản báo chí, các thao tác biên tập cụ thể trên các văn bản báo chí;

- CO2: Sinh viên vận dụng, phân tích, đánh giá được khối lượng kiến thức về phương pháp biên tập, các thao tác biên tập trên từng loại văn bản báo chí. Từ đó có thể thực hiện tốt công tác phân tích, phát triển, sửa chữa các bản thảo thuộc các loại báo chí.

- CO3: Sinh viên hiểu và vận dụng hiệu quả kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử xã hội, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc tích cực, chủ động sáng tạo; Sinh viên nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên vận dụng, phân tích, đánh giá được khối lượng kiến thức lý luận và thực tiễn; phương pháp biên tập và các thao tác biên tập cụ thể trên các văn bản báo chí;

- CLO2: Phân tích và đánh giá đặc điểm ngôn ngữ của các loại hình văn bản báo chí;

- CLO3: Biên tập, xử lý cơ bản các bản thảo thuộc các loại hình báo chí truyền thông (văn bản báo in, ảnh báo chí, báo ảnh và báo mạng)

- CLO4: Hiểu phân tích và vận dụng hiệu quả kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử xã hội, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc hợp tác tích cực, chủ động và sáng tạo.

- CLO5: Có nhận thức đúng đắn và nghiêm túc về hoạt động biên tập báo chí và nghề báo.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	
----------	---------------------------	--

	Giờ lên lớp				Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về biên tập báo chí 1. Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của biên tập và đặc trưng của công tác biên tập báo chí 2. Vị trí, vai trò của công tác biên tập báo chí 3. Các tiêu chí và nguyên tắc biên tập báo chí	2					10
Chương 2: Biên tập văn bản báo in 1. Đặc điểm các loại báo in 2. Đặc trưng ngôn ngữ, công tác biên tập văn bản và ảnh báo in 3. Các tiêu chí và nguyên tắc biên tập văn bản báo in	4	6				20
Chương 3: Biên tập văn bản báo phát thanh 1. Đặc điểm, các loại hình báo phát thanh 2. Đặc trưng ngôn ngữ văn bản báo phát thanh 3. Xây dựng chương trình báo phát thanh	4	4		2		20
Chương 4: Biên tập văn bản báo truyền hình 1. Đặc điểm, các loại hình báo truyền hình 2. Đặc trưng ngôn ngữ văn bản báo truyền hình 3. Phương pháp biên tập các tác phẩm, chương trình truyền hình	4	4		2		20
Chương 5: Biên tập báo điện tử 1. Đặc điểm, các loại hình báo điện tử 2. Đặc trưng ngôn ngữ văn bản báo điện tử 3. Thiết kế, trình bày báo điện tử	4	6		2		20
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy – học

- Diễn giảng kết hợp các hình thức trình chiếu hình ảnh và video
- Thuyết trình, đối thoại, làm bài tập trên lớp

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần biên tập văn bản báo chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung về các loại hình biên tập văn bản báo chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự lựa chọn một loại hình và tập biên tập văn bản: báo in, báo truyền thanh, truyền hình, báo điện tử - Mục đích: giúp sinh viên nhận diện và đánh giá được các vấn đề biên tập văn bản báo chí - Yêu cầu: SV làm việc độc lập 	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	<p>Lựa chọn một vấn đề trong lĩnh vực biên tập văn bản báo chí.</p> <p>Nhìn từ góc độ công nghệ, kinh tế, chính trị và giáo dục trong thời đại toàn cầu hóa và kỹ thuật số biên tập một văn bản</p> <p>Mục đích: giúp sinh viên nhận diện các bước biên tập, cách thức biên tập văn bản báo chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 3	CLO4, CLO5	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<p>Chọn một chủ đề liên quan đến biên tập văn bản báo chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phương pháp và cách thức biên tập văn bản báo chí - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 4	CLO2, CLOe3, CLO4, CLO5	20%
III Thi cuối kỳ				
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: lựa chọn một loại hình báo chí và biên tập. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: SV làm việc độc lập 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Nguyễn Quang Hòa (2015), *Biên tập báo chí*, NXB Thông tin và Truyền thông.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Dương Xuân Sơn (2009), *Giáo trình báo chí truyền hình*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2) Hồ Xuân Mai (2014), *Ngôn ngữ báo chí và biên tập báo*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật.

Học phần 41.B. Truyền thông marketing/Marketing communication

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126042
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn truyền thông

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những kiến thức lý luận chung về truyền thông marketing; quá trình truyền thông marketing; thiết lập mục tiêu ngân sách và chiêu thị; quảng cáo và quản trị quảng cáo; Bán hàng trực tiếp và marketing trực tiếp; quan hệ công chúng và truyền thông marketing trên diện rộng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm để được nhận biết bản chất và chức năng truyền thông marketing trong kế hoạch marketing. Sinh viên có khả năng mô tả được quá trình truyền thông marketing tổng hợp và các yếu tố của nó.

- CO2: Phân tích và đánh giá được sự khác nhau giữa các yếu tố của marketing và các yếu tố của chiêu thị từ đó phối hợp để chất lượng truyền thông cung cấp cho khách hàng được hiệu quả.

- CO3: Phân tích và đánh giá các chiến lược truyền thông marketing trong kinh doanh của doanh nghiệp; có thể tổ chức việc quản lý chiến lược phát triển truyền thông marketing của một doanh nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống hóa được những vấn đề lý luận và thực tiễn về truyền thông marketing;

- CLO2: Phân tích và đánh giá các chiến lược truyền thông marketing trong kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định được chiến lược truyền thông cho doanh nghiệp;

- CLO3: Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm của môn học này;

- CLO4: Phân tích, đánh giá một cách nhanh chóng, đưa ra các giải pháp về các truyền thông và các hoạt động marketing của doanh nghiệp/tổ chức;

- CLO5: Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân trong công việc hoặc tiếp tục học sau đại học.

- CLO6: Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân, có thái độ phù hợp và nhận thức được trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp và phát triển tinh thần tích cực dân thân thể hiện.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về truyền thông marketing 1.1. Khái quát về truyền thông marketing 1.2. Truyền thông marketing tổng hợp 1.3. Phối thức truyền thông marketing 1.4. Quản trị truyền thông marketing 1.5. Quá trình hoạch định một kế hoạch truyền thông	2	2				12
Chương 2: Quá trình truyền thông marketing 2.1. Quá trình truyền thông 2.2. Quá trình đáp ứng các thông tin 2.3. Mức độ quan tâm của người nhận trong quá trình truyền thông 2.4. Quá trình đáp ứng nhận thức trong truyền thông	2	2				10
Chương 3: Thiết lập mục tiêu và ngân sách chiêu thị 3.1. Mục tiêu chiêu thị 3.2. Xác định ngân sách cho chiêu thị	2	2				10
Chương 4: Quảng cáo và quản trị quảng cáo 4.1. Khái quát quảng cáo & quản trị quảng cáo 4.2. Quy trình lập kế hoạch quảng cáo 4.3. Hoạch định chiến lược thông điệp 4.4. Chọn lựa chiến lược phương tiện quảng cáo 4.5. Phát triển chiến lược sáng tạo trong quảng cáo	2	2		2		10
Chương 5: Khuyến mãi và quản trị khuyến mãi 5.1. Khái niệm và vai trò của khuyến mãi 5.2. Quy trình hoạch định kế hoạch khuyến mãi 5.3. Khuyến mãi đối với người tiêu dùng 5.4. Khuyến mãi đối với hệ thống kênh phân phối	2	2				10

5.5. Phối hợp khuyến mãi và quảng cáo					
Chương 6: Bán hàng trực tiếp và Marketing trực tiếp 6.1. Bán hàng trực tiếp 6.1.1. Vai trò của bán hàng trực tiếp 6.1.2. Hoạt động bán hàng trực tiếp 6.1.3. Quy trình hoạch định kế hoạch bán hàng trực tiếp 6.1.4. Đánh giá và kiểm soát các nỗ lực bán hàng 6.1.5. Cải thiện kết quả bán hàng 6.2. Marketing trực tiếp 6.2.1. Các khái niệm 6.2.2. Các hình thức của marketing trực tiếp 6.2.3. Đặc điểm của marketing trực tiếp 6.2.4. Các quyết định về marketing trực tiếp	4	4	2	18	
Chương 7: Quan hệ công chúng 7.1. Vai trò của quan hệ công chúng (PR) 7.2. Các đặc điểm của PR 7.3. Xác định đối tượng của PR 7.4. Quy trình hoạch định kế hoạch PR 7.5. Các công cụ PR	2	2		10	
Chương 8: Truyền thông Marketing trên diện rộng 8.1. Đánh giá và điều khiển chương trình chiêu thị 8.2. Các đặc trưng của hệ thống đánh giá điều khiển chương trình chiêu thị 8.3. Quy trình đánh giá 8.4. Điều khiển	2	2	2	10	
Tổng	18	18	6	90	

5. Phương pháp dạy học

- Diễn giảng kết hợp với hình thức trình chiếu hình ảnh và video
- Thuyết trình, đối thoại, làm bài tập trên lớp

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			

1	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần truyền thông marketing</p> <p>- Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện)</p> <p>- Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học</p> <p>- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập</p>	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung về các nội dung của truyền thông marketing</p> <p>- Sinh viên tự chọn một chủ đề bán hàng (trực tiếp hoặc online), xây dựng chương trình truyền thông cho chủ đề đã chọn</p> <p>- Mục đích: Sinh biết xây dựng một chương trình truyền thông bán hàng trực tiếp, hoặc online</p> <p>- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập</p>	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	<p>Lựa chọn một vấn đề trong lĩnh vực truyền thông marketing</p> <p>- Xây dựng một chương trình truyền thông về chủ đề đã chọn</p> <p>- Mục đích: giúp sinh viên nhận diện các bước biên tập, cách thức biên tập văn bản báo chí</p> <p>- Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm</p>	Rubric 3	CLO4, CLO5, CLO6	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<p>Chọn một chủ đề liên quan đến truyền thông marketing</p> <p>- Mục đích: biết cách xây dựng và thiết lập một chương trình truyền thông</p> <p>- Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm</p>	Rubric 4	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
III Thi cuối kỳ				
	<p>- Hình thức:</p> <p>+ <i>Phần lý thuyết</i>: Thi trắc nghiệm</p> <p>+ <i>Phần vận dụng</i>: Xây dựng một chương trình truyền thông marketing theo chủ đề</p> <p>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần.</p> <p>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</p>	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;

- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Trương Đình Chiến (2016), *Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp*, NXB Trường đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Trần Thị Thập (2015), *Truyền thông marketing tích hợp*, NXB Văn hóa thông tin và truyền thông.

2) Lưu Đan Thọ - Tôn Thất Hoàng Hải – Cao Minh Nhựt (2016), *Quản trị truyền thông marketing tích hợp*, NXB Tài chính.

Học phần 42.A. Văn hoá truyền thông/ Media culture

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 18 TL, 6 TH)

- Mã học phần: 126043

- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Văn hoá truyền thông gồm: Khái quát về truyền thông và văn hoá truyền thông, Sự tiến hoá của các phương tiện truyền thông đại chúng cùng văn hoá truyền thông, các lý thuyết truyền thông và văn hoá tiếp cận, Văn hoá truyền thông nhìn từ công nghệ, kinh tế, chính trị và giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích bản chất của truyền thông đại chúng, các giai đoạn phát triển của truyền thông đại chúng qua sự xuất hiện của phương tiện truyền thông đại chúng.

CO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích và đánh giá các khía cạnh văn hoá trong sản xuất và tiêu thụ truyền thông đại chúng

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của truyền thông và giải thích được sự mối quan hệ giữa các giai đoạn phát triển của truyền thông đại chúng với sự xuất hiện của các phương tiện truyền thông đại chúng.

- CLO2: Sinh viên phân tích được các lý thuyết nghiên cứu truyền thông, nhận diện được các chủ thể của hoạt động truyền thông.

- CLO3: Sinh viên hệ thống được các khía cạnh văn hoá trong sản xuất và tiêu thụ truyền thông đại chúng.

- CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề truyền thông trong góc nhìn văn hoá.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Truyền thông và văn hoá truyền thông 1. Khái niệm truyền thông và văn hoá truyền thông	4	4				20

2. Quá trình hình thành và phát triển của hoạt động truyền thông 3. Bản chất của văn hóa truyền thông gắn liền với truyền thông đại chúng.					
Chương 2: Sự tiến hoá của các phương tiện truyền thông đại chúng cùng văn hoá truyền thông 1. Các phương tiện truyền thông đại chúng 2. Vai trò, chức năng của các phương tiện truyền thông đại chúng trong môi trường truyền thông hiện đại 3. Nguyên tắc hoạt động của các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại	4	4			20
Chương 3: Các lý thuyết truyền thông và văn hoá tiếp cận 1. Một số lí thuyết nghiên cứu truyền thông 2. Tiếp cận các lí thuyết nghiên cứu truyền thông từ góc độ văn hoá	4	4			20
Chương 4: Văn hoá truyền thông nhìn từ công nghệ, kinh tế, chính trị và giáo dục 1. Truyền thông công nghệ 2. Truyền thông kinh tế 3. Truyền thông chính trị 4. Truyền thông giáo dục	4	6			20
Chương 5: Thực hành hoạt động truyền thông đại chúng dưới góc độ văn hoá	2			6	10
Tổng	18	18		6	90

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần văn hoá truyền thông - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%

2	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề về văn hoá truyền thông trong quá trình phát triển của hoạt động truyền thông - Mục đích: giúp sinh viên nhận diện và đánh giá được các vấn đề truyền thông và nhận diện được các chủ thể của hoạt động truyền thông - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 2	CLO1, CLO2	
3	<p>Lựa chọn một vấn đề trong lĩnh vực truyền thông đại chúng và văn hóa truyền thông nhìn từ công nghệ, kinh tế, chính trị và giáo dục trong thời đại toàn cầu hóa và kỹ thuật số phân tích và lập chiến lược truyền thông</p> <p>Mục đích: giúp sinh viên nhận diện và đánh giá được các vấn đề văn hoá truyền thông và lập được chiến lược truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 3	CLO4, CLO5	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<p>Chọn một chủ đề liên quan đến văn hoá truyền thông và phân tích trong môi trường truyền thông hiện đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm 	Rubric 4	CLO2, CLO3, CLO4	20%
III Thi cuối kỳ				
	<p>- Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: đánh giá, phân tích một vấn đề truyền thông từ góc nhìn văn hoá. <p>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình bắt buộc:

1) Trương Văn Minh (2021), *Giáo trình Văn hoá truyền thông*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM.

Tài liệu tham khảo:

1) Đặng Thị Thu Hương (2016), *Văn hoá truyền thông đại chúng ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hoá*, NXB NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Học phần 42.B. Truyền thông sáng tạo/Creative communication

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126044
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Nhập môn truyền thông, Lịch sử truyền thông

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu truyền thông sáng tạo, cách thức thu hút khách hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho người làm ra sản phẩm hàng hóa, cũng như lợi ích cho người tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác môn học cung cấp các kiến thức về: Cách lựa chọn phương tiện truyền thông sáng tạo, các tổ chức liên quan đến truyền thông; Nền tảng lý thuyết về các mô hình truyền thông sáng tạo, thông điệp quảng cáo sáng tạo và tương quan giữa chúng; Cách thức xác định nhóm khách hàng tiềm năng mà truyền thông cần nhắm đến; Cách lên kế hoạch, triển khai và đo lường hiệu quả một chiến dịch truyền thông sáng tạo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm vững và vận dụng thành thạo kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về truyền thông sáng tạo ứng dụng vào thực tiễn. Có tri thức vững vàng về các phương tiện truyền thông chuyên sâu và sáng tạo, biết lựa chọn các loại hình và phương tiện truyền thông phù hợp đáp ứng nhu cầu thị trường.
- CO2: Người học biết vận dụng linh hoạt khối kiến thức chuyên ngành để thực hiện một dự án truyền thông phù hợp và hiệu quả; Xây dựng những thông điệp truyền thông hay, lạ, ấn tượng.
- CO3: Có kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, thuyết trình; có phẩm chất trung thực, tư cách đạo đức và trách nhiệm của người làm nghề truyền thông như: năng động, tích cực...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được các nguyên tắc truyền thông khi xây dựng thông điệp truyền thông sáng tạo phù hợp với nhóm khách hàng mục tiêu; xây dựng được mục tiêu, ngân sách, thông điệp và các tiêu chí đo lường của một chiến dịch truyền thông sáng tạo; biết thiết kế và đánh giá một mẫu quảng cáo.
- CLO2: Nắm vững các kỹ năng chuyên môn và năng lực hành nghề về: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát, điều hành, giải quyết tình huống, thu thập và phân tích xử lý thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình... trong các hoạt động truyền thông sáng tạo.
- CLO3: Hiểu rõ và vận dụng được kiến thức về truyền thông sáng tạo vào thực tế, có ý thức và trách nhiệm, đạo đức trong kinh doanh, tác phong chuẩn mực, chuyên nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	

<p>Chương 1: Nhập môn về truyền thông sáng tạo</p> <p>1.1. Các khái niệm chung về truyền thông sáng tạo</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của truyền thông sáng tạo</p> <p>1.3. Quá trình hình thành và phát triển truyền thông sáng tạo ở Việt Nam</p> <p>1.4. Vai trò và tác dụng của truyền thông sáng tạo</p> <p>1.5 Quy trình hoạch định một kế hoạch truyền thông sáng tạo</p>	2					19
<p>Chương 2: Xây dựng mục tiêu và ngân sách trong truyền thông sáng tạo</p> <p>2.1. Phân tích thị trường</p> <p>2.2. Xây dựng mục tiêu truyền thông</p> <p>2.3. Các phương pháp hoạch định ngân sách truyền thông</p> <p>2.4. Quá trình hoạch định ngân sách truyền thông</p>	4	4				19
<p>Chương 3: Xây dựng thông điệp và chiến lược truyền thông sáng tạo</p> <p>3.1. Truyền thông và quá trình ra quyết định mua hàng của khách hàng</p> <p>3.2. Các yếu tố quyết định một thông điệp</p> <p>3.3. Các phương pháp hoạch định ngân sách truyền thông</p>	4	4		2		20
<p>Chương 4: Các phương tiện truyền thông sáng tạo</p> <p>4.1. Xây dựng kế hoạch phương tiện truyền thông</p> <p>4.2. Các yếu tố lựa chọn phương tiện truyền thông</p> <p>4.3. Phân tích phương tiện truyền thông sáng tạo</p> <p>4.4. Lập thời gian biểu truyền thông</p>	4	6		2		16
<p>Chương 5: Đánh giá và đo lường hiệu quả của truyền thông sáng tạo</p> <p>5.1. Mục đích của hệ thống đánh giá truyền thông</p> <p>5.2. Các đặc trưng của một hệ thống đánh giá</p> <p>5.3. Quy trình đánh giá</p> <p>5.4. Hành động sau khi đánh giá</p>	4	4		2		16
Tổng	18	18		6		90

5. Phương pháp dạy – học

- Diễn giảng kết hợp với các hình thức trình chiếu hình ảnh và video;
- Thuyết trình, đối thoại, làm bài tập trên lớp.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần truyền thông sáng tạo - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Các câu hỏi về các nội dung của truyền thông sáng tạo - Sinh viên tự chọn một chủ đề bán hàng (trực tiếp hoặc online), xây dựng chương trình truyền thông cho chủ đề đã chọn - Mục đích: Sinh viên biết xây dựng một chương trình, chiến lược truyền thông sáng tạo, hiệu quả - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO2, CLO3	
3	Lựa chọn một vấn đề thực tế - Xây dựng một chương trình truyền thông về chủ đề đã chọn - Mục đích: Sinh viên biết xây dựng thông điệp và chiến lược của một chương trình truyền thông sáng tạo - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Chọn một chủ đề liên quan đến truyền thông sáng tạo - Mục đích: Biết cách xây dựng và thiết lập một chương trình truyền thông. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm.	Rubric 4	CLO2, CLO3	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi trắc nghiệm. + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng một chương trình truyền thông sáng tạo theo chủ đề. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.

- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Trương Đình Chiến (2016), *Giáo trình truyền thông Marketing tích hợp*, NXB trường Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Vũ Quỳnh (2008), *Quảng cáo và các hình thức quảng cáo hiệu quả*, NXB Khoa học Xã hội.

2) Phạm Thái Việt (2016), *Giáo trình đại cương truyền thông quốc tế*, NXB chính trị Quốc Gia.

Học phần 43. Hậu kỳ kỹ thuật số/Digital post-production

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 172074
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Hậu kỳ kỹ thuật số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng xử lý hình ảnh và video gồm:

- Giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về ảnh, máy ảnh và máy quay phim, nguyên lý cơ bản trong nhiếp ảnh số, trong quay phim. Các bước cơ bản để thực hiện một video clip.

- Thao tác chụp ảnh với máy ảnh kỹ thuật số và máy quay chụp ảnh kỹ thuật số bán tự động; thao tác được với máy quay phim kỹ thuật số.

- Giúp sinh viên biết được kỹ thuật hậu kỳ: Xử lý ảnh, dựng phim và biên tập cơ bản;

- Có kỹ năng tự học, tự kiến tạo kiến thức thông qua việc phân tích, đánh giá và nâng cao kỹ thuật chụp ảnh, quay video;

- Yêu thích môn nhiếp ảnh và điện ảnh. Quan tâm đến tính thẩm mỹ và nội dung truyền tải qua ảnh và phim ảnh.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Đạt chuẩn kỹ năng về được kiến thức tổng quan về hậu kỳ kỹ thuật số, các thành phần của máy ảnh và quay phim

CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Đạt chuẩn kỹ năng về được kiến thức tổng quan về hậu kỳ kỹ thuật số, các thành phần của máy ảnh và quay phim;

- CLO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số, bố cục, ánh sáng, độ sâu, độ nét ...;

- CLO3: Ứng dụng hậu kỳ kỹ thuật số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường mạng;

- CLO5: Có thể áp dụng các kiến thức về hậu kỳ kỹ thuật số để giải quyết các vấn đề liên quan.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1: KỸ THUẬT CHỤP ẢNH CƠ BẢN 1.1 Cấu tạo cơ bản của máy ảnh 1.2 Tìm hiểu thiết bị và thao tác với máy ảnh kỹ thuật số bỏ túi 1.3 Tìm hiểu thiết bị và thao tác với máy ảnh kỹ thuật số bán tự động 1.4 Kỹ thuật chụp ảnh căn bản 1.5 Các nguyên tắc cơ bản trong nhiếp ảnh 1.6 Nghệ thuật trong chụp ảnh	4	0	0	7,5	0	25
CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT QUAY PHIM CƠ BẢN 2.1. Tìm hiểu thiết bị và thao tác với máy quay phim kỹ thuật số 2.2. Kỹ thuật quay phim cơ bản 2.3. Xây dựng kịch bản quay phim	3	0	0	7,5	0	20
CHƯƠNG 3: CÁC PHẦN MỀM XỬ LÝ HÌNH ẢNH 3.1 Giới thiệu các phần mềm xử lý hình ảnh Photoshop 3.2. Ứng dụng của Photoshop trong nhiếp ảnh	4	0	0	5	0	20
CHƯƠNG 4: XỬ LÝ HẬU KỲ QUAY PHIM 4.1. Các bước cơ bản trong biên tập phim 4.2. Hướng dẫn dựng phim và biên tập phim sử dụng Window Movie Maker 4.3. Hướng dẫn dựng phim và biên tập phim sử dụng ProShow	4	0	0	10	0	30

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			

1	Các câu hỏi về kiến thức chung - Hình thức: Kiểm tra viết: Vận dụng kiến thức được học để giải quyết các yêu cầu; - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	30%
2	Thực hành - Hình thức: Thực hành trên máy ảnh/ máy quay; - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành - Hình thức: Thực hành xử lý hình ảnh, dựng phim, biên tập phim; - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	- Hình thức: Báo cáo / Thuyết minh - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III Thi cuối kỳ				
	- Hình thức: Thực hành / Thuyết minh sản phẩm - Thời gian: Thực hành 30 phút, thuyết minh sản phẩm 20 phút. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Ngọc Tuấn (2005), *Các thủ thuật Photoshop*, NXB Thống kê
2. Bùi Minh Sơn (2018), *Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh*, NXH Hồng Đức

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Huy Hoàng (2004), *Nhiếp ảnh khám phá và sáng tạo*, NXB Thống kê
2. Trần Văn Cang (1993), *Nghệ thuật quay phim video*, Biên soạn và dịch thuật

Học phần 43.B. Sản xuất và biên tập nội dung số/Producing and editing digital content

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30, 90)
- Mã học phần: 172075
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Sản xuất và biên tập nội dung số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng xử lý âm thanh, hình ảnh và video gồm:

- Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên các khái niệm, các kiến thức cơ bản về sản xuất và biên tập nội dung số, các bước cơ bản để sản xuất hậu kỳ, cách hiệu chỉnh âm thanh, chỉnh sửa hình ảnh và sản xuất, biên tập một sản phẩm hoàn chỉnh.

- Với các kiến thức trên, sinh viên có thể thực hiện biên tập âm thanh, hình ảnh, sử dụng các hiệu ứng cần thiết để chỉnh sửa nội dung số theo đúng kịch bản.

- Có kỹ năng tự học, tự kiến tạo kiến thức thông qua việc phân tích, đánh giá và nâng cao kỹ thuật sản xuất và biên tập nội dung số;

2. Mục tiêu học phần

CO1: Đạt chuẩn kỹ năng về được kiến thức tổng quan về sản xuất và biên tập nội dung số;

CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường chuyên đổi số;

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Đạt chuẩn kỹ năng về được kiến thức tổng quan về sản xuất và biên tập nội dung số;

- CLO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường chuyên đổi số;

- CLO3: Ứng dụng sản xuất và biên tập nội dung số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường nội dung số;

- CLO5: Có thể áp dụng các kiến thức về sản xuất và biên tập nội dung số để giải quyết các vấn đề liên quan.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ NỘI DUNG SỐ 1.1 Khái niệm Audio và Video 1.2 Âm thanh tự nhiên và thính giác con người 1.3 Ảnh tự nhiên và thị giác con người 1.4 Quét ảnh và biểu diễn màu sắc 1.5 Hệ thống Audio số 1.6 Hệ thống Video số	3	0	0	5	0	20
CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG SẢN XUẤT HẬU KỲ	3	0	0	5	0	20

2.1. Các bước sản xuất hậu kỳ 2.2. Xây dựng kịch bản 2.3. Kỹ thuật đồ hoạ 2.4. Sản xuất hậu kỳ Audio 2.5. Kỹ xảo Video						
CHƯƠNG 3: HIỆU CHỈNH AUDIO 3.1 Thu âm 3.2. Giảm tạp âm 3.3. Hiệu ứng Audio 3.4. Hiệu chỉnh Audio	3	0	0	5	0	20
CHƯƠNG 4: HIỆU CHỈNH VIDEO 4.1. Các yêu cầu và thiết bị hiển thị Video 4.2. Hệ thống hiển thị Video trong máy tính 4.3. Máy thu truyền hình 4.4. Hiệu ứng Video 4.5. Hiệu chỉnh Video	3	0	0	5	0	15
CHƯƠNG 5: BIÊN TẬP 5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Các bước biên tập 5.3. Kết nối đồ hoạ 5.4. Kết nối Audio và Video 5.5. Render	3	0	0	10	0	20

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung - Hình thức: Kiểm tra viết: Vận dụng kiến thức được học để giải quyết các yêu cầu; - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	30%
2	Thực hành - Hình thức: Thực hành trên máy ảnh/ máy quay/ máy ghi âm/ máy tính; - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành - Hình thức: Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm sản xuất	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	

	và biên tập nội dung số cụ thể phù hợp với chủ đề theo yêu cầu.			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Hình thức: Báo cáo / Thuyết minh - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học; - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm sản xuất và biên tập nội dung số cụ thể phù hợp với chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thực hành / Thuyết minh sản phẩm - Thời gian: Thực hành 30 phút, thuyết minh sản phẩm 20 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Tuấn Phước (2010), *Giáo trình Kỹ thuật Audio và Video*, NXB Hồng Đức

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Phú, Phạm Quang Huy (2020), *Làm phim với Premiere Pro CC*, NXB Thanh Niên
2. Dương Minh Quý (2009), *Các kỹ xảo điện ảnh tuyệt vời được thực hiện với Premiere Elements*, NXB Hồng Đức
3. Đỗ Hoàng Tiến (2002), *Audio và Video số*, NXB Khoa học kỹ thuật

Học phần 44.A. Công nghệ thực tại ảo/Virtual Reality Technology

- Số tín chỉ: 2 (20, 20, 0)
- Mã học phần: 173103
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Môn học này trang bị cho người học các khái niệm tổng quan về công nghệ thực tại ảo. Có thể vận dụng để thiết kế một mô hình ứng dụng thực tại ảo. Có khả năng làm

việc nhóm hiệu quả trong các dự án về xây dựng ứng dụng thực tại ảo, cũng như có ý thức tự học tự nghiên cứu công nghệ thực tại ảo trong cách mạng 4.0.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và trình bày được tổng quan về công nghệ thực tại ảo.
- CO2: Có khả năng phân tích được các bài toán thực tế, từ đó mô hình hóa bài toán và vận dụng để thiết kế một mô hình ứng dụng thực tại ảo.
- CO3 Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong các dự án về xây dựng ứng dụng thực tại ảo.
- CO4: Có ý thức tự học tự nghiên cứu công nghệ thực tại ảo trong cách mạng 4.0.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được tổng quan về công nghệ thực tại ảo.
- CLO2: Giải thích được các đặc tính của hệ thống VR: **Tương tác thời gian thực, cảm giác đắm chìm, tưởng tượng.**
- CLO3: Hiểu, trình bày được các thành phần của một hệ thống thực tại ảo.
- CLO4: Vận dụng được các công nghệ thực tại ảo VR, thực tại ảo tăng cường AR, thực tại ảo hỗn hợp MR và thực tại ảo mở rộng XR.
- CLO5: Trình bày, vận dụng được ngôn ngữ VRML trong việc mô hình hoá thực tại ảo.
- CLO6: Triển khai cài đặt được các kỹ thuật mô hình hoá hệ thống thực tại ảo.
- CLO7: Triển khai sử dụng được các công cụ và môi trường phát triển ứng dụng thực tại ảo.
- CLO8: Triển khai sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình lời cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.
- CLO9: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về các nội dung của học phần công nghệ thực tại ảo, các vấn đề cài đặt, lập trình thuật toán liên quan.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Mở đầu 1.1. Tổng quan về thực tại ảo VR 1.2. Lịch sử phát triển của công nghệ thực tại ảo 1.3. Các đặc tính của hệ thống VR 1.4. Một số ứng dụng của VR	2	2				10
Chương 2. Các thành phần của một hệ thống VR 2.1. Phần cứng 2.2. Phần mềm 2.3. Thiết bị định hướng và chuyển động 2.4. Thiết bị tương tác và phản hồi	5	5				22

Chương 3. Các công nghệ thực tại ảo 3.1. Công nghệ VR 3.2. Công nghệ AR 3.3. Công nghệ MR 3.4. Công nghệ XR	5	5				22
Chương 4. Ngôn ngữ mô hình hoá VRML 4.1. Giới thiệu về VRML 4.2. Các thành phần cơ bản của VRML 4.3. Xây dựng các đối tượng trong VRML 4.4. Các phép biến đổi đối tượng ảnh trong VRML 4.5. Màu sắc trong VRML 4.6. Nhóm đối tượng trong VRML 4.7. Một số phương pháp vẽ trong VRML	8	8				36
Tổng số tiết	20	20				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1- CLO4	30%
2	Kiểm tra viết	Rubric 2	CLO1- CLO7	
4	Thuyết trình (Bài tập lớn)	Rubric 3	CLO1- CLO8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 4	CLO1- CLO7	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 5	CLO1- CLO9	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Steven M. LaValle (2019). *Virtual Reality*. Cambridge University Press

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Lê Tân Hùng, Huỳnh Quyết Thắng (2004). *Kỹ thuật đồ họa*. NXB Khoa học và Kỹ thuật

Học phần 44.B. Công nghệ Web 3D/ 3D Web Technology

- Số tín chỉ: 2 (18, 27)

- Mã học phần: 173104
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Môn học này giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng về lập trình Web3D bao gồm: nguyên tắc cơ bản đồ họa 3D, các đối tượng trong môi trường 3D; xây dựng mô hình sử dụng WebGL và X3D; sử dụng Javascript ở mức cơ bản để xây dựng các ứng dụng WebGL và thực hiện các chương trình đồ họa 3D cơ bản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu các khái niệm nguyên tắc cơ bản đồ họa 3D, đối tượng trong môi trường 3D.
- CO2: Hiểu các kiến thức xây dựng mô hình sử dụng WebGL và X3D sử dụng Javascript cơ bản và xây dựng các chương trình đồ họa 3D cơ bản.
- CO3: Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong các dự án về xây dựng ứng dụng đồ họa 3D cơ bản.
- CO4: Có ý thức và trách nhiệm trong xây dựng các ứng dụng đồ họa 3D cơ bản.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu các nguyên tắc đồ họa 3D cơ bản.
- CLO2: Phân tích được các đối tượng trong mô hình 3D.
- CLO3: Xây dựng được các mô hình sử dụng WebGL và X3D sử dụng Javascript.
- CLO4: Xây dựng các chương trình đồ họa 3D cơ bản.
- CLO5: Có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo theo yêu cầu đặc thù của môn học, xây dựng các bài thuyết trình và bảo vệ sản phẩm trước tập thể về một ứng dụng đồ họa 3D cơ bản.
- CLO6: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết về đồ họa 3D và áp dụng vào những tình huống cần thiết.
- CLO7: Có ý thức và trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ các ứng dụng đồ họa 3D cơ bản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN WEB3D 1.1. Giới thiệu Web3D 1.2. Các phiên bản Web3D	2	3			10	
CHƯƠNG 2. CÔNG NGHỆ WEBGL 2.1. Định nghĩa kỹ thuật 2.2. Đồ họa 3D 2.3. WebGL API	2	3			10	

CHƯƠNG 3. JAVASCRIPT 3D ENGINE 3.1. Giới thiệu Three.js 3.2. Cài đặt và sử dụng Three.js	3	4				15
CHƯƠNG 4. ĐỒ HOẠ VỚI WEBGL 4.1. Khởi tạo lưới - Mesh 4.2. Sử dụng vật liệu, kết cấu, và ánh sáng 4.3. Xây dựng hệ thống phân cấp chuyển đổi 4.4. Tùy chỉnh hình học	3	3				10
CHƯƠNG 5. CHUYỂN ĐỘNG TRONG WEBGL 5.1. Khởi tạo Tween 5.2. Sử dụng các gói kết nối	3	5				15
CHƯƠNG 6. TƯƠNG TÁC TRONG WEBGL 6.1. Cài đặt tương tác đối tượng 6.2. Thiết lập camera tương tác	3	5				15
CHƯƠNG 7. TÍCH HỢP 2D VÀ 3D TRONG MÔI TRƯỜNG WEB 7.1. Kết hợp HTML và WebGL 7.2. Tạo ảnh 3D trên trang 2D	2	4				15
Tổng số tiết	18	27		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1- CLO2	30%
2	Kiểm tra viết	Rubric 2	CLO1- CLO2 -CLO3	
4	Thuyết trình (Bài tập lớn)	Rubric 3	CLO1- CLO2 -CLO3- CLO4- CLO5- CLO6- CLO7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 4	CLO1- CLO2 -CLO3- CLO4- CLO6-CLO7	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 5	CLO1- CLO2 -CLO3- CLO4- CLO6-CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.

- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Tony Parisi (2012), WebGL: Up and Running, O'Reilly Media.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Jos Dirksen (2013), Learning Three.js: The JavaScript 3D Library for WebGL, Packt Publishing

Học phần 45.A. Thiết kế trải nghiệm người dùng/User experience design

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 174026
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết: Mỹ học đại cương

1. Mô tả học phần

Học phần thiết kế trải nghiệm người dùng giúp sinh viên có thể đánh giá và nghiên cứu thói quen sử dụng ứng dụng của người dùng, thiết lập các thao tác, tính năng và sự vận hành của ứng dụng, quy trình phát triển và thiết kế trải nghiệm người dùng cho ứng dụng. Nắm vững kiến thức về quy trình, nguyên tắc thiết kế, bố cục, màu sắc,... thiết kế giao diện cho ứng dụng web và mobile. Hình thành tư duy thiết kế giao diện và trải nghiệm từ khi nhận yêu cầu tới hoàn thiện sản phẩm. Sử dụng các hệ thống lưới, các loại font chữ để vẽ wireframe, workflow, các giải pháp giúp người dùng sử dụng sản phẩm. Lựa chọn và sử dụng các công cụ để thiết kế giao diện và trải nghiệm cho ứng dụng web và mobile.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng được các kiến thức về quy trình, nguyên tắc, bố cục, màu sắc,... thiết kế giao diện cho ứng dụng web và mobile.
- CO2: Xây dựng và hoàn thành giao diện cho ứng dụng web và mobile.
- CO3: Xây dựng phương pháp lập luận, kỹ năng giải quyết vấn đề, tìm kiếm và đọc hiểu tài liệu trong lĩnh vực thiết kế UI-UX. Có thái độ nghiêm túc, chủ động và tính trách nhiệm trong các hoạt động nghề nghiệp

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Giải thích được các kiến thức về quy trình, nguyên tắc, bố cục, màu sắc,... của thiết kế UI-UX.
- CLO2: Giải thích được các khái niệm, vận dụng được các công cụ của phần mềm Figma.
- CLO3: Giải thích được các nguyên lý, các dạng layout, các thành phần cơ bản của ứng dụng web và mobile.
- CLO4: Sử dụng được công cụ thiết kế giao diện, xây dựng được style cho ứng dụng.
- CLO5: Xây dựng được giao diện và trải nghiệm cho ứng dụng web và mobile.
- CLO6: Tham gia làm việc theo nhóm, lập kế hoạch và viết báo cáo kỹ thuật.
- CLO7: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về các nội dung của học phần.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học
----------	-----------------------------

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Giới thiệu về UI-UX 1.1. Khái niệm UI-UX 1.2. Mối quan hệ giữa UI-UX 1.3. Định nghĩa UI-UX Designer 1.4. Đối tượng nhắm đến 1.5. Quy trình thiết kế 1.6. Định hướng người dùng	5	0	0	0	0	15
Chương 2: Công cụ thiết kế UI/UX 2.1. Các nguyên lý thiết kế 2.2. Giới thiệu công cụ thiết kế Figma 2.3. Hướng dẫn sử dụng Figma 2.4. Cách tạo Frame site, các công cụ figma cơ bản 2.5. Figma tạo hình nâng cao, hiệu chỉnh đối tượng nâng cao 2.6. Các nguyên lý thiết kế về Typo, Color Contrast, Highlight, Spacing – White Space 2.7. Các nguyên lý thiết kế về căn giống Alignment, phân cấp thông tin Visual Hierrachy 2.8. Thực hành ứng dụng nguyên lý thiết kế với Figma	5	0	0	10	0	30
Chương 3: Thiết kế UI-UX cho ứng dụng web và mobile 3.1. Các nguyên lý thiết kế ứng dụng web và mobile 3.2. Các dạng layout của ứng dụng web và mobile 3.3. Các thành phần cơ bản của ứng dụng web và mobile 3.4. Thực hành thiết kế giao diện ứng dụng web với Figma 3.5. Thực hành thiết kế giao diện ứng dụng trên mobile với Figma	5	0	0	20	0	45
TỔNG	15	0	0	30		90

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, Thực hành, Hoạt động nhóm, Tự học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
----	--------------------------------	------------------	---------------	----------

I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4, CLO7	30%
2	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7	
3	Hoạt động nhóm	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp/Thực hành	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Có đầy đủ các tài liệu học tập được quy định.
- Làm bài tập, thảo luận có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Jenifer Tidwell, Charles Brewer, Aynne Valencia (2019), *Designing Interfaces*, 3rd Edition, O'Reilly Media.

Tài liệu tham khảo

[2] Uyên Huy (2018), *Màu sắc và phương pháp sử dụng*, NXB Mỹ Thuật.

Học phần 45.B. Xây dựng trò chơi đa phương tiện

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Mã học phần: 174027
- Bộ môn quản lý học phần: Hệ thống thông tin
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu lịch sử phát triển ngành công nghiệp trò chơi, các dạng trò chơi chính trên thế giới. Bên cạnh đó sinh viên được cung cấp kiến thức về xây dựng một trò chơi. Với những kiến thức cơ bản về lập trình trò chơi được cung cấp, sinh viên có khả năng xây dựng ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ lập trình và các công cụ hỗ trợ, kết hợp trí tuệ nhân tạo, vật lý chuyển động và đồ họa máy tính, xây dựng các thành phần trong trò chơi.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Khái quát kiến thức về các thể loại trò chơi, quy trình phát triển trò chơi và các công cụ phát triển, kỹ thuật lập trình trò chơi bằng phần mềm phát triển trò chơi Unity
- CO2: Thiết kế và phát triển các thể loại trò chơi bằng khung phát triển trò chơi unity.

- CO3: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được lịch sử phát triển ngành công nghiệp trò chơi, vai trò các nhà phát triển trò chơi

- CLO2: Phân tích được các thể loại trò chơi trong thực tế, các thành phần trong trò chơi và kỹ thuật cần thiết để thiết kế được một trò chơi.

- CLO3: Áp dụng quy trình phát triển trò chơi, sử dụng Unity để xây dựng một trò chơi trong thực tế

- CLO4: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kỹ năng về phân tích vấn đề (thiết kế) và kỹ năng sử dụng phần mềm; vận dụng vào sản xuất ra các thước phim hoạt hình có chất lượng cao.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Giới thiệu lập trình trò chơi - Sự phát triển của ngành công nghiệp trò chơi - Phân loại trò chơi - Vai trò của nhà phát triển trò chơi - Quy trình phát triển trò chơi - Quy trình phát triển trò chơi - Thành phần cơ bản của một trò chơi	2					6
Chương 2. Giới thiệu phần mềm làm trò chơi - Giới thiệu các phần mềm trò chơi - Giới thiệu chung về Unity - Giao diện Unity - Các thành phần cơ bản trong Unity - Đối tượng trò chơi và môi trường	2			5		13,5
Chương 3. Lập trình trò chơi cơ bản - Các kỹ thuật cơ bản - Các hàm xử lý Script nâng cao	2			5		13,5
Chương 4. Xử lý hình ảnh và giao diện - Nhập, cấu hình cho các đối tượng đồ họa đưa vào dự án - Xử lý các hình ảnh - Cắt hình ảnh - TẠP các diễn hoạt - Các thành phần cơ bản của giao diện người dùng - Chuyển cảnh các Scene	4			10		27

Chương 5: Xử lý sự kiện trong game - Lập trình chuyển động - Xử lý va chạm đối tượng - Đối tượng dựng sẵn - Di chuyển đối tượng - Xử lý các thành phần nhỏ - Âm thanh - Design Pattern trong game - Truyền giá trị giữa các script - Slider, Timer và Air - Kết xuất ra môi trường Android, WebGL, iOS	5			10		30
Tổng số tiết	15			30		90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO5	30%
2	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 3	CLO2, CLO3, CLO4	
3	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành – Vấn đáp	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Jeremy Gibson Bond (2018), *Introduction to Game Design, Prototyping, and Development*, Addison-Wesley.

Tài liệu tham khảo

[1] Robert Wells (2020), *Unity 2020 By Example: A project-based guide to building 2D, 3D, augmented reality, and virtual reality games from scratch, 3rd Edition*, Packt Publishing.

Học phần 46.A. Thị giác máy tính và ứng dụng

- Số tín chỉ: 02 (18, 27, 0)

- Mã học phần: 173106
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thị giác máy, các bộ dò tìm điểm đặc trưng cơ bản, các bộ mô tả đặc trưng cục bộ và toàn cục, các phương pháp phân vùng ảnh, phương pháp biểu diễn ảnh dựa trên từ điển hay biểu diễn thưa. Học phần cũng giới thiệu một số hệ thống thị giác máy điển hình trong thực tế làm ví dụ Case Study nghiên cứu và thực hành cho sinh viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu, trình bày, giải thích, được các thành phần cơ bản một hệ thống thị giác máy tính, các phương pháp các phương pháp dò tìm điểm đặc trưng, các bộ mô tả đặc trưng, các phương pháp phân vùng ảnh và biểu diễn ảnh.
- CO2: Có kỹ năng vận dụng các kỹ thuật thị giác máy tính và khai thác các thư viện lập trình để xây dựng các ứng dụng thực tiễn.
- CO3: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các thành phần cơ bản một hệ thống thị giác máy tính
- CLO2: Hiểu, giải thích được các phương pháp các phương pháp dò tìm điểm đặc trưng
- CLO3: Trình bày được các bộ mô tả đặc trưng (toàn cục và cục bộ)
- CLO4: Hiểu và giải thích được các phương pháp phân vùng ảnh.
- CLO5: Có kỹ năng lựa chọn, kế thừa, phát triển các thư viện về thị giác máy tính cho mỗi bài toàn cụ thể trong thực tế.
- CLO6: Cài đặt được các hệ thống thị giác máy tính sử dụng các công cụ và môi trường phát triển ứng dụng (Winform, C++, OpenCV,...).
- CLO7: Sử dụng được các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo, xây dựng các bài thuyết trình lời cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.
- CLO8: Cầu thị, ham học hỏi, chủ động tìm hiểu về các nội dung của học phần thị giác máy tính; tích cực nghiên cứu, trao đổi với giảng viên về các thuật toán giác máy tính, các vấn đề cài đặt, lập trình thuật toán liên quan.
- CLO9: Tích cực trau dồi, chia sẻ kiến thức của môn học với sinh viên trong lớp, chủ động tổ chức các giờ tự học theo nhóm, làm bài tập lớn theo nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Giới thiệu hệ thống thị giác máy 1.1 Các thành phần của hệ thống thị giác máy 1.2 Các lĩnh vực ứng dụng trong thực tế 1.3 Các chuyên ngành liên quan	3	2	0			15

<p>Chương 2. Các bộ trích trợn đặc trung</p> <p>2.1 Mô hình phân tích đa phân giải kim tự tháp (pyramid scale space)</p> <p>2.2 Đạo hàm Gaussian và Laplace trong phân tích ảnh</p> <p>2.3 Các bộ dò tìm điểm khóa cục bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dò tìm điểm góc Harris Corner - Bộ dò tìm điểm góc Harris Laplace - Bộ dò tìm điểm góc Harris Affine - Bộ dò tìm điểm đặc trung FAST (FAST Detector) - Bộ dò tìm điểm Blob (Blob Detector) - Bộ dò tìm điểm nổi trội (Saliency Detector) <p>2.4 Các bộ mô tả điểm khóa cục bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ mô tả HOG - Bộ mô tả SURF - Bộ mô tả PCA-SIFT - Bộ mô tả GOLH - Bộ mô tả BRIEF - Bộ mô tả ORB <p>2.5 Các bộ mô tả toàn cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ mô tả vùng MSER - Bộ mô tả vùng GIST - Bộ mô tả hình ShapeContext - Bộ mô tả hình ShapeMe - Bộ mô tả dựa trên ràng buộc điểm ảnh (Pixel-level constraint histograms) - Các bộ mô tả dựa trên moment bất biến (moment invariants) 	8	15	0	0	25
<p>Chương 3. Các phương pháp phân vùng ảnh</p> <p>3.1 Các phương pháp phân vùng ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ mô tả vùng MSER - Thuật toán phân vùng ảnh K-means - Thuật toán phân vùng ảnh Watershed - Thuật toán phân vùng ảnh Mean-Shift <p>3.2 Các phương pháp biểu diễn thưa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu biểu diễn thưa, từ điển và mã hóa thưa (sparse representation, dictionary, sparse coding) 	4	4			25

<ul style="list-style-type: none"> – Các thuật toán mã hóa thừa và xây dựng từ điển thừa 3.3 Các kỹ thuật lọc đồng hình – Kỹ thuật RANSAC – Kỹ thuật HOUGH 						
<p>Chương 4. Ứng dụng</p> <p>4.1 Case study: Hệ thống phát hiện đối tượng chuyển động từ video</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả bài toán – Phạm vi và các ứng dụng thực tế – Các thành phần của hệ thống – Kỹ thuật trừ ảnh nền – Trích chọn các đặc trưng không gian (điểm khóa, màu, hình dạng, biên,...) – Trích chọn các đặc trưng thời gian (phương trình chuyển động, thời gian,...) – Giao diện người dùng <p>4.2 Thư viện lập trình thị giác máy OpenCV</p>	3	6				25
Tổng số tiết	18	27				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Tự luận	Rubric 1	CLO1, CLO5, CLO8, CLO9	30%
2	Tự luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	
3	Tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	
4	Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Tự luận	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.

- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Phạm Thế Anh (chủ biên) (2017), Nguyễn Mạnh An, Đỗ Năng Toàn, *Giáo trình Xử lý ảnh*, NXB Giáo dục.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] C.Bishop, *Pattern Recognition and Machine Learning*, Springer, 2007,

Học phần 46.B. Nhận dạng mẫu/Pattern Recognition

- Số tín chỉ: 02 (18, 27, 0)
- Mã học phần: 173109
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu về một số khái niệm cơ bản của lý thuyết nhận dạng để giải quyết bài toán nhận dạng mẫu. Môn học cung cấp các kiến thức về trích rút thông tin đặc trưng trong bài toán nhận dạng, mô tả đặc trưng, các phương pháp tiếp cận trong nhận dạng như: thống kê, phân tích xác suất, phân loại tuyến tính, phân loại phi tuyến. Ngoài ra, môn học còn trang bị kiến thức cơ bản về mạng neuron được ứng dụng trong nhận dạng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu, trình bày, giải thích, được các thành phần cơ bản một hệ thống nhận dạng mẫu và trích rút thông tin trong bài toán nhận dạng mô tả các đặc trưng nhận dạng.
- CO2: Có kỹ năng vận dụng các kỹ thuật nhận dạng mẫu và khai thác các thư viện lập trình để xây dựng các ứng dụng thực tiễn.
- CO3: Nhận thức được ý nghĩa môn học, đam mê học hỏi và tìm hiểu về các nội dung môn học, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, trau dồi kỹ năng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các thành phần cơ bản một hệ thống nhận dạng mẫu
- CLO2: Hiểu, giải thích được các phương pháp nhận dạng mẫu
- CLO3: Trình bày, mô tả được các đặc trưng nhận dạng
- CLO4: Hiểu và giải thích các phương pháp thống kê, phân tích xác suất và phân loại tuyến tính/phi tuyến
- CLO5: Có kỹ năng lựa chọn, kế thừa, phát triển các thư viện về nhận dạng mẫu cho mỗi bài toán cụ thể trong thực tế.
- CLO6: Cài đặt được các hệ thống nhận dạng mẫu sử dụng các công cụ và môi trường phát triển ứng dụng (Matlab, C++, OpenCV,...).
- CLO7: Sử dụng được các ứng dụng văn phòng để xây dựng các báo cáo, xây dựng các bài thuyết trình lời cuốn, hấp dẫn và kỹ năng bảo vệ sản phẩm trước tập thể.
- CLO8: Cầu thị, ham học hỏi, chủ động tìm hiểu về các nội dung của học phần nhận dạng mẫu; tích cực nghiên cứu, trao đổi với giảng viên về các thuật toán nhận dạng mẫu, các vấn đề cài đặt, lập trình thuật toán liên quan.

- CLO9: Tích cực tra cứu, chia sẻ kiến thức của môn học với sinh viên trong lớp, chủ động tổ chức các giờ tự học theo nhóm, làm bài tập lớn theo nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ NHẬN DẠNG MẪU. 1.1. Giới thiệu về môn học và tổ chức môn học. 1.2. Thế nào là nhận dạng mẫu. 1.3. Các khái niệm. 1.4. Các hệ thống nhận dạng mẫu. 1.5. Tiền xử lý và chuẩn hóa. 1.6. Lựa chọn đặc trưng. 1.7. Phương pháp phân lớp. 1.8. Đánh giá hệ thống	3	2	0			15
CHƯƠNG 2. NHẬN DẠNG MẪU DỰA TRÊN THỐNG KÊ HỌC. 2.1. Lý thuyết quyết định Bayes. 2.2. Hàm phân biệt và giải quyết vấn đề. 2.3. Phân bố chuẩn. 2.4. Lỗi biên và đo sự phân biệt	4	7	0	0		15
CHƯƠNG 3. ƯỚC LƯỢNG HÀM MẬT ĐỘ XÁC SUẤT. 3.1. Ước lượng tham số trước. 3.2. Ước lượng tham số sau. 3.3. Ước lượng tham số Bayes. 3.4. Mô hình hỗn hợp. 3.5. Ước lượng Entropy. 3.6. Ước lượng không tham số. 3.7. Tóm tắt chương 3.	4	4				15
CHƯƠNG 4. SỰ PHÂN LỚP DỰA TRÊN LĂNG GIỀNG GẦN NHẤT 4.1. Phương pháp láng giềng gần nhất. 4.2. Phương pháp k láng giềng gần nhất. 4.3. Một số ví dụ về phương pháp láng giềng trong nhận dạng	3	6				25
CHƯƠNG 5. PHÂN LOẠI MẪU 5.1. Hàm phân biệt tuyến tính. 5.2. Lớp khả tách tuyến tính.	4	8				20

5.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất. 5.4. Biến đổi đặc trưng tuyến tính Phân loại phi tuyến. 5.5. Phân loại tuyến tính suy rộng.. 5.6. Máy hỗ trợ vector. 5.7. Mạng perceptron nhiều lớp (MLP). 5.8. Huấn luyện mạng MLP.						
Tổng số tiết	18	27				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Tự luận	Rubric 1	CLO1, CLO5, CLO8, CLO9	30%
2	Tự luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	
3	Tự luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	
4	Vấn đáp	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Tự luận	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và bài thực hành trước khi tham gia các buổi thực hành tại phòng máy.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Hoàng Văn Dũng (2018), *Giáo trình nhận dạng và xử lý ảnh, thị giác máy tính*, NXB Khoa học Kỹ thuật.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] M. Nixon (2002), *Feature Extraction and Image Processing*, Newnes.

Học phần 37. Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim/Photography and videography techniques

- Số tín chỉ: 2 (10, 10, 30)

- Mã học phần: 172066
- Bộ môn quản lý học phần: MMT&UD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật quay phim và chụp ảnh, bao gồm:

- Máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động, máy ảnh kỹ thuật số đến những yếu tố, dụng cụ, linh kiện phục vụ tốt cho ngành nhiếp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời và trong phòng, Kỹ thuật chụp ảnh thời sự báo chí phục vụ cho chuyên ngành;
- Quay phim đúng kỹ thuật các cỡ cảnh theo đài truyền hình Việt Nam và Quốc tế, quay phim theo chương trình thời sự của đài truyền hình Việt Nam)
- Thực hành cho kỹ thuật chụp ảnh và sáng tạo trong từng bức ảnh cho ý muốn riêng mình, đồng thời quay phim đúng với kỹ thuật của đài truyền hình.
- Giúp sinh viên có khả năng hòa nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng trang web để tự xây dựng một trang thông tin các nhân riêng cho mình.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kỹ thuật quay phim chụp ảnh.

CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật quay phim chụp ảnh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Nắm bắt được các kiến thức về kỹ thuật quay phim và chụp ảnh.

CLO2: Ứng dụng kỹ thuật chụp ảnh, thực hiện kỹ thuật khung ảnh; Lĩnh hội được kiến thức khai thác những bức ảnh đời thường ứng dụng hiệu quả cho chuyên ngành: Báo chí, Ngữ văn, Cử nhân văn...; Kiến thức về kỹ thuật quay phim căn bản.

CLO3: Kỹ năng cứng: Kỹ năng cơ bản trong vận hành máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động và máy ảnh kỹ thuật số và kỹ thuật quay phim cơ bản theo chương trình của đài truyền hình Việt Nam, thích ứng trong chuyên ngành: truyền thông đa phương tiện; Trong thời gian học tập ở nhà trường qua thực tập nhóm và sau khi tốt nghiệp đại học phục vụ tốt ngoài xã hội.

CLO4: Kỹ năng mềm: ứng dụng trong cuộc sống đời thường hàng ngày, thiết thực trong nhiều lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, tập giảng, giảng dạy, pháp luật, kinh tế, xã hội, đưa tin thời sự, báo chí, phóng viên truyền hình, hướng dẫn viên du lịch, chụp ảnh tư liệu lịch sử, chụp ảnh tĩnh vật qua các bài thí nghiệm, họp mặt, tiệc tùng, cưới hỏi, ...

CLO5: Sau khi hoàn thành học phần Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim sinh viên biết được sự vận hành máy ảnh và ứng dụng được kỹ thuật chụp ảnh đúng kỹ thuật, hiểu được những bức ảnh mà tác giả gửi gắm vào đó những điều gì, phân tích được đúng sai về kỹ thuật, tổng hợp được kiến thức và đánh giá được tác phẩm kỹ thuật và tính nghệ thuật, đồng thời biết, hiểu, phân tích, tổng hợp và đánh giá được một đoạn phim đúng hoặc sai kỹ thuật quay (theo chuẩn xác của đài truyền hình).

Tạo cho sinh viên lòng yêu thích: yêu thích nhiếp ảnh, yêu thích nghệ thuật, yêu thích quay phim, yêu thích thiên nhiên, yêu thích môi trường, yêu phong cảnh đất nước con người, có tinh thần trách nhiệm môi trường, phát huy được những nội dung bài văn qua soạn kịch bản phân cảnh và ghi được những hình ảnh đó vào tư liệu.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<p>Chương 1: Lịch sử về máy ảnh. Những yếu tố căn bản trong nhiếp ảnh máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động và máy kỹ thuật số.</p> <p>1.1. Lịch sử về máy ảnh</p> <p>1.2. Ánh sáng</p> <p>1.3. Ánh sáng trắng qua ống kính máy chụp hình</p> <p>1.4. Luật cân bằng ánh sáng. Quy luật tương đương</p> <p>1.5. Tổng hợp màu</p> <p>Phối sắc tổng hợp cộng (Ký hiệu RGB)</p> <p>1.6. Phối sắc tổng trừ (ký hiệu CMY)</p> <p>1.7. Nhiệt độ màu</p> <p>1.8. Vị trí và tác dụng của vòng tốc độ, vòng khẩu độ và vòng cự ly nét</p> <p>1.9. Độ phân giải của máy ảnh số</p> <p>1.10. Thẻ lưu trữ máy kỹ thuật số.</p> <p>1.11. Các loại pin sử dụng cho máy kỹ thuật số.</p> <p>1.12. Khung ngắm và màn hiển thị của máy ảnh số</p>	2	3	0	0		15
<p>Chương 2. Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời và trong phòng</p> <p>2.1. Các tư thế chụp ảnh và khung ảnh đứng, ngang</p> <p>2.2. Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời</p> <p>2.2.1 Phân loại thời gian về màu sắc trong ngày nắng sáng</p> <p>2.2.2. Màu sắc ánh sáng từ 6 - 8 giờ sáng</p> <p>2.2.3. Màu sắc ánh sáng từ 8 giờ sáng đến 11 giờ</p> <p>2.2.4. Màu sắc ánh sáng từ 11 giờ đến 14 giờ trưa</p> <p>2.2.5. Màu sắc ánh sáng từ 14 giờ đến 18 giờ chiều</p> <p>2.3. Kỹ thuật góc độ thu hình</p> <p>2.3.1. Kỹ thuật chụp góc độ thuận</p>	3	2		20		30

2.3.2. Kỹ thuật góc độ ánh sáng tạc nghiêng 2.3.3. Kỹ thuật góc độ ánh sáng ngược 2.4. Kỹ thuật chụp hình trong phòng						
Chương 3: Kỹ thuật quay phim sử dụng các cỡ cảnh trong truyền hình 3.1. Giá trị việc sử dụng cỡ cảnh 3.2. Viễn cảnh (Wide shot – WS) 3.3. Đại toàn cảnh (Very long shot – VLS) 3.4. Toàn cảnh (Long shot – LS) 3.5. Trung toàn cảnh (Medium LS – MLS) 3.5. Trung cận cảnh (M.close up – MCU) 3.6. Cận cảnh (Close up – CU) 3.7. Đặc tả (Extreme close up – ECU)	2	3	0	10		25
Chương 4: Các yếu tố cơ bản cấu tạo chương trình truyền hình & Kỹ thuật quay phim thực hiện thời sự (tin tức) truyền hình 4.1. Truyền hình 4.2. Các yếu tố cơ bản cấu tạo chương trình truyền hình 4.3. Giá trị về hình thức của hình ảnh 4.4. Giá trị về nội dung của hình ảnh 4.5. Chọn lựa hình ảnh 4.6. Thời điểm bấm máy 4.7. Âm thanh 4.8. Kỹ thuật thực hiện thời sự (Tin tức) truyền hình 4.9. Tính chất của tin tức 4.10. Yêu cầu bản tin tức 4.11. Các yếu tố của bản tin tức	3	2	0	0		20
Tổng số tiết	10	10	0	30		90

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	- Nội dung: Các kỹ thuật quay phim và chụp ảnh - Hình thức: Viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO5	30%

2	- Nội dung: kỹ thuật quay phim và chụp ảnh - Hình thức: Thực hành	Rubric 2	CLO3, CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Nội dung: Các kiến thức kỹ thuật về quay phim chụp ảnh - Hình thức: Viết	Rubric 3	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Vấn đáp (bài tập lớn) + <i>Phần vấn đáp</i> : Thời gian làm bài 15 phút (có thể báo cáo bài tập lớn cho trước về chụp ảnh quay phim theo chủ đề có trước, trả lời các câu hỏi liên quan).	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Bài tập, thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập và các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

[1] Nguyễn Nam Thuận (2008), *Quay và dựng phim kỹ thuật số chuyên nghiệp trên máy tính*, NXB Giao thông vận tải.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Peter Bargh (2002), *Sử dụng máy ảnh kỹ thuật số*, NXB Thanh niên.

[2] Nguyễn Văn Thanh (1998), *Nhiếp ảnh toàn thư*, NXB Trẻ.

Học phần 48.A. Viết trong truyền thông đa phương tiện/Multimedia communication writing

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6TH)
- Mã học phần: 126045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản khi tổ chức xây dựng và thực hiện các bài viết trong truyền thông, bao gồm các thể loại như: Thông cáo báo chí, Bài PR cho sự kiện, Bài PR cho Quảng cáo sản phẩm, Email Marketing, Brochure - Tờ Rơi, Báo chí nội bộ và Bài diễn văn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về kỹ năng viết trong truyền thông.
- CO2: Sinh viên có thể phân biệt được các thể loại bài viết trong truyền thông.

- CO3: Hiểu được nội dung lập kế hoạch, triển khai quy trình một bài viết chung về thông cáo báo chí, PR cho sự kiện, PR cho Quảng cáo sản phẩm, Email Marketing, Brochure - Tờ Rơi, Báo chí nội bộ và Bài diễn văn.

- CO4: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, chủ động phát triển nghề nghiệp; có đạo đức, trách nhiệm với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên có được khái niệm, kỹ năng viết trong truyền thông; phân biệt được các thể loại bài viết trong truyền thông.

- CLO2: Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm của môn học này. Phân tích, đánh giá một cách nhanh chóng, đưa ra các giải pháp về các marketing quốc tế và các hoạt động marketing của doanh nghiệp/tổ chức

- CLO3: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, chủ động phát triển nghề nghiệp; có đạo đức, trách nhiệm với nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về viết trong truyền thông 1.1. Các khái niệm cơ bản về viết trong truyền thông 1.2. Phân loại các bài viết trong truyền thông 1.3. Lập kế hoạch cho một bài viết 1.4. Quy trình viết 1.5. Các mô hình viết chung 1.6. Đảm bảo tính chuyên nghiệp của một bài viết trong quan hệ công chúng	2	2				12
Chương 2: Thông cáo báo chí 2.1. Khái niệm 2.2. Vai trò của thông cáo báo chí 2.3. Các thể loại thông cáo báo chí 2.4. Chuẩn bị trước khi viết thông cáo báo chí 2.5. Bố cục của thông cáo báo chí 2.6. Công thức viết thông cáo báo chí 2.7. Cách trình bày một thông cáo báo chí 2.8. Những lưu ý khi viết thông cáo báo chí	2	2				12
Chương 3: Bài PR cho sự kiện 1. Khái niệm 2. Vai trò của bài PR sự kiện	4	4				18

3. Chuẩn bị trước khi viết bài PR cho sự kiện 4. Áp dụng công thức 5W + 1H cho bài PR sự kiện 5. Đặt tiêu đề cho một bài PR sự kiện 6. Hình ảnh trong bài viết 7. Những lưu ý khi viết bài PR sự kiện					
Chương 4: Bài PR cho quảng cáo sản phẩm 4.1. Khái niệm 4.2. Vai trò của bài PR Quảng cáo 4.3. Mô hình viết bài PR Quảng cáo 4.4. Chuẩn bị trước khi viết bài PR Quảng cáo 4.5. Quy trình một bài viết PR Quảng cáo 4.6. 6 công cụ trình bày cho một bài PR Quảng cáo 4.7. Đặt tiêu đề bài viết PR Quảng cáo 4.8. Những kỹ thuật viết bài PR Quảng cáo 4.9. Những lưu ý khi viết bài PR Quảng cáo	4	4			18
Chương 5: Email Marketing 5.1. Khái niệm 5.2. Vai trò của email Marketing 5.3. Cấu trúc của Email Marketing 5.4. Cách viết tiêu đề Email Marketing 5.5. Nội dung Email Marketing 5.6. Thiết kế trình bày Email Marketing 5.7. Những lưu ý khi viết Email Marketing	2	2			10
Chương 6: Brochure-Tờ rơi 6.1. Khái niệm 6.2. Vai trò 6.3. Thông điệp và cách trình bày nội dung	2	2			10
Chương 7: Đạo đức và trách nhiệm của viết trong truyền thông Mar 7.1. Khái niệm 7.2. Luật bản quyền 7.3. Hướng dẫn trích dẫn 7.4. Bảo vệ dữ liệu	2	2			10
Chương 8: Thực hành viết truyền thông đa phương tiện	0	0		6	
Tổng	18	18		6	90

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	<p>Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Viết trong truyền thông đa phương tiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 1	CLO 1, CLO2,	30%
2	<p>Các câu hỏi về kiến ở nội dung Thông cáo báo chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự chọn một thể loại về thông cáo báo chí và xây dựng bố cục của thông cáo báo chí đó. - Mục đích: Sinh viên biết cách phân biệt các loại thông cáo báo chí và xây dựng bố cục một thông cáo báo chí. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập 	Rubric 2	CLO2, CLO3	
3	<p>Lựa chọn một vấn đề về Bài PR cho sự kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng công thức 5W + 1H để viết một bài PR sự kiện. - Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các viết một bài PR cho sự kiện; + Áp dụng công thức 5W + 1H để viết một bài PR sự kiện. 	Rubric 3	CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề liên quan đến học phần Viết trong truyền thông đa phương tiện. - Mục đích: Sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học để hoàn thành một bài viết cụ thể về Email Marketing hoặc Brochure - Tờ Rơi. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân 	Rubric 4	CLO2, CLO3,	20%
III Thi cuối kỳ				
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i>: Sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học để hoàn thành một bài viết cụ thể về một trong các thể loại viết sau: Thông cáo báo chí, PR cho sự kiện, PR cho Quảng 	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

	cáo sản phẩm, Email Marketing, Brochure - Tờ Rơi, Báo chí nội bộ và Bài diễn văn. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
--	--	--	--	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Di Li (2015), *Kỹ năng viết trong Quan Hệ Công Chúng*, NXB Dân Trí.

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Hoàng Xuân Phương & Nguyễn Thị Ngọc Châu (2012), *Phong Cách PR chuyên nghiệp*, NXB Lao Động -Xã hội.

Học phần 48.B. Quản lý dự án truyền thông/Media project management

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 126046
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Quản lý dự án truyền thông cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng và ứng dụng giải quyết các vấn đề cơ bản liên quan cách thức lập kế hoạch và quản lý dự án liên quan trong lĩnh vực truyền thông bao gồm:

- Các kiến thức cơ bản về: quản lý dự án, mô hình tổ chức và các nhà quản lý dự án truyền thông; lập kế hoạch, quản lý thời gian, tiến độ dự án; phân phối các nguồn lực dự án; dự toán ngân sách, quản lý chi phí cũng như chất lượng dự án và thực hành thiết kế dự án truyền thông
- Các kiến thức về dự án và truyền thông vào thực hành thiết kế, quản lý một dự án truyền thông, từ đó phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, đưa ra được các phương án, lựa chọn giải quyết vấn đề trong học tập.
- Giúp người học hiểu và áp dụng các kiến thức, kỹ năng lập kế hoạch, quản lý dự án truyền thông vào công việc trong tương lai. Chủ động học tập tích cực, có khả năng thích ứng nhanh với sự biến đổi trong thời đại công nghệ số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Biết và hiểu rõ các nguyên lý, khái niệm, thuật ngữ chuẩn về quản lý dự án truyền thông; có kiến thức cơ bản về vòng đời dự án, các thành phần chính trong dự án, xây dựng dự án và các phương pháp quản lý dự án về truyền thông
- CO2: Nắm được các lĩnh vực kiến thức điển hình trong quản lý dự án; có kiến thức cơ bản để quản lý dự án dưới góc độ tư nhân cũng như quản lý nhà nước
- CO3: Xây dựng kỹ năng quản lý dự án thông qua ứng dụng các kiến thức được học vào lập dự án, quản lý và đánh giá dự án; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và khả năng tư duy độc lập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu các khái niệm liên quan đến quản lý dự án truyền thông, quy trình và tầm quan trọng của quản lý dự án truyền thông; xây dựng được kế hoạch quản lý dự án truyền thông.

- CLO2: Có khả năng tham gia vào xây dựng một dự án truyền thông theo yêu cầu; có khả năng điều phối và xử lý các tình huống trong quá trình quản lý và xây dựng dự án; có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý tiến độ dự án và kết quả của dự án hiệu quả; có kỹ năng làm việc theo nhóm và trình bày các ý tưởng, kế hoạch xây dựng dự án truyền thông.

- CLO3: Xây dựng và phát triển thái độ học tập tích cực, khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm, nhận thức rõ trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc quản lý dự án truyền thông. Phát triển tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp và trong cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án truyền thông 1.1. Khái niệm dự án và quản lý dự án 1.2. Lịch sử phát triển của quản lý dự án	2					5
Chương 2: Mô hình tổ chức và các nhà quản lý dự án 2.1. Mô hình tổ chức 2.2. Nhà quản lý dự án	2					10
Chương 3: Lập kế hoạch dự án 3.1. Khái niệm, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch 3.2. Các bước xây dựng dự án truyền thông	3	3				15
Chương 4: Quản lý thời gian và tiến độ dự án 4.1. Mạng công việc 4.2. Phương pháp biểu đồ GANTT và biểu đồ đường chéo	2	2				10
Chương 5: Phân phối các nguồn lực dự án 5.1. Khái niệm nguồn lực 5.2. Phân phối nguồn lực dự án bằng phương pháp ưu tiên	2	2				10
Chương 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án 6.1 Khái niệm và đặc điểm của dự toán ngân sách 6.2 Phương pháp dự toán ngân sách 6.3 Thời gian và Chi phí 6.4 Quản lý chi phí dự án	3	3				10

Chương 7: Quản lý chất lượng, giám sát và đánh giá dự án					
7.1 Quản lý chất lượng dự án	4	4			20
7.2 Giám sát dự án					
7.3 Đánh giá dự án					
Chương 8: Bài tập thực hành quản lý dự án truyền thông	0	4		6	10
Tổng	18	18		6	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Quản lý dự án truyền thông - Vấn đáp trên lớp học sau mỗi chương của học phần - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học, kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của SV ở nhà và thư viện, phát triển kỹ năng ghi nhớ, tư duy phản biện. - Yêu cầu: Kiểm tra cá nhân	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Các câu hỏi về quản lý dự án, lập kế hoạch dự án - Sinh viên tự chọn một vấn đề về quản lý dự án - Mục đích: Sinh viên nhận diện và hiểu cách thức thiết kế/lập dự án, vận dụng nguồn lực, ngân sách, quản lý thời gian, công việc để hoàn thành bản kế hoạch dự án truyền thông - Yêu cầu: Sinh viên làm việc cá nhân, theo nhóm (tùy từng vấn đề được GV đưa ra)	Rubric 2	CLO1 CLO3	
3	Câu hỏi về Quản lý chất lượng, giám sát và đánh giá dự án - Mục đích: Sinh viên hiểu quy trình quản lý chất lượng, quy trình giám sát và các cách thức đánh giá dự án. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc theo nhóm	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Các chủ đề liên quan đến lập kế hoạch dự án truyền thông, tìm kiếm nguồn lực, xây	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	20%

	dựng bảng dự toán ngân sách dự án (tính đến thời điểm thi GK) - Hình thức: Viết luận (Cá nhân) - Mục đích: Kiểm tra quá trình học tập, lĩnh hội, tiếp thu kiến thức của SV trong môn học. - Yêu cầu: Bài kiểm tra cá nhân là yêu cầu bắt buộc để đủ điều kiện dự thi cuối kì			
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Viết luận - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi kết thúc học phần Quản lý dự án truyền thông. - Yêu cầu: Lịch thi theo sự sắp xếp của Nhà trường.	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Từ Quang Phương (2014), *Quản lý dự án*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Joseph Heagney (2018), *Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản*, NXB Công Thương, Hà Nội.

Học phần 48.C. Tổ chức sự kiện/Event planning

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6TH)
- Mã học phần: 126047
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện, lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tổ chức sự kiện, công tác chuẩn bị tổ chức sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện...Kiến thức của học phần giúp sinh viên có thể phân tích thực tế, tổng hợp các yếu tố lý thuyết và thực tiễn vận dụng vào công tác tổ chức và đánh giá sự kiện.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu khái niệm cơ bản về tổ chức sự kiện và các loại sự kiện; nắm được cách xây dựng chủ đề, thành lập chương trình cho sự kiện; biết cách dự toán kinh phí cho sự kiện hợp lý; biết tổ chức hậu cần cho sự kiện; tổ chức điều hành sự kiện thành công; nắm bắt được xu hướng và nhu cầu của sự kiện ở Việt Nam và trên thế giới.

- CO2: Hình thành kỹ năng cần thiết trong công tác tổ chức sự kiện như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng đàm phán...Ngoài ra đòi hỏi những kỹ năng về vi tính và thiết kế sân khấu và không gian cho từng loại sự kiện khác nhau; kỹ năng tổ chức sự kiện có liên quan đến chuyên ngành truyền thông đa phương tiện.

- CO3: Nhận thức đúng về vai trò cấp thiết của nghề tổ chức sự kiện trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay; có thái độ đúng đắn và nghiêm túc, chuẩn mực trong công tác tổ chức sự kiện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu biết tầm quan trọng của tổ chức sự kiện; xây dựng kế hoạch tổ chức một sự kiện điển hình theo yêu cầu.

- CLO2: Có khả năng tham gia tự thiết kế kế hoạch tổ chức sự kiện theo yêu cầu; có khả năng điều phối các bộ phận trong tiến trình chuẩn bị tổ chức sự kiện; có khả năng xử lý các tình huống trong quá trình tổ chức sự kiện; có kỹ năng giao tiếp với nhà đầu tư sự kiện, với khách mời và đồng nghiệp; có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý tiến độ dự án và kết quả của dự án dựa trên phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện; có kỹ năng làm việc theo nhóm và trình bày các ý tưởng, kế hoạch sự kiện trước nhiều người.

- CLO3: Nhận thức đủ tầm quan trọng và các biến động của nghề tổ chức sự kiện trong nền kinh tế hiện đại; có thái độ tích cực, chủ động, tự tin và chuyên nghiệp trong công việc; có tinh thần cầu tiến, ham tìm hiểu và đổi mới trong thiết kế các sự kiện.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan về hoạt động tổ chức sự kiện 1.1. Khái quát về tổ chức sự kiện 1.2. Các loại sự kiện 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện 1.4. Vai trò của tổ chức sự kiện 1.5. Khái quát thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới	3	3				12
Chương 2: Xây dựng chủ đề, lập chương trình, dự toán ngân sách cho sự kiện 2.1. Xây dựng chủ đề cho sự kiện 2.2. Lập chương trình cho sự kiện 2.3. Lập kế hoạch tổng thể cho sự kiện 2.4. Dự toán ngân sách cho sự kiện 2.5. Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tổ chức sự kiện	5	3				20
Chương 3: Chuẩn bị cho tổ chức sự kiện 3.1. Thành lập ban tổ chức sự kiện 3.2. Chuẩn bị về thủ tục hành chính	4	5				18

3.3. Chuẩn bị các công việc có liên quan đến khách mới					
3.4. Chuẩn bị địa điểm cho sự kiện					
3.5. Chuẩn bị nhân lực cho sự kiện					
3.6. Chuẩn bị các yếu tố khác					
Chương 4: Chuẩn bị hậu cần cho sự kiện					
4.1. Khái quát về hậu cần cho tổ chức sự kiện	3	5	4		28
4.2. Quy trình chung trong quản lý hậu cần trong sự kiện					
4.3. Cung ứng các dịch vụ cho sự kiện					
Chương 5: Tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện					
5.1. Tổ chức khai mạc sự kiện	3	2	2		20
5.2. Tổ chức diễn biến sự kiện					
5.3. Tổ chức bế mạc sự kiện					
Tổng	18	18	6		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần tổ chức sự kiện - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Các câu hỏi về các nội dung của tổ chức sự kiện - Sinh viên tự chọn một chủ đề cho sự kiện (trực tiếp hoặc online), lập chương trình cho sự kiện đã chọn - Mục đích: Sinh viên biết cách lựa chọn chủ đề và cách lập chương trình cho một sự kiện. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO2, CLO3	
3	Lựa chọn một sự kiện thực tế và lên phương án chuẩn bị cho sự kiện - Xây dựng một phương án chuẩn bị cho sự kiện	Rubric 3	CLO2, CLO3	

	- Mục đích: Sinh viên biết các bước chuẩn bị cho sự kiện - Yêu cầu: Sinh viên làm việc nhóm			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Xây dựng chủ đề cho một sự kiện, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện đó - Mục đích: Biết cách xây dựng và lên dự toán ngân sách cho một sự kiện. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Thi viết về các nội dung cơ bản trong tổ chức sự kiện. + <i>Phần vận dụng</i> : Xây dựng một kế hoạch tổ chức và điều hành một sự kiện tự chọn - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Lưu Văn Nghiêm (2009), *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Sử Ngọc Điệp (2015), *Giáo trình quản lý tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Lao động – xã hội, Hà Nội.

Học phần 49.A. Các nền tảng số/ Fundamentals of Digital

- Số tín chỉ: 2 (25, 10)
- Mã học phần: 173107
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học máy tính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về chương trình chuyển đổi số quốc gia, khái niệm nền tảng số và các khái niệm liên quan trong quá trình chuyển đổi số, chương trình phát triển nền tảng số quốc gia; các nền tảng số cần thiết cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và các nền tảng số cần thiết cho các lĩnh vực, các công nghệ cốt lõi trong phát triển nền tảng số. Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng, vận hành, nghiên cứu, phát triển các nền tảng số trong các lĩnh vực cụ thể và trong chương trình phát triển nền tảng số quốc gia.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được khái niệm chuyển đổi số và chương trình chuyển đổi số quốc gia; khái niệm nền tảng số và vai trò của việc phát triển các nền tảng số trong chương trình chuyển đổi số; chương trình phát triển nền tảng số quốc gia.

- CO2: Hiểu được các nền tảng số cần thiết cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và các nền tảng số cần thiết cho các lĩnh vực; các công nghệ cốt lõi trong phát triển nền tảng số.

- CO3: Có kỹ năng sử dụng các nền tảng số trong các lĩnh vực cụ thể và trong chương trình phát triển nền tảng số quốc gia.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hiểu được khái niệm chuyển đổi số và nội dung chương trình chuyển đổi số quốc gia.

CLO2: Hiểu được khái niệm nền tảng số và nội dung chương trình phát triển nền tảng số quốc gia.

CLO3: Phân tích, đánh giá được vai trò của việc phát triển các nền tảng số trong chương trình chuyển đổi số quốc gia.

CLO4: Hiểu được các nền tảng số cần thiết cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và các nền tảng số cần thiết cho các lĩnh vực.

CLO5: Hiểu được khái niệm của các công nghệ cốt lõi trong phát triển nền tảng số.

CLO6: Phân tích, đánh giá được vai trò, ý nghĩa của các công nghệ cốt lõi trong phát triển nền tảng số.

CLO7: Sử dụng được các nền tảng số trong các lĩnh vực cụ thể và trong chương trình phát triển nền tảng số quốc gia.

CLO8: Thể hiện được khả năng chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu về các nền tảng số và các công nghệ cốt lõi cần thiết cho quá trình chuyển đổi số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về các nền tảng số 1.1. Chuyển đổi số và chương trình chuyển đổi số quốc gia 1.2. Nền tảng số là gì? 1.3. Thực trạng phát triển nền tảng số tại Việt Nam 1.4. Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia	6	2				21
Chương 2: Các nhóm nền tảng số 2.1. Hạ tầng số 2.2. Công nghệ số cốt lõi 2.3. Chính phủ số 2.4. Nền tảng số trong lĩnh vực y tế - giáo dục – văn hóa – xã hội	10	4				36

2.5. Nền tảng số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng – kinh doanh					
2.6. Nền tảng số trong lĩnh vực nông nghiệp – giao thông – kho vận – công thương					
Chương 3: Công nghệ số cốt lõi trong phát triển các nền tảng số					
3.1. Điện toán đám mây					
3.2. Dữ liệu lớn	9	4			33
3.3. Mạng vạn vật					
3.4. Trí tuệ nhân tạo					
3.5. Chuỗi khối					
3.6. Một số công nghệ khác					
Tổng số tiết	25	10			90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7, CLO8	30%
2	Trắc nghiệm	Rubric 2	CLO4, CLO7, CLO8	
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thuyết trình	Rubric 4	CLO4, CLO7, CLO8	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Vấn đáp	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% tổng số tiết của học phần.
- Có tài liệu, đọc, nghiên cứu tài liệu, làm bài tập đầy đủ.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và dự thi cuối kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Bùi Quang Tuấn, Hà Duy Ngọc (2022), *Chuyển đổi số - Kinh nghiệm quốc tế và lộ trình cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

Học phần 49.B. Kỹ thuật số và quản lý truyền thông/ Digital Technology and Media Management

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0)
- Mã học phần: 172002
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần "**Kỹ thuật số và quản lý truyền thông**" là một học phần trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện, tập trung vào việc giúp sinh viên hiểu và áp dụng các công nghệ kỹ thuật số trong truyền thông đa phương tiện để quản lý các chiến lược truyền thông đa phương tiện.

Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu với các khái niệm cơ bản về kỹ thuật số và truyền thông đa phương tiện, và các công nghệ kỹ thuật số được sử dụng trong truyền thông đa phương tiện, bao gồm các nền tảng số như các trang web, mạng xã hội, ứng dụng di động, email, tin nhắn văn bản và các công nghệ kỹ thuật số khác.

Học phần cũng tập trung vào cách quản lý các chiến lược truyền thông đa phương tiện, bao gồm cả lên kế hoạch, triển khai và đánh giá kết quả chiến dịch truyền thông đa phương tiện. Sinh viên sẽ được học các kỹ năng và công cụ để quản lý các chiến lược truyền thông đa phương tiện trong thực tế, bao gồm cả cách sử dụng các công cụ quản lý truyền thông đa phương tiện và cách đánh giá hiệu quả của các chiến dịch truyền thông đa phương tiện.

Học phần cũng giúp sinh viên hiểu về các vấn đề liên quan đến quản lý dữ liệu số và bảo mật thông tin trong truyền thông đa phương tiện, cũng như các vấn đề liên quan đến đạo đức và pháp luật trong truyền thông đa phương tiện, bao gồm cả việc tuân thủ các quy định về quyền riêng tư, bản quyền và sự tự do ngôn luận.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Khái quát hóa và phân loại các yếu tố cơ bản của kỹ thuật số và quản lý truyền thông trong truyền thông đa phương tiện bao gồm: các công nghệ kỹ thuật số được sử dụng, lên kế hoạch, triển khai và đánh giá kết quả chiến dịch truyền thông, quản lý dữ liệu số và bảo mật thông tin trong truyền thông

CO2: Hiểu được các vấn đề liên quan đến đạo đức và pháp luật trong truyền thông đa phương tiện, bao gồm cả việc tuân thủ các quy định về quyền riêng tư, bản quyền và sự tự do ngôn luận. Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tạo ra các chiến dịch truyền thông đa phương tiện và hiệu quả đáp ứng các yêu cầu của thị trường ngày nay.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Hiểu biết về các công nghệ kỹ thuật số và ứng dụng của chúng trong truyền thông đa phương tiện.

CLO2: Hiểu về quản lý dữ liệu kỹ thuật số và các ứng dụng quản lý nội dung.

CLO3: Có khả năng phát triển và triển khai các chiến lược truyền thông số.

CLO4: Nắm vững các kỹ năng cơ bản về viết, chỉnh sửa và xuất bản nội dung trực tuyến.

CLO5: Hiểu và sử dụng các công cụ phân tích và đo lường hiệu quả của các chiến dịch truyền thông số.

CLO6: Hiểu về luật pháp và đạo đức trong truyền thông số và quản lý dữ liệu kỹ thuật số. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và giải quyết vấn đề trong các dự án truyền thông số.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
CHƯƠNG 1. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SỐ VÀ TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN -Giới thiệu các công nghệ kỹ thuật số và quản lý truyền thông - Các ứng dụng của công nghệ kỹ thuật số trong truyền thông đa phương tiện, (bao gồm các thiết bị, phần mềm và ứng dụng web)	5			0	15
CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ DỮ LIỆU KỸ THUẬT SỐ VÀ CHIẾN LƯỢC TRUYỀN THÔNG SỐ - Giới thiệu về các hệ thống quản lý dữ liệu kỹ thuật số. - Chiến lược truyền thông số, (bao gồm việc xác định mục tiêu, tạo nội dung, lựa chọn phương tiện truyền thông, đo lường hiệu quả và tối ưu hóa chiến lược).	5	5		0	25
CHƯƠNG 3. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG SỐ, PHÂN TÍCH VÀ ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ - Các kỹ năng cơ bản về viết, chỉnh sửa, xuất bản nội dung trực tuyến và sản xuất nội dung đa phương tiện - Giới thiệu các công cụ phân tích và đo lường hiệu quả của các chiến dịch truyền thông số, (bao gồm các tiêu chí đánh giá hiệu quả và cách sử dụng các công cụ phân tích)	10			0	25
CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT, ĐẠO ĐỨC TRONG TRUYỀN THÔNG SỐ VÀ QUẢN LÝ DỮ LIỆU KỸ THUẬT SỐ. - Giới thiệu các quy định pháp luật liên quan đến truyền thông số. - Quản lý dữ liệu kỹ thuật số, các khía cạnh đạo đức và trách nhiệm xã hội	5	5		0	25
Tổng số tiết	25	10		0	90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Trắc nghiệm	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO6	30%
2	Trắc nghiệm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Trắc nghiệm	Rubric 3	CLO4, CLO5, CLO6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Trắc nghiệm	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Trắc nghiệm	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Có tài liệu học để tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập.
- Không nghỉ quá 20% tổng số giờ của học phần.
- Phải chuẩn bị bài tập và thảo luận khi tham gia các buổi thảo luận trên lớp.
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, dự thi cuối kỳ (quy định tại mục 6).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1] Nguyễn Văn Minh (2018) "*Kỹ thuật số và truyền thông đa phương tiện*", Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1] Lê Quang Thái (2017) "*Kỹ thuật số trong nghệ thuật truyền thông*", Nhà xuất bản Thông tấn.

[2] Lê Thị Thu Hà, Hoàng Thịnh, Phạm Việt Anh (2020), "*Truyền thông kỹ thuật số*" Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

Học phần 50. Thực tập cơ sở

- Số tín chỉ: 2 (60 tiết thực tế)
- Mã học phần: 172067
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung chính của học phần này là sinh viên vận dụng các học phần của khối kiến thức cơ sở ngành xây dựng hoặc triển khai giải pháp Truyền thông đa phương tiện nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Các công việc chính bao gồm: phân tích vấn đề cần giải quyết, ứng dụng giải pháp phù hợp, thiết kế giải pháp, xây dựng giải pháp và viết báo cáo trình bày.

2. Mục tiêu học phần

CO: Giúp cho người học vận dụng các kiến thức của các học phần cơ sở ngành, để rèn luyện kỹ năng phát triển một ứng dụng đơn giản (hoặc triển khai một giải pháp công nghệ thông tin đơn giản), nhằm tập cho người học làm quen với phát triển ứng dụng hoặc triển khai giải pháp Truyền thông đa phương tiện ở mức độ vừa phải.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể:

CLO1: Hiểu rõ các khái niệm cơ bản được trình bày trong các học phần về hệ thống, lập trình, cơ sở dữ liệu, và giải thuật.

CLO2: Hiểu rõ khả năng ứng dụng các kiến thức cơ sở ngành vào một vấn đề đơn giản.

CLO3: Hiểu rõ khả năng ứng dụng các kiến thức cơ sở ngành đã được học trong phát triển một ứng dụng hoặc triển khai giải pháp Truyền thông đa phương tiện.

CLO4: Phân tích vấn đề đặt ra. Ứng dụng giải pháp Truyền thông đa phương tiện để có thể giải quyết vấn đề đặt ra.

CLO5: Thiết kế giải pháp Truyền thông đa phương tiện để giải quyết vấn đề. Phân tích kết quả đạt được, trình bày và thuyết trình giải pháp và kết quả đạt được

CLO 6: Có ý thức trách nhiệm trong công việc được phân công; Chuyên nghiệp trong công việc; Có tính tự học tập, tự nghiên cứu; Có ý thức đạo đức nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

- Lập kế hoạch
- Phân tích vấn đề
- Thiết kế giải pháp
- Viết báo cáo thực tập

5. Phương pháp dạy học

- Thảo luận
- Phản hồi các báo cáo của sinh viên
- Đánh giá kết quả sinh viên đạt được.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

Rubric đánh giá thực tập cơ sở

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Lập kế hoạch thực hiện công việc chi tiết.
- Báo cáo kết quả thực hiện cho giáo viên hướng dẫn (GVHD) theo kế hoạch.
- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu do GVHD đặt ra.
- Tự nghiên cứu các công cụ để xây dựng các thành phần và phát triển ứng dụng

Học phần 51. Thực tập tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 5 (150 tiết thực tế)
- Mã học phần: 172068
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế

1. Mô tả học phần

Thực tập tốt nghiệp ngành Truyền thông đa phương tiện là giai đoạn cuối cùng trong quá trình học tập của sinh viên trước khi ra trường. Thực tập này tập trung vào việc áp dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn đã học được vào một dự

án thực tế. Trong thực tập, sinh viên được giao nhiệm vụ thực hiện một dự án truyền thông đa phương tiện, từ khâu lên ý tưởng, xây dựng kế hoạch, thực hiện đến sản phẩm cuối cùng. Sinh viên cũng có cơ hội tiếp cận với các công nghệ và phần mềm mới nhất trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện và làm việc với các chuyên gia trong ngành. Ngoài ra, sinh viên cũng phải thực hiện báo cáo về quá trình và kết quả của dự án thực tập để chứng minh khả năng của mình trong việc áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường lao động và tạo điều kiện để phát triển kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn của mình.

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chính của thực tập cuối khóa ngành Truyền thông đa phương tiện là giúp sinh viên tích lũy và áp dụng các kiến thức, kỹ năng thực tế đã học được trong quá trình học tập vào công việc thực tế. Bằng cách tham gia vào môi trường làm việc thực tế, sinh viên sẽ có cơ hội tiếp cận với các công nghệ, quy trình và yêu cầu của ngành truyền thông đa phương tiện trong thực tế.

Một số mục tiêu cụ thể của thực tập cuối khóa có thể bao gồm:

CO1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế.

CO2: Phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và đội nhóm.

CO3: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết phục trong công việc.

CO4: Tìm hiểu và áp dụng các công nghệ và phần mềm liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

CO5: Tiếp cận với các hoạt động sản xuất, biên tập và quảng cáo trong ngành truyền thông đa phương tiện.

CO6: Tìm kiếm và đề xuất giải pháp cho các vấn đề trong công việc.

CO7: Xây dựng mối quan hệ chuyên nghiệp và mở rộng mạng lưới liên kết trong ngành.

Tổng thể, thực tập cuối khóa là một bước quan trọng để giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường lao động và nâng cao kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn của mình trong ngành truyền thông đa phương tiện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể:

CLO1: Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong giải quyết các vấn đề thực tế.

CLO2: Nêu được một số giải pháp, công nghệ được vận dụng tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập.

CLO3: Có kỹ năng thực hành, kỹ năng lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập, kỹ năng làm việc nhóm.

CLO4: Vận dụng các giải pháp Truyền thông đa phương tiện và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề.

CLO5: Có kỹ năng trình bày, báo cáo đề án.

CLO6: Có ý thức chấp hành kỷ luật lao động, nội quy cơ quan thực tập. Có tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong học tập và giải quyết vấn đề thực tiễn.

4. Nội dung học phần

Nội dung công việc cụ thể sẽ đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập giao được sự thống nhất của Khoa CNTT&TT

5. Phương pháp dạy học

- Thảo luận
- Phản hồi các báo cáo của sinh viên
- Đánh giá kết quả sinh viên đạt được.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

Rubric đánh giá khóa luận

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đảm bảo đúng thời gian thực tập tại đơn vị.
- Tuân thủ quy định, nội quy của đơn vị.
- Thực hiện theo phiếu giao việc của cán bộ hướng dẫn thực tập tại đơn vị.
- Báo cáo định kỳ hàng tuần kết quả công việc với cán bộ hướng dẫn thực tập.
- Viết báo cáo công việc thực hiện cùng phiếu đánh giá của cán bộ hướng dẫn thực tập nộp lại cho giáo viên hướng dẫn cuối đợt thực tập.

Học phần 52. Khóa luận tốt nghiệp/Multimedia Communication Thesis

- Số tín chỉ: 6
- Mã học phần: 172069
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế

1. Mô tả học phần

Nội dung chính của học phần này là sinh viên vận dụng các học phần của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để xây dựng xây dựng và phát triển giải pháp TTĐPT nhằm giải quyết vấn đề trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Các công việc chính bao gồm: Xác định và phân tích vấn đề cần giải quyết, tìm kiếm giải pháp phù hợp, thiết kế giải pháp, xây dựng và triển khai giải pháp (bao gồm kiểm thử) và viết báo cáo trình bày.

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu của khóa luận tốt nghiệp ngành Truyền thông đa phương tiện là giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận và nghiên cứu một chủ đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá dữ liệu, xây dựng giải pháp và đưa ra kết luận.

Ngoài ra, khóa luận tốt nghiệp cũng giúp sinh viên:

- CO1: Tìm hiểu sâu hơn về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện và các chủ đề liên quan.
- CO2: Phát triển khả năng trình bày, viết báo cáo và thuyết trình.
- CO3: Nâng cao khả năng tìm kiếm thông tin, tìm hiểu về công nghệ và phần mềm sử dụng trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.
- CO4: Xây dựng mối quan hệ và kết nối với các chuyên gia trong ngành truyền thông đa phương tiện.

Tóm lại, khóa luận tốt nghiệp ngành Truyền thông đa phương tiện có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên phát triển kỹ năng và kiến thức liên quan đến lĩnh vực này, chuẩn bị cho sinh viên vào thị trường lao động và tiếp cận với các cơ hội nghiên cứu và phát triển trong ngành truyền thông đa phương tiện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể:

CLO1: Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong giải quyết các vấn đề thực tế

CLO2: Nêu được một số giải pháp, công nghệ được vận dụng tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập.

CLO3: Có kỹ năng thực hành, kỹ năng lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập, kỹ năng làm việc nhóm

CLO4: Vận dụng các giải pháp Truyền thông đa phương tiện và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề.

CLO5: Kỹ năng trình bày, báo cáo đề án

CLO6: Có ý thức chấp hành kỷ luật lao động, nội quy cơ quan thực tập. Tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong học tập và giải quyết vấn đề thực tiễn.

4. Nội dung học phần

Nội dung công việc cụ thể sẽ đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập giao được sự thống nhất của Khoa CNTT&TT

5. Phương pháp dạy học

- Thảo luận
- Phản hồi các báo cáo của sinh viên
- Đánh giá kết quả sinh viên đạt được.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

Rubric đánh giá thực tập tốt nghiệp

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các công việc sau:

- Lập kế hoạch thực hiện chi tiết.
- Thực hiện đề tài luận văn theo kế hoạch đã thống nhất với giáo viên hướng dẫn (GVHD)
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện từng giai đoạn cho GVHD theo kế hoạch.

Học phần 53.A. Công nghệ truyền thông/Communication technology

- Số tín chỉ: 3 (30, 15, 15)
- Mã học phần: 172070
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Tổng quan về các công nghệ đa phương tiện, hệ thống truyền thông đa phương tiện, các mô hình truyền dữ liệu đa phương tiện, các phương pháp nén dữ liệu đa phương tiện: video, ảnh, âm thanh. Các giao thức truyền thông đa phương tiện. Xây dựng các ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có kiến thức cơ bản về hệ thống truyền thông đa phương tiện, dữ liệu đa phương tiện, các kỹ thuật nén dữ liệu đa phương tiện, các kỹ thuật truyền dữ liệu thời gian thực, các giao thức mạng trong truyền thông đa phương tiện, và các vấn đề liên quan đến công nghệ đa phương tiện trong lĩnh vực truyền thông.

CO2: Người học có thể ứng dụng lý thuyết đã học cho một số bài toán đã và đang đặt ra trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

CO3: Rèn luyện tính chủ động trong học tập và nghiên cứu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến hệ thống truyền thông đa phương tiện.

CLO2: Thực hiện được việc lưu trữ và thu hồi dữ liệu đa phương tiện.

CLO3: Trình bày được việc truyền dữ liệu đa phương tiện trên mạng máy tính.

CLO4: Chỉ ra được các đặc tính của dữ liệu và mô hình triển khai hệ thống truyền thông đa phương tiện.

CLO5: Đánh giá được chất lượng của một số ứng dụng truyền thông đa phương tiện.

CLO6: Chủ động và có trách nhiệm trong học tập để đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của xã hội.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Tổng quan 1.1. Các thành phần của hệ thống truyền thông đa phương tiện 1.2. Dữ liệu đa phương tiện 1.3. Các mô hình truyền dữ liệu đa phương tiện 1.4. Các thách thức khi xây dựng một hệ thống truyền thông đa phương tiện (Coding, System, Networking)	7	0		0		
Chương 2: Lưu trữ và thu hồi dữ liệu đa phương tiện 2.1. Cấu trúc và mô hình đĩa cứng 2.2. Lập lịch trình trên đĩa 2.3. Cải thiện dung lượng đĩa 2.4. Lưu trữ và thu nhận dữ liệu trên nhiều đĩa 2.5. Các kỹ thuật trên đĩa: phân vùng, lập lịch, phân miền...	7	5		5		
Chương 3: Truyền dữ liệu đa phương tiện trên mạng máy tính 3.1. Streaming media 3.2. Kiến trúc server song song trong mạng đa phương tiện	8	5		5		

3.3. Kiến trúc multicast streaming						
3.4. Các giao thức truyền thông đa phương tiện sử dụng trong thiết lập cuộc gọi						
Chương 4: Một số ứng dụng truyền thông đa phương tiện	8	5		5		
4.1. Voice IP						
4.2. Video IP						
4.3. Video conferencing						
4.4. Television over IP						
4.5. Video on demand						
4.6. Interactive TV						
4.7. Các ứng dụng OTT						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, diễn giảng, đặt vấn đề - gọi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	- Nội dung chương 1 - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO6	30%
2	- Nội dung chương 2 - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung chương 2	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO6	
3	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung chương 3 - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO4	
4	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung chương 4 - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Bài thực hành của chương 2, 3 - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1-CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,

- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
 - + Thảo luận nhóm và báo cáo thuyết trình tại lớp.
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Jerry D. Gibson (2001), “*Multimedia Communications*”, ACADEMIC PRESS.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2. MICHAEL TOPIC (2002), “*Streaming Media Demystified*”, McGraw-Hill Telecom

3. Wiley Jack y.b.lee (2005), “*Scalable Continuous Media Streaming System, File điện tử Architecture, design, analysis and Implementation*”, Addition Wesley Publishing Company.

Học phần 53.B. Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông/Risks and handling crisis

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 26 TL, 10 TH)
- Mã học phần: 126048
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần bao gồm: Khái quát chung về rủi ro và khủng hoảng truyền thông, Các chức năng quản lý chủ động và quản trị khủng hoảng, Nhận diện khủng hoảng, Chuẩn bị cho khủng hoảng, Xử lý khủng hoảng, Thiết kế thông điệp, Giải quyết hậu khủng hoảng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nhận thức được tầm quan trọng của rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông. Giải thích và phân biệt được các khái niệm liên quan đến rủi ro và khủng hoảng truyền thông; có những hiểu biết về các phương pháp tiếp cận để nhận diện khủng hoảng truyền thông.

- CO2: Có thể đề xuất các hướng giải quyết và phương pháp quản trị trong giai đoạn khủng hoảng và hậu khủng hoảng; biết cách xây dựng bản kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông và kế hoạch marketing để khôi phục hình ảnh thương hiệu

- CO3: Nhận thức rõ trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong xử lý và quản trị khủng hoảng truyền thông. Phát triển thái độ học tập tích cực suốt đời;

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có thể giải thích và phân loại các thuật ngữ và các khái niệm về rủi ro và khủng hoảng truyền thông và quản trị khủng hoảng truyền thông; giải thích quá trình quản trị khủng hoảng.

- CLO2: Hiểu được cách thiết kế kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông; mô tả nội dung của một bản kế hoạch xử lý khủng hoảng truyền thông. Có sự hiểu biết sâu sắc cơ sở lý thuyết để dự đoán các cuộc khủng hoảng tiềm ẩn và phát triển các phương pháp tránh hoặc giảm thiểu thiệt hại vận dụng trong thực tiễn; có khả năng nhận

diện và phân tích được tác động của các cuộc khủng hoảng lên cộng đồng, về tổ chức và các bên liên quan của nó; có khả năng thiết kế Bản kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông (crisis communication plan -CCP); có khả năng sử dụng các phương pháp chẩn đoán và giải quyết các tình huống khủng hoảng..

- CLO3: Phát triển thái độ tích cực và trách nhiệm trong việc giải quyết khủng hoảng truyền thông; nhận thức được đạo đức trong quản trị khủng hoảng truyền thông; phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Khái quát chung về rủi ro và khủng hoảng truyền thông 1.1. Khái niệm khủng hoảng truyền thông 1.2. Phân loại khủng hoảng truyền thông 1.3. Tầm quan trọng của quản trị khủng hoảng 1.4. Mô hình quản trị khủng hoảng	5	3				12
Chương 2: Các chức năng quản lý chủ động và quản trị khủng hoảng 2.1. Quản lý vấn đề 2.2. Quản lý danh tiếng 2.3. Quản lý rủi ro	4	5				18
Chương 3: Nhận diện khủng hoảng 3.1. Nhận diện những mối nguy hiểm tiềm tàng 3.2. Các dấu hiệu cảnh báo về khủng hoảng sắp xảy ra 3.3. Khủng hoảng và nhu cầu thông tin 3.4. Ngăn ngừa khủng hoảng	3	5				23
Chương 4: Chuẩn bị cho khủng hoảng 4.1. Lỗi hổng chẩn đoán 4.2. Đánh giá các loại khủng hoảng 4.3. Chọn và huấn luyện nhóm quản trị khủng hoảng 4.4. Xây dựng kế hoạch quản trị khủng hoảng truyền thông	4	4				25
Chương 5: Xử lý khủng hoảng 5.1. Xác nhận khủng hoảng 5.2. Cách thức xử lý khủng hoảng 5.3. Nội dung xử lý khủng hoảng 5.4. Chiến lược xử lý khủng hoảng	4	3		3		22
Chương 6: Thiết kế thông điệp	3	3		5		20

6.1. Khái niệm thông điệp 6.2. Thiết kế thông điệp truyền thông 6.3. Chọn kênh truyền thông					
Chương 7: Giải quyết Hậu khủng hoảng 7.1. Đánh giá hậu quả khủng hoảng 7.2. Ghi nhận và rút kinh nghiệm 7.3. Thiết kế và triển khai các hoạt động hậu khủng hoảng	4	3	2		15
Tổng	27	26		10	135

5. Phương pháp dạy – học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông - Vấn đáp trên lớp học sau mỗi chương của học phần - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học, kiểm tra việc tự học, tự nghiên cứu của SV ở nhà và thư viện, phát triển kỹ năng ghi nhớ, tư duy phản biện. - Yêu cầu: Kiểm tra cá nhân	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Các câu hỏi về rủi ro trong lĩnh vực truyền thông, ảnh hưởng của yếu tố văn hóa và các rủi ro truyền thông - Sinh viên tự chọn một vấn đề về báo chí, truyền thông - Mục đích: Sinh viên nhận diện và hiểu cách thức quản lý rủi ro truyền thông, lập chiến lược quản lý rủi ro - Yêu cầu: Sinh viên làm việc cá nhân, theo nhóm (tùy từng vấn đề được GV đưa ra)	Rubric 2	CLO1 CLO3	
3	Câu hỏi về khủng hoảng truyền thông và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông - Mục đích: Sinh viên nhận diện vấn đề khủng hoảng, hiểu và áp dụng quy trình xử lý khủng hoảng vào thực hành ví dụ cụ thể	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	

	- Yêu cầu: Sinh viên làm việc cá nhân, theo nhóm (tùy từng vấn đề được GV đưa ra)			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	- Các chủ đề liên quan đến kiến thức chung của học phần Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông đã học (tính đến thời điểm thi GK) - Hình thức: Viết luận (Cá nhân) - Mục đích: Kiểm tra quá trình học tập, lĩnh hội, tiếp thu kiến thức của SV trong môn học. - Yêu cầu: Bài kiểm tra cá nhân là yêu cầu bắt buộc để đủ điều kiện dự thi cuối kì	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Viết luận - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi kết thúc học phần Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông - Yêu cầu: Lịch thi theo sự sắp xếp của nhà trường sau khi kết thúc học phần	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Tủ sách Harvard (2017), *Quản lý khủng hoảng*, NXB Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Đoàn Thị Hồng Vân (2009), *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

2) Anne Gregory (2017), *Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

3) Ulmer Robert R, Sellnow Timothy L, Seeger Matthew W (2009), *Truyền thông hiệu quả trong khủng hoảng: vượt qua khủng hoảng - tiến tới cơ hội*, NXB Trí thức, Hà Nội.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Đại học	Thời gian đào tạo	Thực tập bên ngoài	Tổng thời gian/tín chỉ (TC)	Chuyên ngành
1	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	4 năm	Tuỳ chọn	4 năm/130	Truyền thông đa phương tiện
2	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	4 năm	Tuỳ chọn	4 năm/126	Truyền thông đa phương tiện
3	Đại học Hồng Đức	4 năm	Tuỳ chọn	4 năm/126	Công nghệ thông tin
4	<i>Multimedia communications, Yukon University, Yukon – Canada</i>	2 năm			
5	<i>Multimedia communications - Grand View University, Mỹ.</i>	2 năm			

Liên kết tham khảo:

1. Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện – Học viện Báo chí và tuyên truyền.
<https://ajc.hcma.vn/daotao/pages/chuong-trinh-dao-tao-he-chinh-quy-tap-trung.aspx?itemID=11395&CateID=830>
2. Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện – Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông Hà nội
<https://daotao.ptit.edu.vn/nganhhoc/7320104>
3. <http://cntt.hdu.edu.vn/cu-nhan-cntt.html>
4. <https://www.yukonu.ca/programs/multimedia-communication>
5. https://www.grandview.edu/filesimages/PDF/Academics/Degree%20Checklists/Major_in_Multimedia_Communication.pdf

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

BÙI VĂN DŨNG